ĐỖ KIM HẢO

50 Đề TRẮC NGHIỆM Ngữ văn

THPT 10



ĐHQG Hà Nội
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

http://tieulun.hopto.org

ĐỖ KIM HẢO

50 ĐỀ TRẮC NGHIỆM

Ngữ Văn

THPT 10

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

http://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn *50 đề trắc nghiệm Ngữ văn THPT 10* được biên soạn nhằm mục đích giúp các em học sinh lớp 10 có thêm tài liệu để tham khảo, luyện tập, giúp các em củng cố, khắc sâu kiến thức và kĩ năng đã học trong chương trình chính khoá.

Sách được biên soạn theo yêu cầu đổi mới nội dung việc kiểm tra đánh giá bằng cách đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá, mạnh dạn thử nghiệm và áp dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan.

Sách được bố cục thành 2 phần:

- Phần I. Đề kiểm tra 45 phút.

- Phần II. Đề kiểm tra 90 phút.

Mỗi phần đều sắp xếp theo trình tự các văn bản được học trong chương trình Ngữ văn 10.

Mỗi đề đều có hai phần : *trắc nghiệm khách quan* và *tự luận*. Sự khác biệt giữa đề kiểm tra 45 phút và đề kiểm tra 90 phút chủ yếu là ở mức độ yêu cầu của phần *tự luận*.

Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan ở mỗi bài đều xoay quanh yêu cầu *Kết quả cần đạt* của chương trình và sách giáo khoa, gồm các dạng thức sau:

- Dạng lựa chọn: thường là lựa chọn một phương án đúng nhất trong các phương án đã cho.

- Hình thức trắc nghiệm đúng – sai.

- Nối các cụm từ ở hai cột để tạo nên phương án đúng.

- Thống kê, phân loại.

- Điền vào bảng, biểu, ô trống...

Hi vọng cuốn sách giúp các em tiến bộ nhiều trong học tập.

Vì người biên soạn chưa có nhiều kinh nghiệm và thiếu tài liệu tham khảo về hình thức trình bày loại sách này nên không tránh khỏi những sai sót. Mong quý vị đồng nghiệp gần xa góp ý. Xin chân thành cám ơn.

Đỗ Kim Hảo

http://tieulun.hopto.org

PHẦN I – ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT

ĐỀ 1
TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM

. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

. Văn học Việt Nam bao gồm các sáng tác nào?

a. Các sáng tác ngôn từ trên đất nước Việt Nam.

b. Các sáng tác ngôn từ bằng tiếng Việt Nam.

c. Các sáng tác ngôn từ của nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay.

d. Các sáng tác nghệ thuật của nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay.

. Văn học Việt Nam bao gồm những bộ phận nào?

a. Văn học dân gian và văn học viết.

b. Văn học dân gian và văn xuôi.

c. Văn học dân gian và thơ.

d. Văn học dân gian và kịch.

. Thể loại nào dưới đây không phải của văn học dân gian?

a. Thần thoại.

b. Ca dao.

c. Kịch nói.

d. Chèo.

. Dòng nào sau đây định nghĩa đúng nhất về văn học viết?

a. Văn học viết là những sáng tác ngôn từ bằng chữ viết.

b. Văn học viết là những sáng tác nghệ thuật của người trí thức.

c. Văn học viết là những sáng tác của người trí thức, được ghi lại ằng chữ viết, mang dấu ấn của tác giả.

d. Cả a và b.

. Văn học Việt Nam từ xưa đến nay được viết bằng những thứ hữ nào?

a. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ.

b. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Pháp.

c. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Anh.

d. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Pháp, tiếng Anh.

http://tieulun.hopto.org

6. Hai thời đại lớn của lịch sử văn học viết Việt Nam được qu ước gọi là gì?

a. Văn học cổ đại và văn học hiện đại.

b. Văn học cổ đại và văn học trung đại.

c. Văn học trung đại và văn học cận đại.

d. Văn học trung đại và văn học hiên đại.

7. Nền văn học viết Việt Nam chính thức hình thành vào thờ gian nào?

a. Thế kỉ I, khi Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Tô Định, xưng vươn và đóng đô ở Mê Linh.

b. Thế kỉ X, khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, giành được độ lập cho dân tộc.

c. Thế kỉ XI, khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long.

d. Cả a, b, c đều sai.

8. Nối các cột sau để có được hệ thống thể loại của văn học trun đại?

a. Văn xuôi	1. Thơ cổ phong, thơ Đường luật, từ khúc.
b. Văn biền ngẫu	2. Truyện, kí, văn chính luận, tiểu thuyết chương hồi.
c. Thơ	3. Phú, cáo, văn tế.

9. Nối các cột sau để có được hệ thống thể loại của văn học hiệ đại?

a. Loại hình tự sự	1. Thơ trữ tình, trường ca.
b. Loại hình trữ tình	2. Kịch nói.
c. Loại hình kịch	3. Tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí, tùy bút, phóng sự.

10. Điền các tác phẩm sau vào ô thích hợp trong bảng phân lo dưới đây: truyện cổ tích *Tấm Cám*, *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải), *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyệ Thanh Quan), *Thiên Trường vãn vọng* (Trần Nhân Tông), *Bạn đến ch nhà* (Nguyễn Khuyến), *Muốn làm thằng Cuội* (Tản Đà), *Vọng nguyệt* (H Chí Minh), *Tức cảnh Pác Bó* (Hồ Chí Minh), thần thoại *Sơn Tinh - Thu Tinh*, *Đập đá ở Côn Lôn* (Phan Châu Trinh), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố).

Văn học dân gian	
Văn học chữ Hán	
Văn học chữ Nôm	

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Trình bày quá trình phát triển của văn học viết Việt Nam.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	a	c	c	d	d	b	a-2, b-3, c-1	a-3, b-1, c-2	

ĐỀ 2
KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Văn học dân gian là gì?

a. Là những tác phẩm văn học viết về nhân dân, phục vụ cho nhân dân.

b. Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

2. Điểm nào sau đây không phải là đặc trưng tiêu biểu của văn học dân gian?

a. Văn học dân gian là sáng tác tập thể.

b. Văn học dân gian là sáng tác truyền miệng.

c. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng.

d. Khi người trí thức tham sáng tác văn học dân gian thì sáng tác ấy trở thành tiếng nói riêng của người trí thức.

3. Điểm nào dưới đây không nói đúng về tính truyền miệng của văn học dân gian?

a. Văn học dân gian tồn tại, lưu hành theo phương thức truyền miệng.

b. Văn học dân gian truyền miệng từ người này sang người khác.

c. Văn học dân gian truyền miệng qua các thế hệ và các địa phương khác nhau.

d. Quá trình truyền miệng kết thúc khi tác phẩm văn học dân gian đã được ghi chép lại.

http://tieulun.hopto.org

4. Quá trình sáng tác tập thể của văn học dân gian diễn ra như thế nào?

a. Nhiều người cùng họp lại để sáng tác, mỗi người sáng tác một phần của tác phẩm.

b. Ban đầu do một người sáng tác nên, sau đó những người khác tiếp tục lưu truyền và sáng tác lại làm cho tác phẩm biến đổi dần.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

5. Điền các từ sau vào chỗ trống thích hợp trong những câu bên dưới: *truyện cười, vè, truyện thơ, truyện ngụ ngôn, ca dao – dân ca, múa rối, câu đố, tục ngữ, truyện thơ, tuồng dân gian*

a. ..... là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại những câu chuyện trong đó nhân vật chủ yếu là động vật và đồ vật, ngụ ý nêu lên những kinh nghiệm sống, những bài học luân lí – triết lí nhân sinh.

b. ..... là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại các hiện tượng hài hước nhằm giải trí và phê phán những cái đáng cười trong cuộc sống.

c. ..... là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

d. ..... là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, miêu tả sự vật,, hiện tượng bằng lối nói ám chỉ để giấu đi tên đối tượng đố, nhằm giải trí và rèn luyện khả năng suy đoán.

e. ..... là thể loại tự sự bằng văn vần, kể lại và bình luận những sự kiện có tính chất thời sự hoặc những sự kiện lịch sử đương thời.

f. ..... là các thể loại trữ tình bằng văn vần hoặc kết hợp lời thơ với giai điệu nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.

g. ..... là thể loại văn vần kết hợp phương thức tự sự với trữ tình,, phản ánh số phận của người nghèo khổ và khát vọng về tình yêu tự do.

h. ..... là thể loại kịch hát dân gian cổ truyền, làn điệu bắt nguồn từ dân ca.

i. ..... là thể loại kịch hát dân gian cổ truyền, mang tính chất tượng trưng và ước lệ, lời viết theo các thể văn vần cổ, thường chuyên về đề tài lịch sử.

k. ..... là loại hình nghệ thuật sân khấu biểu diễn bằng cách điều khiển các hình mẫu giống như người, vật.

6. Mục đích của truyện cười là gì?

a. Giải trí và phê phán xã hội.

b. Đúc kết kinh nghiệm thực tiễn.

http://tieulun.hopto.org

c. Giải trí, rèn luyện tư duy và cung cấp tri thức.

d. Thông báo và bình luận sự kiện thời sự.

7. Điểm nào sau đây không thuộc giá trị cơ bản của văn học dân gian?

a. Văn học dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc.

b. Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về truyền thống dân tộc.

c. Văn học dân gian là văn học của tầng lớp bình dân.

d. Văn học dân gian có giá trị nghệ thuật to lớn.

8. Thần thoại và sử thi giống nhau ở điểm nào?

a. Đều là tác phẩm tự sự dân gian.

b. Đều kể về các vị thần.

c. Đều kể về những biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng.

d. Đều sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp.

9. Trong những nhận xét dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai? (Khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, chữ S vào cuối câu sai)

a. Thần thoại và truyền thuyết đều là tác phẩm tự sự dân gian. Đ S

b. Thần thoại và truyền thuyết đều kể về các vị thần. Đ S

c. Thần thoại thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên và quá trình sáng tạo văn hóa của con người thời cổ đại. Đ S

d. Truyền thuyết thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng. Đ S

10. Câu nào dưới đây không nói đúng về truyện ngụ ngôn?

a. Là tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ.

b. Thông qua các ẩn dụ (phần lớn là hình tượng loài vật) để kể về những sự việc liên quan đến con người.

c. Nêu lên những bài học kinh nghiệm về cuộc sống hoặc về triết lí nhân sinh.

d. Kết thúc truyện bất ngờ.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học dân gian mà anh (chị) yêu thích.

http://tieulun.hopto.org

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	d	d	b		a	c	a	a.Đ, b.S, c.Đ, d.Đ	d

ĐỀ 3
CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY
(trích sử thi *Đăm Săn*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Định nghĩa nào sau đây là đúng đối với sử thi?

a. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức và cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người.

b. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại các sự kiện và nhân vật có quan hệ với lịch sử địa phương, dân tộc, thường dùng yếu tố tưởng tượng để lí tưởng hoá các sự kiện và nhân vật được kể, nhằm thể hiện ý thức lịch sử của nhân dân.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần hoặc văn xuôi kết hợp với văn vần, kể lại những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

d. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể về số phận của các kiểu nhân vật như người mồ côi, người em, người lao động giỏi, người dũng sĩ, người thông minh, chàng ngốc... qua đó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội.

2. Chọn hai trong các cụm từ sau đây để điền vào chỗ trống cho thích hợp: *sử thi, sử thi thần thoại, sử thi anh hùng, sử thi Tây Nguyên*

a. ... tập hợp những thần thoại cổ đại lẻ tẻ thành một chỉnh thể mà nhân vật trung tâm là các anh hùng văn hoá (người có công xây dựng và phát triển cộng đồng người).

b. ... có nhân vật trung tâm là người anh hùng giỏi chiến đấu bảo vệ thị tộc, mở mang phạm vi cư trú của tộc người, đồng thời cũng giỏi lao động, chinh phục thiên nhiên, tổ chức đời sống cộng đồng.

3. Sự kiện nào không có trong sử thi *Đăm Săn*?

a. Đăm Săn cưới hai chị em tù trưởng Hơ Nhị và Hơ Bhị.

b. Đăm Săn đánh thắng Mtao Gơ-rứ và Mtao Mxây.

http://tieulun.hopto.org

c. Đăm Săn chặt cây thần sơ-múc.

d. Đăm Săn lên trời xin thuốc thần cứu sống lại vợ.

e. Đăm Săn cưới con gái thần Mặt Trời về làm vợ.

4. Đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* thuộc phần nào của sử th Đăm Săn?

a. Phần đầu

b. Phần giữa

c. Phần cuối

5. Đăm Săn đánh Mtao Mxây vì lí do gì?

a. Mtao Mxây cướp nô lệ của Đăm Săn.

b. Mtao Mxây cướp tài sản của Đăm Săn.

c. Mtao Mxây cướp Hơ Bhị, vợ của Đăm Săn.

d. Mtao Mxây cướp Hơ Nhị, vợ của Đăm Săn.

6. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn sau đây?

Họ đóng khố màu sặc sỡ. Đầu đội khăn đẹp như các tù trưởng, khiên tròn như đầu cú. Gươm sáng như mặt trời. Thân hình ở trần như quả dưa, ở thế chờ sẵn như con sóc. Mắt sáng gấp đôi gấp ba mắt thường.

a. So sánh

b. Ẩn dụ.

c. Phóng đại.

d. Cả a và b.

e. Cả a và c.

7. Chi tiết nào không được sử dụng để miêu tả tiếng khiên của Đăm Săn?

a. Tiếng gió khiên như bão

b. Tiếng khiên vang như tiếng chiêng bằng, chiêng núm

c. Tiếng khiên kêu như tiếng đĩa khiên đồng

d. Tiếng khiên kêu như tiếng đĩa khiên kênh

*** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

***Đăm Săn**: - Hỡi trăm nghìn chim muông! Hỡi tất cả tôi tớ của Mtao Mxây, có ai đi theo ta không?*

***Dân làng Mtao Mxây**: - Sao chúng tôi lại không theo? Chú chúng tôi đã chết rồi, đã thối ra rồi!*

http://tieulun.hopto.org

Dăm Săn: *- Hỡi tất cả tôi tớ của Mtao Mxây! Hãy đến với ta. Chủ của các người đã chết. Ai chăn ngựa đi kiếm ngựa dẫn về. Ai quản voi đi kiếm voi về. Ai giữ trâu đi dẫn trâu về!*

Tôi tớ của Mtao Mxây: *- Sao chúng tôi lại chẳng đi theo ông? Đầu làng đã bị cây rừng mọc choán. Cuối làng cà ới mọc lên. Chủ chúng tôi đã chết rồi!*

Dăm Săn: *- Đi thôi! Bây giờ phải trở về bến nước của ta.*

8. Nhân vật nào không có tham gia vào hoạt động giao tiếp trên?

a. Dăm Săn.

b. Mtao Mxây.

c. Dân làng Mtao Mxây.

d. Tôi tớ của Mtao Mxây.

9. Hoạt động giao tiếp đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?

a. Ở làng của Mtao Mxây.

b. Sau khi Dăm Săn đã chiến thắng Mtao Mxây.

c. Xã hội Ê-đê thời tiền giai cấp.

d. Cả a, b và c đều đúng.

10. Sự giao tiếp đó hướng vào nội dung gì?

a. Dăm Săn kêu gọi dân làng và tôi tớ của Mtao Mxây đi theo mình.

b. Dân làng và tôi tớ của Mtao Mxây tỏ ý muốn theo Dăm Săn.

c. Cả và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Trong đoạn trích có nhắc đến việc Dăn Săn gặp ông Trời, được ông Trời bày cho cách đánh thắng Mtao Mxây. Theo anh (chị), vai trò của thần linh và vai trò của con người đối với cuộc chiến đấu và chiến thắng của Dăm Săn được thể hiện như thế nào?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c		e	b	d	e	b	b	d	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 4

TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU – TRỌNG THỦY

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Truyền thuyết là gì?

a. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức và cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người.

b. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại các sự kiện và nhân vật có quan hệ với lịch sử địa phương, dân tộc, thường dùng yếu tố tưởng tượng để lí tưởng hoá các sự kiện và nhân vật được kể, nhằm thể hiện ý thức lịch sử của nhân dân.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần hoặc văn xuôi kết hợp với văn vần, kể lại những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

d. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể về số phận của các kiểu nhân vật như người mồ côi, người em, người lao động giỏi, người dũng sĩ, người thông minh, chàng ngốc... qua đó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội.

2. Dòng nào dưới đây không nói đúng về đặc điểm của truyền thuyết?

a. Hình tượng nghệ thuật đậm màu sắc thần kì.

b. Phản ánh lịch sử.

c. Phản ánh nhận thức của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người.

d. Nói lên "tâm tình thiết tha" của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

3. Truyền thuyết về thành Cổ Loa được xây dựng trên cái nền lịch sử cuộc kháng chiến của nước Âu Lạc chống lại cuộc chiến tranh thôn tính của Triệu Đà. Cuộc kháng chiến ấy diễn ra vào thời gian nào?

a. thế kỉ I tr. CN

b. thế kỉ II tr. CN

c. thế kỉ IỈI tr. CN

d. thế kỉ IV tr. CN

4. Nối những dòng ở cột A và cột B để có được bố cục của truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thủy* theo văn bản trong sách giáo khoa:

http://tieulun.hopto.org

A	B
a. Đoạn 1	1. Hành vi đánh cắp lẫy nỏ thần của Trọng Thuỷ
b. Đoạn 2	2. Kết cục bi kịch của Trọng Thuỷ cùng chi tiết *ngọc trai – giếng nước*
c. Đoạn 3	3. Diễn biến của cuộc chiến tranh lần hai giữa hai nước
d. Đoạn 4	4. Thuật lại vắn tắt nửa đầu của truyện kể hoàn chỉnh về thành Cổ Loa.

5. Ý nghĩa quan trọng nhất của câu chuyện là gì?

a. Tình cảm cha con

b. Tình nghĩa vợ chồng

c. Bài học dựng nước

d. Bài học giữ nước

6. Chi tiết nào không có trong câu chuyện kể về An Dương Vương?

a. An Dương Vương nhận lời cầu hòa của Triệu Đà.

b. An Dương Vương nhận lời cầu hôn, gả con gái cho Trọng Thủy – con trai Triệu Đà.

c. An Dương Vương cho Trọng Thủy ở rể trong thành Cổ Loa.

d. An Dương Vương chỏ Trọng Thủy xem nỏ thần.

e. Giặc đến, An Dương Vương vẫn điềm nhiên đánh cờ, không bố trí chống cự.

7. Chi tiết nào không nói lên sự mất cảnh giác và thái độ cả tin, ngây thơ của Mị Châu trong tình yêu?

a. Mị Châu cho Trọng Thủy xem trộm nỏ thần.

b. Mị Châu không nhận ra sự bất thường trong lời nói của Trọng Thủy khi từ biệt.

c. Mị Châu rắc lông ngỗng trên đường chạy cho Trọng Thủy đuổi theo.

d. Mị Châu chết bên bờ biển, máu nàng chảy xuống nước, loài trai ăn phải lập tức biến thành hạt châu.

8. Trong âm mưu xâm lược của Triệu Đà, Trọng Thủy là:

a. Thủ phạm

b. Nạn nhân

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

9. Hình ảnh *ngọc trai – giếng nước* có ý nghĩa gì?

a. Thái độ bao dung của nhân dân, chứng thực cho tấm lòng trong sáng của Mị Châu

b. Thái độ bao dung của nhân dân, chứng nhận cho nỗi hối hận, mong muốn hóa giải tội lỗi của Trọng Thủy.

http://tieulun.hopto.org

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

10. Ý nghĩa tư tưởng của truyện là gì?

a. Truyện đề cao truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

b. Truyện đề cao truyền thống nhân đạo của nhân dân ta.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tóm tắt *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* (không quá 30 dòng).

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	c	c	a.4, b.1, c.3, d.2	d	d	d	c	c	c

ĐỀ 5

UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ

(Trích *Ô-đi-xê* – sử thi Hi Lạp)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai thường được coi là tác giả của hai sử thi *I-li-at* và *Ô-di-xê*?

a. Hô-me-rơ

b. La Phông-ten

c. Ê-đốp

d. An-đéc-xen

2. Tác giả của hai sử thi nói trên sống vào khoảng thời gian nào?

a. Thế kỉ X – IX trước Công nguyên

b. Thế kỉ IX – VIII trước Công nguyên

c. Thế kỉ VIII – VII trước Công nguyên

d. Thế kỉ VII – VI trước Công nguyên

3. Sử thi *Ô-di-xê* kể lại chuyện gì?

a. Câu chuyện về Uy-lít-xơ hạ thành Tơ-roa.

b. Câu chuyện về cuộc trở về quê hương của Uy-lít-xơ sau khi hạ thành Tơ-roa.

http://tieulun.hopto.org

c. Câu chuyện về cuộc trở về quê hương của Ô-di-xê-uýt sau khi hạ thành Tơ-roa.

d. Cả b và c đều đúng.

4. Chủ đề chính của *Ô-đi-xê* là gì?

a. Chinh phục thiên nhiên để khai sáng, mở rộng giao lưu của người Hi Lạp cổ đại.

b. Chiến tranh mở rộng bờ cõi của người Hi Lạp cổ đại.

c. Cả hai đều đúng.

d. Cả hai đều sai.

5. Nhân vật Uy-lít xơ trong *Ô-đi-xê* biểu tượng cho điều gì?

a. Sức mạnh thể chất

b. Sức mạnh trí tuệ

c. Sức mạnh của thần linh

d. Cả a, b và c đều đúng.

6. Tại sao Pê-nê-lốp không tin Uy-lít-xơ đã trở về?

a. Vì sau hai mươi năm chờ đợi, nàng nghĩ rằng chàng đã chết.

b. Vì nàng nghĩ nếu là Uy-lít-xơ thật, thì chàng cũng không thể giết hết bọn cầu hôn 108 tên.

c. Nàng nghĩ câu chuyện của nhũ mẫu Ơ-ri-clê kể chỉ là do "ý định huyền bí của thần linh bất tử".

d. Cả a, b và c đều đúng.

7. Nhân vật Pê-nê-lốp luôn được nhắc đến với phẩm chất nào?

a. Thận trọng

b. Khôn ngoan

c. Mưu trí

d. Sáng suốt

8. Vì sao Pê-nê-lốp đem chiếc giường chứ không phải vật nào khác để thử thách Uy-lít-xơ?

a. Vì chiếc giường có những bí mật riêng mà chỉ hai người biết.

b. Vì chiếc giường gắn với tình chồng vợ.

c. Vì nàng luôn nhớ đến chồng suốt hai mươi năm xa cách.

d. Cả a, b và c đều đúng.

9. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đoạn cuối, miêu tả niềm hạnh phúc đoàn viên của Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp?

a. Phóng đại

b. Ẩn dụ

c. So sánh

d. So sánh mở rộng

http://tieulun.hopto.org

10. Niềm hạnh phúc đoàn viên của vợ chồng Uy-lít-xơ trở về được so sánh với hình ảnh gì?

a. Đất liền và đại dương.

b. Thần biển Pô-dê-i-đông và những người đi biển.

c. Niềm hạnh phúc của những người đi biển bị đắm thuyền, sống sót được gặp lại đất liền.

d. Niềm hạnh phúc của những người đi biển chiến thắng đại dương.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Nhập vai Tê-lê-mác, anh (chị) hãy kể lại đoạn trích "Uy-lít-xơ trở về".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	b	d	a	b	d	a	d	d	c

ĐỀ 6

RA-MA BUỘC TỘI

(Trích sử thi *Ra-ma-ya-na*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Sử thi *Ra-ma-ya-na* được hình thành, bổ sung và trau chuốt trong khoảng thời gian nào?

a. Thế kỉ IV – III trước Công nguyên

b. Thế kỉ III – II trước Công nguyên

c. Thế kỉ II – I trước Công nguyên

d. Thế kỉ I trước Công nguyên

2. Ai là người hoàn thiện sử thi *Ra-ma-ya-na*?

a. Van-mi-ki

b. La Phông-ten

c. Ê-dốp

d. An-đéc-xen

3. *Ra-ma-ya-na* trong tiếng Ấn Độ có nghĩa là gì?

a. Bài ca về hoàng tử Ra-ma.

b. Vợ của hoàng tử Ra-ma.

c. Câu chuyện về hoàng tử Ra-ma.

d. Câu chuyện về những kì tích của hoàng tử Ra-ma.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC/1615

http://tieulun.hopto.org

4. Sau chiến thắng, Ra-ma và Xi-ta gặp lại nhau trước sự chứng kiến của "mọi người". "Mọi người" đó bao gồm những ai?

a. Anh em, bạn hữu của Ra-ma.

b. Quân đội của loài khỉ Va-na-ra.

c. Quan quân, dân chúng của loài quỷ Rắc-xa-sa.

d. Cả a, b và c.

5. Trước mặt mọi người, những lời đầu tiên của Ra-ma nói với Xi-ta là những lời lẽ như thế nào?

a. Lời lẽ thân mật của vợ chồng.

b. Lời lẽ xa cách và lạnh lùng.

c. Lời lẽ xuề xòa và giản dị.

d. Lời lẽ tha thiết và nồng nàn.

6. Câu văn nào dưới đây nói lên động cơ chiến đấu của Ra-ma?

a. *Hỡi phu nhân cao quý! Ta đưa nàng tới đây sau khi đã đánh bại kẻ thù.*

b. *Ta làm điều đó vì nhân phẩm của ta, để xóa bỏ vết ô nhục, để bảo vệ uy tín và danh dự của dòng họ lừng lẫy tiếng tăm của ta.*

c. *Nay ta phải nghi ngờ tư cách của nàng, vì nàng đã lưu lại lâu trong nhà một kẻ xa lạ.*

d. Cả a, b và c.

7. Theo em, câu nói nào của Ra-ma là sự xúc phạm thô bạo nhất đối với Xi-ta?

a. *Nay ta phải nghi ngờ tư cách của nàng, vì nàng đã lưu lại lâu trong nhà một kẻ xa lạ.*

b. *Giờ đây, nàng đang đứng trước mặt ta, nhưng trông thấy nàng, ta không chịu nổi, chẳng khác nào ánh sáng đối với người bị đau mắt.*

c. *Người đã sinh trưởng trong một gia đình cao quý có thế nào lại lấy về một người vợ từng sống trong nhà kẻ khác, đơn giản chỉ vì mụ ta là một vật để yêu đương?...*

d. *Phải biết chắc điều này: chẳng phải vì nàng mà ta đã đánh thắng kẻ thù với sự giúp đỡ của bạn bè.*

8. Câu văn nào dưới đây không dùng phép so sánh?

a. *Nghe những lời giận dữ đó của Ra-ma, Gia-na-ki đau đớn đến nghẹt thở, như một cây dây leo bị vòi voi quật nát.*

b. *Nàng muốn tự chôn vùi cả hình hài thân xác của mình.*

c. *Mỗi lời nói của Ra-ma xuyên vào trái tim nàng như một mũi tên.*

d. *Nước mắt nàng đổ ra như suối.*

http://tieulun.hopto.org

9. Ý đồ của tác giả là gì khi miêu tả đậm nét tâm trạng ghen tuông của Ra-ma?

a. Xây dựng nhân vật Ra-ma như một bậc thần thánh.

b. Xây dựng nhân vật Ra-ma như một đấng minh quân.

c. Xây dựng nhân vật Ra-ma như một con người trần tục.

d. Cả a, b và c.

10. Tại sao Xi-ta quyết định bước lên giàn hỏa?

a. Nàng muốn mượn nghi lễ thiêng liêng nhất để chứng minh cho sự trong trắng của mình.

b. Nàng muốn thử lòng của Ra-ma.

c. Nàng muốn mượn ngọn lửa để đốt cháy hết mọi tội lỗi.

d. Cả ba ý trên.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh giới thiệu nhân vật Ra-ma trong tác phẩm *Ra-ma-ya-na*.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	a	d	d	b	b	c	b	c	a

ĐỀ 7
TẤM CÁM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Truyện cổ tích là gì?

a. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức và cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người.

b. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại các sự kiện và nhân vật có quan hệ với lịch sử địa phương, dân tộc, thường dùng yếu tố tưởng tượng để lí tưởng hoá các sự kiện và nhân vật được kể, nhằm thể hiện ý thức lịch sử của nhân dân.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần hoặc văn xuôi kết hợp với văn vần, kể lại những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

http://tieulun.hopto.org

d. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể về số phận của các kiểu nhân vật như người mồ côi, người em, người lao động giỏi, người dũng sĩ, người thông minh, chàng ngốc... qua đó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội.

2. Đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích thần kì là gì?

a. Có sự tham gia của các yếu tố thần kì.

b. Kết cấu truyện tương đối thống nhất, thường kết thúc có hậu.

c. Phản ánh những sự kiện lớn của cộng đồng.

d. Hai ý a và b đúng.

e. Hai ý a và c đúng.

3. Truyện nào dưới đây không phải là truyện cổ tích?

a. *Thạch Sanh*

b. *Đẽo cày giữa đường*

c. *Cây khế*

d. *Sự tích trầu cau*

4. Truyện *Tấm Cám* thuộc loại cổ tích gì?

a. Truyện cổ tích về loài vật.

b. Truyện cổ tích sinh hoạt.

c. Truyện cổ tích thần kì.

5. Tình tiết nào không tham gia vào việc phát triển mâu thuẫn truyện *Tấm Cám*?

a. Chiếc yếm đỏ

b. Con bống

c. Bố Tấm chết

d. Thử giày

e. Cái chết của Tấm

f. Chim vàng anh

g. Cây xoan đào

h. Chiếc khung cửi

6. Động cơ nào dẫn đến sự tàn nhẫn, độc ác của mẹ con Cám ngày càng tăng?

a. Muốn tranh giành tài sản của bố Tấm để lại.

b. Muốn tranh giành tất cả những gì thuộc về Tấm.

c. Muốn tiêu diệt Tấm đến cùng.

d. Hai ý b và c.

7. Bản chất của mâu thuẫn và xung đột truyện *Tấm Cám* là gì?

a. Mâu thuẫn dì ghẻ – con chồng

b. Mâu thuẫn giữa thiện và ác

http://tieulun.hopto.org

c. Mâu thuẫn giữa chị và em

d. Hai ý a và b đúng

e. Hai ý b và c đúng

8. Hãy nối cột A và cột B để có được trình tự biến hóa của Tấm:

A	B
a. Lần 1	1. cây xoan đào
b. Lần 2	2. chim vàng anh
c. Lần 3	3. quả thị
d. Lần 4	4. khung cửi

9. Sự biến hóa của Tấm thể hiện điều gì?

a. Nhân dân ước mơ con người được bất tử.

b. Sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của kẻ ác.

c. Cả hai ý trên.

10. Dòng nào dưới đây không phải là yếu tố thần kì trong truyện *Tấm Cám*?

a. Bụt

b. Miếng trầu têm cánh phượng

c. Xương cá bống

d. Sự hóa kiếp của Tấm

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Có người cho rằng kết thúc của truyện *Tấm Cám* có phần man rợ. Ý kiến của anh (chị)?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	b	c	c	d	d	a-2, b-1, c-4, d-3	b	b

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 8

TAM ĐẠI CON GÀ

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong các câu dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, chữ S vào cuối câu sai)

a. Truyện cười là những mẩu chuyện ngắn, có kết cấu chặt chẽ. Đ S

b. Truyện cười kể về các sự việc và hành vi của con người chứa đựng mâu thuẫn trái tự nhiên. Đ S

c. Truyện cười kể về những con vật lạ, ngộ nghĩnh. Đ S

d. Truyện cười có tác dụng gây cười nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán cái xấu, cái lỗi thời trong xã hội. Đ S

2. Dòng nào dưới đây không phải là đặc trưng về hình thức nghệ thuật của truyện cười?

a. Tập trung thể hiện những sự việc và những hành vi của con người có chứa đựng mâu thuẫn trái tự nhiên để gây cười nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán.

b. Ngắn gọn, có kết cấu chặt chẽ.

c. Mâu thuẫn phát triển nhanh.

d. Kết thúc bất ngờ tạo ra tiếng cười cho người nghe, người đọc.

3. Truyện cười được chia thành mấy loại?

a. Hai loại

b. Ba loại

c. Bốn loại

d. Năm loại

4. Đối tượng phê phán chủ yếu của truyện trào phúng là loại người nào?

a. Nông dân

b. Các tầng lớp trên trong xã hội

c. Nho sĩ

d. Binh lính

5. Trong truyện *Tam đại con gà*, ở nhân vật thầy đồ có mâu thuẫn nào là trái tự nhiên?

a. Mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức.

b. Mâu thuẫn giữa bản chất và hiện tượng.

c. Mâu thuẫn giữa cá nhân và hoàn cảnh.

d. Cả ba mâu thuẫn trên.

http://tieulun.hopto.org

6. Trong những câu dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, chữ S vào cuối câu sai)

a. Thầy đồ dốt đến mức không biết một chữ nào. Đ S

b. Thầy đồ dốt đến mức có chữ trong sách vỡ lòng mà cũng không biết. Đ S

c. Thầy đồ chẳng những dốt mà còn liều lĩnh để che đậy cái dốt của mình. Đ S

d. Mọi tình tiết trong tác phẩm càng lúc càng bộc lộ cái dốt của thầy đồ. Đ S

7. Trong những tình tiết sau, tình tiết nào không chứa đựng sự phi lí?

a. *Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*

b. *Anh học trò khấn thổ công xim ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là "dù dì" không.*

c. *Dạy chữ "kê" thành chữ "dú dí" là dạy đến tận "tam đại con gà", bởi vì "dú dí là chị con công, con công là ông con gà"*

d. Cả a, b và c.

8. Chữ "tước" trong từ nào sau đây có nghĩa là "chim"?

a. hoàng tước

b. bá tước

c. tước đoạt

9. Câu *"Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa"* nói lên điều gì?

a. Thầy đồ tự nhận thức được sự dốt nát của mình.

b. Thầy đồ quá mê tín.

c. Thầy đồ bào chữa cho cái sai của mình.

d. Cả ba ý trên.

10. Tiếng cười trong truyện "Tam đại con gà" có ý nghĩa gì?

a. Tiếng cười khôi hài có ý nghĩa giáo dục.

b. Tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân.

c. Tiếng cười đả kích các tầng lớp trên trong xã hội.

d. Hai ý a bà b.

e. Hai ý a và c.

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Phân tích hành động và lời nói của nhân vật "thầy" để làm sáng tỏ thủ pháp gây cười trong truyện.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a-Đ, b-Đ, c-S, d-Đ	a	a	b	a	a-S, b-Đ, c-Đ, d-Đ	a	a	a	e

ĐỀ 9
NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Truyện "Nhưng nó phải bằng hai mày" thuộc loại truyện gì?

a. Truyện khôi hài

b. Truyện trào phúng

c. Vừa khôi hài vừa trào phúng.

2. Truyện đã chuẩn bị những yếu tố nào cho sự hình thành và phát triển của mâu thuẫn trong truyện?

a. Lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi.

b. Ngô và Cải đều đút lót trước cho thầy lí.

c. Cả hai yếu tố trên.

3. Những yếu tố trên có hiệu quả như thế nào?

a. Tạo tình huống xử kiện.

b. Gợi trí tò mò, gợi sự chú ý của người đọc, do đó tạo nên sức hấp dẫn của câu chuyện.

c. Cả hai ý trên.

4. Vì sao Cải và Ngô phải lo lót trước cho thấy lí?

a. Vì thầy lí là người xử kiện.

b. Vì cả Ngô và Cải đều muốn thắng kiện.

c. Cả hai lí do trên.

http://tieulun.hopto.org

5. Chi tiết Cải *"vội xòe năm ngón tay"* và nói *"Xin xét lại, lẽ phải về con mà!"* có ý nghĩa gì?

a. Năm ngón tay bằng năm đồng.

b. Năm ngón tay là lẽ phải.

c. Lẽ phải của Cải là năm đồng.

d. Cả ba ý trên.

6. Tại sao thầy lí *"cũng xòe năm ngón tay trái úp lên năm ngón tay mặt"* và nói *"Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải bằng hai mày!"*?

a. Thầy lí hiểu ý của Cải.

b. Thầy lí muốn cho Cải biết lí do vì sao Cải phải thua kiện.

c. Cả hai ý trên.

7. Vì sao Cải đã lo lót trước mà vẫn bị thầy lí xử thua kiện?

a. Vì Cải có lỗi nhiều hơn Ngô.

b. Vì Ngô đút lót cho thầy lí nhiều hơn Cải.

c. Cả hai lí do trên.

8. Truyện gây cười bằng thủ pháp nào?

a. Kết hợp miêu tả lời nói và cử chỉ của nhân vật.

b. Lối chơi chữ độc đáo.

c. Cả hai thủ pháp trên.

9. Đối tượng phê phán trong truyện này là nhân vật nào?

a. Thầy lí

b. Ngô

c. Cải

d. Cả ba nhân vật.

10. Ngô và Cải lâm vào một tình cảnh như thế nào?

a. Bi

b. Hài

c. Vừa bi vừa hài.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Phân tích nghệ thuật gây cười qua lời nói của thầy lí ở cuối truyện.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	c	c	c	d	c	b	c	a	c

http://tieuluan.hopto.org

ĐỀ 10
CA DAO THAN THÂN

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ca dao là gì?

a. Là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

b. Là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, miêu tả sự vật, hiện tượng bằng lối nói ám chỉ để giấu đi tên đối tượng đố, nhằm giải trí và rèn luyện khả năng suy đoán.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần, kể lại và bình luận những sự kiện có tính chất thời sự hoặc những sự kiện lịch sử đương thời.

d. Lạ thể loại trữ tình bằng văn vần hoặc kết hợp lời thơ với giai điệu nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.

e. Là thể loại văn vần kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, phản ánh số phận của người nghèo khổ và khát vọng về tình yêu tự do.

2. Ca dao thuộc thể loại nào?

a. Trữ tình

b. Tự sự

c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

3. Câu nào dưới đây không nói đúng nội dung ca dao?

a. Ca dao là những tiếng hát than thân, nói lên nỗi nhọc nhằm, tủi nhục của người bình dân trong cuộc đời vất vả.

b. Ca dao là những tiếng hát tình nghĩa, thể hiện đời sống tình cảm đẹp đẽ của người lao động.

c. Ca dao hài hước thể hiện tâm hồn lạc quan của người lao động.

d. Ca dao đúc kết kinh nghiệm sống của người lao động.

4. Đặc sắc nghệ thuật của ca dao là gì?

a. Thường dùng thể lục bát, kết cấu ngắn gọn, giàu hình ảnh và nhạc điệu.

b. Thường là một câu nói ngắn, có hai vế đối nhau.

c. Thường lặp lại các hình ảnh và chi tiết có giá trị nghệ thuật và lối diễn đạt bằng một số công thức in đậm sắc thái dân gian.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý a và c.

http://tieulun.hopto.org

5. Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi ca dao là:

a. *những bông hoa quý*

b. *những hòn ngọc quý*

c. *những viên đá quý*

d. *những tác phẩm quý*

6. Những bài ca dao bắt đầu bằng "Thân em..." thường có nội dung gì?

a. Nói lên vẻ đẹp của người phụ nữ.

b. Than thở cho thân phận của người phụ nữ.

c. Bộc lộ khát vọng của người phụ nữ.

d. Cả hai ý a và b.

e. Cả ba ý a, b và c.

7. Trong những câu sau, câu nào không sử dụng phép so sánh?

a. *Thân em như tấm lụa đào*

b. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

c. *Thân em như giếng giữa đàng*

d. *Thân em như củ ấu gai*

8. Những hình ảnh "tấm lụa đào", "củ ấu gai" giống nhau ở điểm nào?

a. Đều là những sự vật lấy từ trong cuộc sống đời thường gần gũi.

b. Đều đẹp hoặc có ích cho đời sống.

c. Đều đáng thương.

d. Hai ý a và b

e. Cả ba ý a, b và c.

9. Nối cột A và cột B sao cho phù hợp:

A	**B**
a. *tấm lụa đào*	1. vật có ích
b. *tấm lụa đào giữa chợ*	2. vật đẹp, quý
c. *giếng*	3. vật bé bỏng, tầm thường
d. *giếng giữa đàng*	4. của chung, ai dùng cũng được
e. *củ ấu gai*	5. món hàng để mua bán

10. Trong câu *"Thân em như củ ấu gai – Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen"*, sự đối lập giữa "ruột" và "vỏ" có ý nghĩa gì?

a. Nhấn mạnh đặc điểm của củ ấu gai.

b. Người phụ nữ có phẩm chất tốt đẹp nhưng thân phận thấp hèn.

c. Cả hai ý trên.

http://tieuluanhopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tìm 5 bài ca dao mở đầu bằng "*Thân em như ...*" và phân biệt sắc thái ý nghĩa của chúng.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	a	d	e	b	e	b	d	a-2, b-5, c-1, d-4, e-3	c

ĐỀ 11
CA DAO YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Bài ca *"Trèo lên cây khế nửa ngày..."* là lời của nhân vật trữ tình nào?

a. Chàng trai đang yêu.

b. Cô gái đang yêu.

c. Cả a và b.

2. Hình ảnh nào không có trong bài ca *"Trèo lên cây khế nửa ngày..."*?

a. Mặt trăng.

b. Mặt trời.

c. Sao Hôm.

d. Sao Thần Nông.

3. Sự việc *"Trèo lên cây khế nửa ngày"* được nói đến có tác dụng gì?

a. Miêu tả một hành động của chàng trai.

b. Đưa đẩy để bắt vần xuống câu dưới.

c. Diễn tả một trạng thái tâm hồn của chàng trai.

d. Hai ý b và c đúng.

e. Cả ba ý a, b và c đều đúng.

4. Những cặp hình ảnh *"mặt trăng" - "mặt trời"*, *"sao Hôm" - "sao Mai"*, *"sao Vượt" - "trăng"* giống nhau ở chỗ nào?

a. Đều là những ẩn dụ lấy từ thiên nhiên.

b. Đều chỉ sự cách trở của đôi lứa.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

5. Dòng nào dưới đây không nói đúng tâm trạng của chàng trai trong bài ca?

a. Chua xót
b. Tủi buồn
c. Nhớ thương
d. Tin tưởng

6. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai*..." làm theo thể thơ nào dưới đây?

a. Lục bát
b. Song thất lục bát
c. Ngũ ngôn
d. Thơ bốn chữ kết hợp với lục bát

7. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai*..." là lời của ai?

a. Chàng trai đang yêu.
b. Cô gái đang yêu.
c. Cả a và b.

8. Hình ảnh nào không xuất hiện trong bài ca "Khăn thương nhớ ai..."?

a. *Khăn*
b. *Đèn*
c. *Trăng*
d. *Mắt*

9. Biện pháp nghệ thuật nào không được sử dụng trong bài ca "*Khăn thương nhớ ai*..."?

a. Phép điệp
b. So sánh
c. Nhân hóa
d. Phép đối

10. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai*..." diễn tả tâm trạng gì của cô gái đang yêu?

a. Nỗi thương nhớ người yêu.
b. Niềm lo âu cho hạnh phúc.
c. Cả hai ý trên.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tìm một số bài ca dao tình yêu có hình tượng chiếc khăn và làm rõ vẻ đẹp độc đáo của bài *Khăn thương nhớ ai*.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	d	d	c	d	d	b	c	b	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 12
CA DAO YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Câu ca *"Ước gì sông rộng một gang – Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi"* có nội dung gì?

a. Ước muốn việc giao thông được dễ dàng, thuận tiện.

b. Ước mơ tình yêu không cách trở.

c. Cả hai ý trên.

2. Hình ảnh *"sông rộng một gang"* sử dụng cách nói nào dưới đây?

a. Tả thực

b. Cường điệu

c. Biểu tượng

3. Cây cầu nào dưới đây không nằm trong hệ thống của những cây cầu còn lại?

a. *Hai ta cách một con sông,*
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.

b. *Ví dầu cầu ván đóng đinh,*
Cầu tre lắc lẻo, gập ghềnh khó đi.

c. *Cách nhau có một con đầm,*
Muốn sang anh bẻ cành trầm cho sang.
Cành trầm lá dọc lá ngang,
Đố người bên ấy bước sang cành trầm.

d. *Gần đây mà chẳng sang chơi,*
Để em ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu.
Sợ rằng chàng chả đi cầu,
Cho tốn công thợ, cho sầu lòng em

4. So với *cái cầu – cành hồng, cái cầu – cành trầm, cái cầu – mồng tơi*, nét đặc sắc của *cái cầu – dải yếm* trong bài ca là gì?

a. *Cái cầu – dải yếm* chắc chắn hơn.

b. *Cái cầu – dải yếm* mới đúng là biểu tượng cho tình yêu của người con gái.

c. Cả hai ý trên.

5. Bài ca *"Muối ba năm muối đang còn mặn..."* có nội dung gì?

a. Nói về những hương vị món ăn của đồng quê.

http://tieulun.hopto.org

b. Diễn tả tình nghĩa đôi lứa mặn nồng, tình nghĩa vợ chồng chung thủy.

c. Cả hai ý trên.

6. Vì sao khi nói đến tình nghĩa của con người, ca dao lại dùng hình ảnh *muối* và *gừng*?

a. Vì bất kì con người nào, gia đình nào cũng đều ăn muối và gừng để sống, để yêu thương nhau.

b. Vì hương vị của muối và gừng phù hợp với việc diễn tả sự mặn nồng của tình nghĩa.

c. Cả hai ý trên.

7. Những từ ngữ chỉ thời gian trong bài ca (*ba năm, chín tháng, ba vạn sáu ngàn ngày*) có ý nghĩa gì?

a. Muối và gừng có thể bảo quản được lâu dài.

b. Tình nghĩa của con người vững bền, chung thủy.

c. Cả hai ý trên.

8. Nội dung chính của hai bài ca dao dưới đây là gì?

- *Thuyền ơi có nhớ bến chăng,*
  Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.
- *Cây đa cũ, bến đò xưa,*
  Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.

a. Tình yêu quê hương

b. Nghĩa tình chung thủy

c. Tình yêu thiên nhiên

d. Cả a, b và c.

9. Hình ảnh nào dưới đây không phải là hình ảnh truyền thống đã trở thành biểu tượng trong ca dao?

a. cây tre

b. cây đa

c. bến nước

d. con thuyền

10. Hình ảnh nào dưới đây không nằm trong hệ thống của các hình ảnh còn lại?

a. con thuyền

b. bộ hành

c. khách

d. bến nước

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về vẻ đẹp tâm hồn người bình dân qua những câu hát yêu thương, tình nghĩa.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	b	b	b	b	b	b	a	d

ĐỀ 13
CA DAO HÀI HƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong bài ca dao "Cưới nàng anh toan dẫn voi", chàng trai không định dẫn con vật nào dưới đây?

a. Voi b. Trâu c. Bò

d. Lợn e. Chuột

2. Tại sao chàng trai không dẫn cưới bằng trâu bò mà lại định dẫn cưới bằng "con chuột béo"?

a. Vì chúng đều là "thú bốn chân".

b. Vì họ nhà gái kiêng trâu bò.

c. Vì chàng trai nghèo.

d. Cả a, b và c.

3. Cách nói của chàng trai có yếu tố gì hài hước?

a. Lối nói khoa trương, phóng đại.

b. Lối nói giảm dần.

c. Cách nói đối lập

d. Dùng chi tiết hài hước

e. Cả bốn ý trên.

4. Nhà cô gái thách cưới vật gì?

a. Vàng bạc

b. Lợn

c. Gà

d. Khoai lang

http://tieulun.hopto.org

5. Tại sao nhà cô gái chỉ "thách cưới một nhà khoai lang"?

a. Vì không thích vàng bạc.

b. Vì kiêng lợn, gà.

c. Vì thương chàng trai nghèo.

d. Cả ba ý trên.

6. Ý định dẫn cưới của chàng trai và lời thách cưới của cô gái có thực không?

a. Có

b. Không

7. Lời lẽ của chàng trai và cô gái có ý nghĩa gì?

a. Chua chát cho cảnh nghèo

b. Nói cho vui trong cảnh nghèo

c. Bộc lộ tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi 8 – 10:

Bồng bồng cõng chồng đi chơi,
Đi qua vũng lội đánh rơi mất chồng.
Chị em ơi cho tôi mượn chiếc gầu sòng,
Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên.

8. Trong bài ca dao "Bồng bồng...", cô gái đưa chồng đi chơi bằng cách nào?

a. *bế chồng*

b. *cõng chồng*

c. *ẵm chồng*

d. *dắt chồng*

9. Cô gái đánh rơi chồng ở đâu?

a. ao

b. hồ

c. đầm

d. vũng

10. Tại sao người chồng lại phải ở trong tình cảnh oái oăm như thế?

a. Người chồng bệnh tật, không đi được.

b. Chồng còn trẻ con, không tự đi chơi được.

c. Cả hai ý đều sai.

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Nêu cảm nghĩ về lời thách cưới của cô gái: *Nhà em thách cưới một nhà khoai lang*. Qua đó, anh (chị) thấy tiếng cười tự trào của người lao động trong cảnh nghèo đáng yêu, đáng trân trọng ở chỗ nào?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	e	d	c	b	e	b	d	b

ĐỀ 14
CA DAO HÀI HƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

Đọc hai bài ca dao sau và trả lời câu hỏi 1 – 5

Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.

Chồng người đi ngược về xuôi,
Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.

1. Trong hai bài ca dao trên, tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

a. Đối lập

b. Cường điệu

c. Cả a và b

2. "Gánh hai hạt vừng" là cách nói:

a. Tả thực

b. Cường điệu

c. Biểu tượng

3. Sự đối lập giữa "đi ngược về xuôi" với "ngồi bếp sờ đuôi con mèo" là:

a. Đối lập giữa động và tĩnh.

b. Đối lập cái lớn lao với cái nhỏ nhặt, tầm thường.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

4. Hai hình ảnh "khom lưng chống gối" và "gánh hai hạt vừng" có quan hệ với nhau như thế nào?

a. Quan hệ nhân quả.

b. Quan hệ tương đương.

c. Quan hệ đối lập.

5. Hai bài ca dao có ý nghĩa gì?

a. Nói lên chí làm trai.

b. Cười những anh đàn ông lười biếng.

c. Ca ngợi những người đàn ông có chí lớn.

d. Cả 3 ý đều đúng.

6. Trong bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông...", đối tượng phê phán là ai?

a. Người vợ

b. Người chồng

c. Cả hai

7. Trong bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông...", tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

a. Cường điệu

b. Tương phản

c. Cả a và b

8. Tật xấu nào không được nói đến trong bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông..."?

a. Ngủ ngáy

b. Lười biếng

c. Ăn quà vặt

d. Luộm thuộm, nhếch nhác.

9. Người chồng trong bài ca là một con người như thế nào?

a. Vui tính, bao dung.

b. Thích mỉa mai người khác.

c. Ba phải, thế nào cũng được.

d. Cả ba ý đều sai.

10. Trong những nhận xét dưới đây, nhận xét nào không đúng với ca dao hài hước?

a. Tiếng cười tự trào trong ca dao vui vẻ, hồn nhiên.

b. Tiếng cười châm biếm, phê phán trong ca dao sắc sảo, sâu cay.

http://tieulun.hopto.org

c. Ca dao hài hước nói lên sự thông minh, hóm hỉnh và tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động cho dù cuộc sống của họ thời xưa còn nhiều vất vả, lo toan.

d. Ca dao hài hước là những bài học về đối nhân xử thế.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh về ca dao hài hước trong văn học dân gian Việt Nam.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	b	b	c	b	a	c	b	a	d

ĐỀ 15
ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Câu nào sau đây không nằm trong định nghĩa văn học dân gian?

a. Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng.

b. Văn học dân gian hình thành, tồn tại, phát triển nhờ tập thể.

c. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với các hoạt động khác nhau trong đời sống cộng đồng.

d. Khi người trí thức tham sáng tác văn học dân gian thì sáng tác ấy trở thành tiếng nói riêng của người trí thức. 1. d

2. Qua đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", có thể thấy Đăm Săn thuộc kiểu nhân vật gì?

a. Nhân vật anh hùng sử thi.

b. Nhân vật anh hùng chiến trận.

c. Nhân vật anh hùng văn hóa.

d. Hai ý a và b.

e. Ba ý a, b và c.

http://tieulun.hopto.org

3. Trong đoạn trích, Đăm Săn có những phẩm chất gì?

a. Trọng danh dự

b. Gắn bó với hạnh phúc gia đình

c. Thiết tha với cuộc sống bình yên, phồn vinh của thị tộc.

d. Có sức khỏe và tài nghệ phi thường.

e. Cả bốn ý trên.

4. Đoạn trích đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật đặc trưng nào của sử thi để tôn vinh vẻ đẹp của nhân vật?

a. Phép trùng điệp

b. Phép so sánh

c. Phép phóng đại

d. Ẩn dụ

e. Cả ba ý a, b và c.

f. Cả bốn ý a, b, c và d.

5. Cái lõi sự thật lịch sử của truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thủy* là gì?

a. An Dương Vương dựng nước Âu Lạc, xây thành Cổ Loa.

b. Chiến tranh xâm lược của Triệu Đà – vua nước Nam Việt – dẫn đến cảnh nước mất nhà tan cho dân Âu Lạc ở thế kỉ III tr. CN.

c. An Dương Vương được thần Kim Quy đưa xuống biển.

d. Hai ý a và b.

e. Ba ý a, b và c.

6. Cái lõi sự thật lịch sử trên được truyền thuyết hư cấu thành bi kịch gì?

a. Bi kịch gia đình.

b. Bi kịch quốc gia.

c. Bi kịch tình yêu.

d. Cả a, b và c.

7. Truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thủy* đã hư cấu sự thật lịch sử với những chi tiết hoang đường, kì ảo nào?

a. Thần Kim Quy giúp vua xây thành và tặng vuốt làm lẫy nỏ thần để bảo vệ đất nước.

b. Nỏ thần bắn một phát chết hàng vạn tên giặc.

c. Thần Kim Quy hiện lên thét lớn "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó"... Vua cầm sừng tê bảy tấc, theo Rùa Vàng rẽ nước xuống biển.

http://tieulun.hopto.org

d. Những biến hoá kì diệu tạo thành tình tiết "ngọc trai - nước giếng".

e. Cả bốn ý trên.

8. Tính chất của bi kịch *Mị Châu – Trọng Thủy* là gì?

a. Xung đột có thể dung hòa

b. Xung đột dữ dội, quyết liệt, toàn diện.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

9. Kết quả bi kịch *Mị Châu – Trọng Thủy*?

a. Nước mất nhà tan.

b. Tình yêu tan vỡ

c. Cha con chia lìa

d. Hai ý a và b đúng.

e. Cả a, b và c đều đúng.

10. Từ bi kịch *Mị Châu – Trọng Thủy*, có thể rút ra bài học gì?

a. Không gả con gái cho kẻ thù

b. Cảnh giác trước kẻ thù

c. Giải quyết mối quan hệ giữa riêng và chung.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Hãy chứng minh vai trò của văn học dân gian đối với văn học viết qua một vài bài thơ (hoặc câu thơ) có sử dụng chất liệu văn học dân gian.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	e	e	d	d	e	b	d	e

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 16
ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong truyện "Tấm Cám", Tấm bị mẹ con Cám hại nhiều lần và Tấm chỉ biết khóc. Đến lần nào thì Tấm không khóc nữa?

a. Cám lừa trút hết giỏ cá.

b. Mẹ con Cám bắt cá bống ăn thịt.

c. Dì ghẻ bắt Tấm nhặt gạo lẫn với thóc xong mới được đi dự hội.

d. Dì ghẻ lừa chặt cau giết Tấm.

2. Khi Tấm bị giết, không thấy Bụt hiện lên giúp đỡ Tấm nữa. Tác giả dân gian muốn nói lên điều gì?

a. Không ai được giúp đỡ suốt đời.

b. Bụt không có khả năng giúp đỡ trong hoàn cảnh này.

c. Con người phải tự đấu tranh để giành hạnh phúc.

d. Cả a, b và c.

3. Sau khi bị giết, Tấm hóa kiếp liên tiếp nhiều lần (chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, quả thị) rồi cuối cùng vẫn sống hạnh phúc. Điều đó có ý nghĩa gì?

a. Tấm thiết tha với cuộc sống.

b. Sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của các thế lực thù địch.

c. Triết lí của dân gian: chính nghĩa nhất định sẽ thắng gian tà, thiện nhất định sẽ thắng ác.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

4. Hãy điền những từ sau vào chỗ trống của những câu ca dao bên dưới: *chiều chiều, thân em*

[...] chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau.
[...] như hạt mưa rào,
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.
[...] như hạt mưa sa,
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

http://tieulun.hopto.org

- *[...] én liệng nhạn bay,*
Ta đây nhớ bạn, bạn rày nhớ ai.
- *[...] lại nhớ [...],*
Nhớ người đãy gấm khăn điều vắt vai.
- *[...] như trái bần trôi,*
Gió dập sóng dồi, biết tấp vào đâu?
- *[...] lại nhớ [...],,*
Nhớ người yếm trắng dải điều thắt lưng.

5. *Ca dao than thân* thường là lời của ai?

a. Người phụ nữ trong xã hội xưa

b. Người lao động nghèo trong xã hội cũ

c. Cả a và b.

6. Người phụ nữ thường than thở chủ yếu về điều gì?

a. Lao động cực nhọc

b. Thân phận bị phụ thuộc, không làm chủ được cuộc đời của mình.

c. Cả a và b.

7. Người lao động trong xã hội cũ thường than thở về điều gì?

a. Lao động cực nhọc mà vẫn nghèo khó.

b. Bị áp bức bóc lột.

c. Cả a và b.

8. *Ca dao tình nghĩa* đề cập đến những tình cảm gì?

a. Tình cảm gia đình

b. Tình bạn

c. Tình yêu đôi lứa

d. Tình quê hương xứ sở

e. Cả bốn ý trên.

9. Chữ "nghĩa" trong ca dao tình nghĩa có nội dung gì?

a. Ý nghĩa

b. Trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau.

c. Cả hai ý trên.

10. Trong những nhận xét về ca dao hài hước dưới đây, nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ S vào cuối câu sai)

a. Tiếng cười tự trào trong ca dao vui vẻ, hồn nhiên. Đ S

b. Tiếng cười châm biếm, phê phán trong ca dao sắc sảo, sâu cay. Đ S

http://tieulun.hopto.org

c. Ca dao hài hước nói lên sự thông minh, hóm hỉnh và tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động cho dù cuộc sống của họ thời xưa còn nhiều vất vả, lo toan. Đ S

d. Ca dao hài hước là những bài học về đối nhân xử thế. Đ S

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Anh (chị) hãy thử viết lại kết thúc truyện *Tấm Cám* theo cách nghĩ của mình.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	e		c	b	c	e	b	a-Đ, b-Đ, c-Đ, d-S

ĐỀ 17
KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Tên gọi nào không phải của thời kì văn học từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX?

a. Văn học cổ đại

b. Văn học phong kiến

c. Văn học cổ điển

d. Văn học trung đại

e. Văn học Hán – Nôm

2. Văn học thời kì này gồm những bộ phận chủ yếu nào?

a. Văn học chữ Hán

b. Văn học chữ Nôm

c. Văn học chữ quốc ngữ

d. Cả a và b

e. Cả a, b và c.

http://tieulun.hopto.org

3. Thể loại nào không có trong văn xuôi chữ Hán thời kì trung đại?

a. Chiếu

b. Hịch

c. Truyện ngắn

d. Tiểu thuyết chương hồi

4. Thể loại nào dưới đây không có trong thơ chữ Hán thời kì trung đại?

a. Thơ cổ phong

b. Thơ lục bát

c. Thơ Đường luật

5. Trong văn học chữ Nôm, thể loại nào dưới đây không phải là thể loại thuần túy của dân tộc?

a. Phú

b. Ngâm khúc

c. Lục bát

d. Hát nói

6. Cuộc kháng chiến nào không có trong giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV?

a. Chống giặc Tống

b. Chống giặc Nguyên

c. Chống giặc Minh

d. Chống giặc Thanh

7. Trong giai đoạn từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII, chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến đỉnh cao cực thịnh vào thời gian nào?

a. Nửa đầu thế kỉ XV

b. Nửa cuối thế kỉ XV

c. Nửa đầu thế kỉ XVI

d. Nửa cuối thế kỉ XVI

8. Văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV có những nội dung chủ yếu nào?

a. Nội dung yêu nước mang âm hưởng hào hùng.

b. Nội dung phản ánh, phê phán hiện thực xã hội phong kiến.

c. Nội dung nhân đạo

d. Hai ý a và b

9. Tác phẩm nào sau đây không thuộc nội dung yêu nước?

a. *Nam quốc sơn hà*

b. *Truyền kì mạn lục*

c. *Hịch tướng sĩ*

d. *Bình Ngô đại cáo*

http://tieulun.hopto.org

10. Câu nào không nói đúng về hoàn cảnh lịch sử giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX?

a. Nội chiến phong kiến diễn ra liên miên

b. Khởi nghĩa nông dân nổ ra ở nhiều nơi, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

c. Chế độ phong kiến đạt đến giai đoạn phát triển cực thịnh.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Nêu một số tác phẩm văn học trung đại đã học trong chương trình THCS để làm sáng tỏ những đặc điểm lớn về nội dung của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	d	c	b	a	d	b	a	b	c

ĐỀ 18
KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Văn học thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX có những nội dung chủ yếu nào?

a. Nội dung nhân đạo

b. Nội dung yêu nước mang âm hưởng bi tráng

c. Nội dung phê phán hiện thực xã hội phong kiến

d. Hai ý a và c.

e. Hai ý b và c.

2. Nội dung nhân đạo trong văn học thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX là:

a. Tiếng nói đòi quyền sống, đòi quyền hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người.

b. Hướng vào tình cảm riêng tư của con người, cất lên tiếng nói của ý thức cá nhân.

c. Cả a và b.

http://tieulun.hopto.org

3. Tác phẩm nào dưới đây mang cảm hứng yêu nước?

a. *Cung oán ngâm khúc*

b. *Truyện Kiều*

c. *Lục Vân Tiên*

d. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*

4. Những yếu tố nào tác động đến sự phát triển mạnh mẽ của văn học trung đại Việt Nam?

a. Truyền thống dân tộc

b. Tinh thần thời đại

c. Những ảnh hưởng từ nước ngoài, chủ yếu là của Trung Quốc

d. Gồm cả 3 yếu tố trên.

5. Cảm hứng yêu nước trong văn học trung đại gắn liền với tư tưởng gì?

a. Tư tưởng nhân đạo

b. Tư tưởng thiên mệnh

c. Tư tưởng "trung quân ái quốc"

d. Cả a, b và c.

6. Những yếu tố nào chi phối cảm hứng nhân đạo trong văn học trung đại Việt Nam?

a. Truyền thống nhân văn của người Việt Nam từ cội nguồn văn học dân gian.

b. Tư tưởng nhân văn tích cực vốn có của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo

c. Cả hai yếu tố trên.

7. Điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của cảm hứng nhân đạo trong văn học trung đại?

a. Lòng thương người.

b. Lên án tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người.

c. Tự hào về truyền thống dân tộc.

d. Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính như khát vọng về quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do, khát vọng về công lí, chính nghĩa.

e. Đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.

8. Cảm hứng thế sự xuất hiện rõ nét trong văn chương của những tác giả nào sau đây?

a. Nguyễn Bỉnh Khiêm

b. Lê Hữu Trác

c. Tú Xương

d. Cả 3 tác giả trên.

http://tieulun.hopto.org

9. Điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính quy phạm trong văn học trung đại?

a. Quan niệm văn học: coi trọng mục đích giáo huấn "thi dĩ ngôn chí" (thơ để nói chí), "văn dĩ tải đạo" (văn để chở đạo).

b. Tư duy nghệ thuật: nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn đã thành công thức.

c. Thể loại văn học với những quy định chặt chẽ về kết cấu.

d. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với đời thường.

e. Cách sử dụng thi liệu dẫn nhiều điển tích, điển cố, sử dụng nhiều thi liệu, văn liệu đã thành những môtíp quen thuộc.

10. Dòng nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính trang nhã trong văn học trung đại?

a. Đề tài, chủ đề: hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn là cái đời thường bình dị.

b. Hình tượng nghệ thuật: hướng tới vẻ tao nhã, mĩ lệ hơn là vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc.

c. Ngôn ngữ nghệ thuật là chất liệu ngôn ngữ cao quý, cách diễn đạt trau chuốt, hoa mĩ hơn là thông tục, tự nhiên gần với đời sống.

d. Sử dụng những thể loại thuần túy của dân tộc.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Nêu một số tác phẩm văn học trung đại đã học trong chương trình THCS để làm sáng tỏ những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	d	d	c	c	c	d	d	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 19

TỎ LÒNG

(Thuật hoài)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ "Thuật hoài"?

a. Trần Quang Khải

b. Phạm Ngũ Lão

c. Trần Quốc Tuấn

d. Trương Hán Siêu

2. Bài thơ "Thuật hoài" ra đời trong hoàn cảnh nào?

a. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ nhất.

b. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ hai.

c. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ ba.

3. Thể thơ của bài "Thuật hoài" giống với thể thơ của bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*

b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang*

d. *Cáo tật thị chúng*

4. Tình cảm, cảm xúc nào được thể hiện trong bài thơ?

a. Tự hào về khí thế và sức mạnh của quân đội thời Trần.

b. Thẹn vì chưa trả xong nợ công danh.

c. Tình yêu nước

d. Cả 3 ý trên.

5. "Hoành sóc" có nghĩa là gì?

a. Cầm ngang ngọn giáo

b. Múa giáo

c. Vác giáo

d. Cả a, b và c đều đúng.

6. Câu thơ nào có yếu tố miêu tả?

a. *Hoành sóc giang sơn khắp kỉ thu*

b. *Tam quân tì hổ khí thôn ngưu*

c. *Nam nhi vị liễu công danh trái*

d. *Hai câu a và b.*

http://tieulun.hopto.org

7. Từ nào dưới đây (trong bài thơ) không phải là con vật?

a. *sóc* b. *tì*

c. *hổ* d. *ngưu*

8. Trong những nhận xét dưới đây về câu thơ thứ hai, nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ S vào cuối câu sai)

a. "Tam quân" là ba người lính, đồng thời cũng có thể là ba đạo quân. Đ S

b. Hình ảnh ba quân nói về quân đội nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tộc. Đ S

c. Câu thơ gây ấn tượng mạnh bởi sự kết hợp giữa hình ảnh khách quan và cảm nhận chủ quan. Đ S

d. Hình ảnh thơ kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn. Đ S

9. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt?

a. *giang sơn* b. *sơn hà*

c. *sông núi* d. *quốc gia*

10. Phạm Ngũ Lão cảm thấy thẹn khi nghe người đời kể chuyện ai?

a. Lưu Bị b. Tào Tháo

c. Quan Công d. Gia Cát Lượng

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu thơ "Tam quân tì hổ khí thôn ngưu" có hai cách hiểu:

- Cách hiểu thứ nhất: *Ba quân khí thế mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu.*

- Cách hiểu thứ hai: *Ba quân khí thế mạnh như hổ báo át cả sao Ngưu.*

Anh (chị) chọn cách hiểu nào? Vì sao chọn cách hiểu ấy.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	b	d	a	d	a	a-S, b-Đ, C-Đ, d-Đ	c	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 20

CẢNH NGÀY HÈ

(*Bảo kính cảnh giới* – bài 43)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ *Cảnh ngày hè*?

a. Trần Quốc Tuấn

b. Trần Quang Khải

c. Phạm Ngũ Lão

d. Nguyễn Trãi

2. Bài thơ *Cảnh ngày hè* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

a. Giữa cuộc kháng chiến chống quân Minh.

b. Khi cuộc kháng chiến chống quân Minh vừa kết thúc thắng lợi.

c. Lúc tác giả đang ra sức giúp vua Lê xây dựng đất nước.

d. Lúc tác giả về quê ẩn dật.

3. Thể thơ của bài thơ *Cảnh ngày hè* giống với thể thơ của bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*

b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang*

d. *Cáo tật thị chúng*

4. Điều đặc biệt trong hình thức thể loại của bài thơ là gì?

a. Số tiếng ở mỗi câu thơ đều khác nhau.

b. Câu thơ đầu chỉ có 6 tiếng.

c. Câu thơ cuối chỉ có 6 tiếng.

d. Hai ý b và c đúng.

5. Nội dung của bài thơ là gì?

a. Tình yêu thiên nhiên.

b. Tình yêu đời, yêu cuộc sống.

c. Khát vọng về cuộc sống thái bình, hạnh phúc cho nhân dân.

d. Cả a, b và c.

6. Động từ nào không diễn tả trạng thái của cảnh trong bài thơ?

a. Dùn dùn

b. Giương

c. Phun

d. Dàn

http://tieulun.hopto.org

7. Loại cây nào không có trong bài thơ?

a. Hòe　　b. Thạch lựu

c. Sen　　d. Hồng

8. Câu thơ nào cho biết đây là cảnh vào độ cuối mùa hè?

a. *Hoè lục đùn đùn tán rợp giương*

b. *Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ*

c. *Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*

9. Từ nào dưới đây không phải là từ Hán - Việt?

a. *Hòe lục*　　b. *Thạch lựu*

c. *Hồng liên*　　d. *Tịch dương*

10. Nhà thơ đã cảm nhận cảnh vật bằng những giác quan nào?

a. Thị giác　　b. Khứu giác

c. Thính giác　　d. Cả a, b và c.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Phân tích cái hay của những câu thơ sáu chữ trong bài thơ.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	c	d	d	d	d	c	a	d

ĐỀ 21
NHÀN

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ *Nhàn*?

a. Nguyễn Trãi

b. Nguyễn Bỉnh Khiêm

c. Nguyễn Dữ

d. Phạm Đình Hổ

2. Bài thơ *Nhàn* được trích trong tập thơ nào?

a. *Bạch Vân am thi tập*

b. *Bạch Vân quốc ngữ thi*

http://tieulun.hopto.org

3. Thể thơ của bài thơ *Nhàn* giống với bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư* b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang* d. *Cáo tật thị chúng*

4. Nội dung bài thơ *Nhàn* là gì?

a. Ca ngợi cuộc sống thanh nhàn.

b. Thể hiện vẻ đẹp nhân cách và trí tuệ của tác giả.

c. Cả a và b.

5. Dụng cụ nào không được nói đến trong bài thơ?

a. Mai b. Cày

c. Cuốc d. Cần câu

6. Số từ "một" trong câu thơ đầu nói lên điều gì?

a. Đời sống nghèo nàn của tác giả.

b. Nhà thơ đã chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống ở thôn quê.

c. Cả hai ý trên.

7. Cuộc sống của nhà thơ ở thôn quê là một cuộc sống như thế nào?

a. Thanh đạm

b. Khắc khổ

c. Cả hai ý trên

8. Yếu tố "thanh" trong từ nào dưới đây không đồng nghĩa với các từ còn lại?

a. Thanh đạm b. Thanh bần

c. Thanh thiên d. Thanh cao

9. *Nơi vắng vẻ* trong bài thơ được hiểu là một nơi như thế nào?

a. Nơi không có người ở.

b. Nơi không có người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người.

c. Nơi tĩnh tại của thiên nhiên và cũng là nơi thảnh thơi của tâm hồn.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

10. *Chốn lao xao* trong bài thơ được hiểu là một nơi như thế nào?

a. Nơi sang trọng, quyền quý.

b. Nơi đông người.

c. Vòng ganh đua của thói tục.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý a và c.

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Quan niệm của Nguyễn Bỉnh Khiêm về "dại" – "khôn"?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	c	c	b	b	a	c	e	e

ĐỀ 22

ĐỌC "TIỂU THANH KÍ"

(Đọc "Tiểu Thanh kí")

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ *Đọc "Tiểu Thanh kí"*?

a. Nguyễn Trãi
b. Nguyễn Bỉnh Khiêm
c. Nguyễn Du
d. Nguyễn Gia Thiều

2. Thể thơ của bài *Đọc "Tiểu Thanh kí"* giống với bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*
b. *Bánh trôi nước*
c. *Qua Đèo Ngang*
d. *Cáo tật thị chúng*

3. Bài thơ được viết bằng chữ gì?

a. Chữ Hán
b. Chữ Nôm

4. Nội dung chính của bài thơ là gì?

a. Cảm thương nàng Tiểu Thanh.
b. Cảm thương cho những kiếp "hồng nhan bạc mệnh".
c. Gửi gắm tâm sự riêng của tác giả.
d. Cả a, b và c.

5. Vì sao tác giả lại đồng cảm với nàng Tiểu Thanh?

a. Vì Tiểu Thanh cô độc, không có ai đồng cảm.
b. Vì Tiểu Thanh đẹp và có tài.
c. Vì tác giả tự thấy mình cùng chung thân phận với nàng Tiểu Thanh.

http://tieulun.hopto.org

6. Cái tài của nàng Tiểu Thanh được nói đến trong câu thơ nào?

a. *Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư*

b. *Độc diếu song tiền nhất chỉ thư*

c. *Chi phấn hữu thần liên tử hậu*

d. *Văn chương vô mệnh lụy phần dư*

7. Câu thơ nào thể hiện sâu sắc nhất sự đồng cảm của tác giả với nàng Tiểu Thanh?

a. *Chi phấn hữu thần liên tử hậu*

b. *Văn chương vô mệnh lụy phần dư*

c. *Cổ kim hận sự thiên nan vấn*

d. *Phong vận kì oan ngã tự cư*

8. Nỗi hận trong câu thơ "*Cổ kim hận sự thiên nan vấn*" là gì?

a. Nỗi hận của người xưa kéo dài đến ngày nay.

b. Nỗi hận của người nay giống nỗi hận của người xưa.

c. Người xưa và người nay cùng chung một nỗi hận, một nỗi oán trách sự bất công của cuộc đời.

9. Tại sao tác giả cho đó là nỗi hận "khó hỏi trời"?

a. Vì trời cao xa quá.

b. Vì trời không có thực.

c. Vì không phải do trời gây ra.

10. Niềm thương xót và đồng cảm với những người phụ nữ có tài văn chương mà bất hạnh nói lên điều gì về tấm lòng nhân đạo của nhà thơ?

a. Đó là tấm lòng thương người xuất phát từ quan niệm đạo đức Nho giáo.

b. Đó là tấm lòng thương người đã vượt qua cái nhìn kì thị của tư tưởng Nho giáo.

c. Cả a và b đều đúng.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Anh (chị) hãy viết lại bằng văn xuôi bài thơ "Đọc *Tiểu Thanh kí*".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	c	a	d	c	d	d	c	:	b

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 23

VẬN NƯỚC (QUỐC TỘ)

CÁO BỆNH, BẢO MỌI NGƯỜI (CÁO TẬT THỊ CHÚNG)

HỨNG TRỞ VỀ (QUY HỨNG)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ "Quốc tộ"?

a. Sư Đỗ Pháp Thuận
b. Sư Mãn Giác
c. Sư Không Lộ
d. Sư Quảng Nghiêm

2. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?

a. Khi đất nước đứng trước họa xâm lược của quân Tống, thái hậu Dương Vân Nga băn khoăn về vận nước.

b. Khi Lê Hoàn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống.

c. Khi vua Lê Đại Hành hỏi về vận nước.

3. Vận nước được so sánh với hình ảnh gì?

a. Như dây mây quấn quýt với nhau.

b. Như áng mây đẹp quấn quýt nơi đầu núi.

4. Nghệ thuật so sánh diễn tả điều gì về vận nước?

a. Sự dài lâu.

b. Sự vững bền.

c. Sự phát triển thịnh vượng.

d. Cả ba ý trên.

5. Hai câu thơ đầu diễn tả tâm trạng gì của tác giả?

a. Niềm lo âu, băn khoăn về vận nước.

b. Niềm vui tươi, tin tưởng về vận nước.

c. Cả hai ý trên.

6. Từ "vô vi" trong câu thơ "Vô vi cư điện các" có nghĩa gì?

a. Không làm gì.

b. Sống thuận theo tự nhiên, không làm gì trái với tự nhiên.

c. Nhà vua chỉ cần dùng đức để cảm hóa dân, không cần phải làm gì hơn.

7. Ai là tác giả của bài thơ "Cáo tật thị chúng"?

a. Sư Đỗ Pháp Thuận
b. Sư Mãn Giác
c. Sư Không Lộ
d. Sư Quảng Nghiêm

http://tieulun.hopto.org

8. Bài thơ "Cáo tật thị chúng" được viết bằng văn tự gì và theo thể thơ nào?

a. Chữ Hán, thể thơ ngũ ngôn.

b. Chữ Nôm, thể thơ thất ngôn.

c. Chữ Hán, phối hợp thơ ngũ ngôn và thất ngôn.

d. Chữ Nôm, phối hợp thơ ngũ ngôn và thất ngôn.

9. *Kệ* là gì?

a. *Kệ* là thể văn Phật giáo, dùng để truyền bá, giải thích giáo lí Phật pháp.

b. *Kệ* được viết bằng văn vần, ý tứ sâu xa, thường dùng cách nói ẩn dụ, kín đáo.

c. Nhiều bài kệ có giá trị văn chương như các bài thơ.

d. Cả a, b và c đều đúng

10. Bốn câu đầu của bài thơ "Cáo tật thị chúng" có nội dung gì?

a. Tả cảnh mùa xuân hoa nở.

b. Tả cảnh hoa tàn

c. Nói lên quy luật hóa sinh của tự nhiên, của con người.

d. Nói lên mối quan hệ mật thiết giữa con người và tự nhiên.

11. Từ nào dưới đây không phải là động từ?

a. *khứ* b. *lạc*

c. *đáo* d. *bách*

12. Tác giả nói "xuân qua" rồi mới nói "xuân tới", nói "hoa rụng" rồi mới nói "hoa tàn". Cách nói ấy gợi lên quy luật gì?

a. Quy luật sinh trưởng, phát triển.

b. Quy luật tuần hoàn, biến đổi.

c. Quy luật sinh diệt.

c. Cả a, b và c đều sai.

13. Giữa hoa với người trong bốn câu đầu của bài thơ có quan hệ gì?

a. Tương đồng b. Đồng nhất

c. Nghịch đối d. Cả ba ý đều đúng.

14. Hai câu thơ "Trước mắt việc đi mãi - Trên đầu già đến rồi" nói lên quy luật gì theo quan niệm của Phật giáo?

a. Con người không cưỡng lại được sức mạnh của thời gian.

b. Sinh, lão, bệnh, tử.

c. Luân hồi

d. Cả ba ý đều đúng.

http://tieulun.hopto.org

15. Dưới đây là những nhận xét về quan niệm nhân sinh cao đẹp của bài thơ. Nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ vào cuối câu sai)

a. Trước quy luật của tự nhiên - thời gian trôi, tuổi già đến - con người như nuối tiếc: chưa làm được gì có ý nghĩa thì trên đầu già đến rồi. Đ S

b. Cảm nhận này bắt nguồn từ cái nhìn hư vô đối với cuộc đời. Đ S

c. Cảm nhận này bắt nguồn từ ý thức về sự hiện hữu, sự tồn tại có thực của đời người. Ý thức được sự tồn tại có thực đó, con người không thể sống một cách vô nghĩa. Đ S

d. Con người phải làm sao cho cuộc sống của mình từng phút từng giờ đều có ý nghĩa, tránh để sau này phải xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài, sống phí. Đ S

16. Niềm yêu đời, niềm lạc quan tươi sáng thể hiện qua những yếu tố nào của bài thơ?

a. Cách nói khẳng định "Đừng tưởng...".

b. Hình tượng thiên nhiên tươi đẹp (hoa mai vẫn nở bất chấp hoàn cảnh khắc nghiệt)

c. Nghệ thuật kết cấu (khởi đầu là xuân tàn nhưng kết thúc là một nhành mai mai tươi).

d. Cả ba ý trên.

17. Ai là tác giả của bài thơ "Quy hứng"?

a. Trần Quốc Tuấn
b. Phạm Ngũ Lão
c. Nguyễn Trung Ngạn
d. Trương Hán Siêu

18. Bài thơ ra đời vào thời nào?

a. Lý
b. Tiền Lê
c. Trần
d. Hồ

19. Nội dung của bài thơ là gì?

a. Chốn quan trường tuy sung sướng nhưng tác giả vẫn muốn trở về quê nhà.

b. Cảnh sống ở quê người tuy vui nhưng tác giả vẫn muốn trở về quê nhà.

c. Cả hai ý trên.

20. Hình ảnh nào không có trong bài thơ "Quy hứng"?

a. Dâu
b. Tằm
c. Gà
d. Lúa

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

1. Phân tích bài thơ "Cáo bệnh, bảo mọi người" của Mãn Giác thiền sư.

2. Phân tích nét riêng của lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc trong bài thơ "Hứng trở về" của Nguyễn Trung Ngạn.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	c	a	d	b	c	b	c	d	c

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	d	a	c	b	a-Đ, b-S, c-Đ, d-Đ	d	c	c	b	c

ĐỀ 24

TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG

(Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng?*

a. Lý Bạch
b. Đỗ Phủ
c. Thôi Hiệu
d. Vương Duy

2. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.
b. Thất ngôn bát cú.
c. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
d. Thất ngôn trường thiên.

http://tieulun.hopto.org

3. Tên riêng nào không xuất hiện trong bài thơ?

a. Lầu Hoàng Hạc
b. Quang Lăng
c. Vũ Xương
d. Dương Châu
e. Trường Giang

4. Bài thơ thuộc đề tài gì?

a. Tình yêu thiên nhiên.
b. Tình bạn.
c. Tống biệt.
d. Hai ý a và b.
e. Hai ý b và c.

5. Cuộc chia tay diễn ra ở phía nào của lầu Hoàng Hạc?

a. Đông
b. Nam
c. Tây
d. Bắc

6. Cuộc chia tay diễn ra vào thời gian nào?

a. Mùa xuân.
b. Mùa hạ.
c. Mùa thu.
d. Mùa đông.

7. Cảnh trong bài thơ là một khung cảnh:

a. Rực rỡ, tràn đầy sức sống.
b. Lặng lẽ, ảm đạm.
c. Tươi đẹp, huyền ảo.
d. Bình thường.

8. Không gian, thời gian và con người trong hai câu đầu của bài thơ có mối quan hệ với nhau như thế nào?

a. Tương phản
b. Hài hòa
c. Cả hai ý trên.

9. Sông Trường Giang là huyết mạch giao thông chính của miền Nam Trung Quốc, vào mùa xuân hẳn có nhiều thuyền bè xuôi ngược. Tại sao nhà thơ chỉ thấy "cánh buồm lẻ loi" của cố nhân?

a. Vì lúc ấy chỉ có mỗi chiếc thuyền của Mạnh Hạo Nhiên xuôi dòng Trường Giang.

b. Vì tấm lòng nhà thơ đã định hướng cho đôi mắt chỉ dõi theo chiếc thuyền của bạn.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

10. Câu thơ cuối "Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu" diễn tả điều gì?

a. Tả dòng sông Trường Giang rộng lớn.

b. Diễn tả cái nhìn thẫn thờ và tâm trạng cô đơn, lẻ loi của người đưa tiễn.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Đối chiếu và nhận xét bài thơ của Lí Bạch và bản dịch của Ngô Tất Tố.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	a	c	c	c	a	c	b	b	b

ĐỀ 25

CẢM XÚC MÙA THU

(Thu hứng)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ "Cảm xúc mùa thu"?

a. Ly Bạch
b. Đỗ Phủ
c. Thôi Hiệu
d. Vương Duy

2. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.
b. Thất ngôn bát cú.
c. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
d. Thất ngôn trường thiêm.

3. Tên riêng nào không xuất hiện trong bài thơ?

a. Vu sơn
b. Vu giáp
c. Tứ Xuyên
d. Thành Bạch Đế

4. Cảm hứng của bài thơ là gì?

a. Tình yêu thiên nhiên.

b. Nỗi nhớ quê hương.

c. Tình yêu đất nước và nhân dân.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

http://tieulun.hopto.org

5. Bốn câu đầu và bốn câu sau có quan hệ với nhau như thế nào?

a. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.

b. Bốn câu đầu tả cảnh, bốn câu sau tả người.

c. Bốn câu đầu tả trên cao, bốn câu sau tả dưới thấp.

d. Bốn câu đầu tả xa, bốn câu sau tả gần.

6. Cảnh sắc ở hai câu đầu là khung cảnh:

a. Bi thương, tàn tạ.

b. Hoành tráng, dữ dội.

c. Cả a và b đúng.

7. Cảnh sắc ở hai câu thứ ba và thứ tư là khung cảnh:

a. Bi thương, tàn tạ.

b. Hoành tráng, dữ dội.

c. Cả a và b đúng.

8. Hình ảnh rừng phong tiêu điều vì sương móc có ý nghĩa gì?

a. Diễn tả sự độc hại của sương móc.

b. Tả thực cảnh thu u buồn của vùng Vu sơn, Vu giáp.

c. Ngầm diễn tả cảnh đời bị vùi dập đau thương.

d. Hai ý a và b đúng.

e. Hai ý b và c đúng.

9. Hình ảnh thiên nhiên nào không có trong bài thơ?

a. Sương
b. Bão
c. Sóng
d. Mây
e. Rừng
f. Núi

10. Câu thơ nào cho biết nhà thơ xa quê đã hai năm?

a. *Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng*

b. *Tái thượng phong vân tiếp địa âm*

c. *Tùng các lưỡng khai tha nhật lệ*

d. *Cô chu nhất hệ cố viên tâm*

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Đối chiếu và nhận xét bài thơ của Đỗ Phủ với bản dịch của Nguyễn Công Trứ.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	c	e	a	a	b	e	b	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 26

- **LẦU HOÀNG HẠC** *(Hoàng Hạc lâu)*
- **NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ** *(Khuê oán)*
- **KHE CHIM KÊU** *(Điểu minh giản)*

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả của bài *Hoàng Hạc lâu*?

a. Lý Bạch
b. Thôi Hiệu
c. Vương Xương Linh
d. Vương Duy

2. Tên riêng nào không có trong bài thơ *Hoàng Hạc lâu*?

a. Hoàng Hạc
b. Vũ Xương
c. Hán Dương
d. Anh Vũ

3. Trong bài thơ *Hoàng Hạc lâu*, tất cả cảnh đều đẹp nhưng lại "khiến người buồn". Tại sao như vậy?

a. Vì mình không được cưỡi hạc vàng bay đi như người xưa.

b. Vì cảm thấy mình xa cách với tất cả: xa cách với cái đẹp, với quá khứ, với quê hương.
c. Cả hai ý trên.

4. Ai là tác giả của bài thơ *Khuê oán*?

a. Lý Bạch
b. Thôi Hiệu
c. Vương Xương Linh
d. Vương Duy

5. Bài thơ *Khuê oán* được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.
b. Thất ngôn bát cú.
c. Thất ngôn trường thiên.
d. Ngũ ngôn tứ tuyệt.

6. Bài thơ thể hiện tâm trạng gì?

a. Nỗi buồn cô đơn của người quả phụ.
b. Nỗi oán than của người thiếu phụ có chồng đi chinh chiến.
c. Nỗi oán trách của người vợ bị chồng phụ bạc.

7. Vì sao khi thấy "màu dương liễu", nàng lại hối hận vì đã để chồng đi kiếm ấn phong hầu?

a. Vì "màu dương liễu" là màu li biệt, gợi nỗi buồn vợ chồng xa cách.

b. Vì "màu dương liễu" là màu của mùa xuân, của tuổi xuân, gợi khát vọng hạnh phúc.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

8. Ai là tác giả của bài thơ *Diểu minh gián*?

a. Lý Bạch

b. Thôi Hiệu

c. Vương Xương Linh

d. Vương Duy

9. Bài thơ *Diểu minh gián* được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.

b. Thất ngôn bát cú.

c. Thất ngôn trường thiên.

d. Ngũ ngôn tứ tuyệt.

10. Hoa quế rất nhỏ nhưng nhà thơ cảm nhận được hoa quế rơi. Chi tiết ấy cho thấy điều gì?

a. Cảnh đêm xuân yên tĩnh, vắng lặng.

b. Tâm hồn thi sĩ tinh tế, nhạy cảm, hòa hợp với cảnh vật.

c. Cả hai ý trên.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

1. Cảm nhận của anh (chị) về nỗi sầu Thôi Hiệu trong bài thơ "Lầu Hoàng Hạc".

2. Vì sao chỉ với 28 chữ, bài thơ "Khuê oán" của Vương Xương Linh lại được coi là bài thơ tiêu biểu cho tinh thần phản đối chiến tranh phi nghĩa của con người thời Đường?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	b	c	a	b	c	d	d	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 27

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

(*Bạch Đằng giang phú*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu làm theo thể:

a. Phú Đường luật
b. Phú cổ thể
c. Phú lưu thủy
d. Cả b và c đều đúng

2. Bố cục của bài phú thường gồm bốn đoạn là:

a. Lung khởi, thích thực, ai điếu, ai vãn.

b. Mở bài, thân bài, phát triển bài, kết bài.

c. Hai đề, hai thực, hai luận, hai kết.

d. Đoạn mở, đoạn giải thích, đoạn bình luận và đoạn kết.

3. Bài " Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu ra đời vào khoảng thời gian nào?

a. Khoảng 20 năm sau cuộc chống giặc Nguyên - Mông thắng lợi.

b. Khoảng 30 năm sau cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông thắng lợi.

c. Khoảng 40 năm sau cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông thắng lợi.

d. Khoảng 50 năm sau cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông thắng lợi.

4. Nhận xét sau đây đúng hay sai?

Bài "Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu được khơi nguồn cảm hứng từ dòng sông Bạch Đằng, nơi đã từng ghi dấu chiến công lịch sử giữ nước của dân tộc ta: Trần Quốc Tuấn đánh tan quân Nguyên - Mông, bắt sống Ô Mã Nhi; Lê Lợi chiến thắng giặc Minh, chặt đầu Liễu Thăng.

a. Đúng
b. Sai

5. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết.

Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều.

Mà lòng tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.

Bèn giữa dòng chừ buông chèo,

Học Tử Trường chừ thú tiêu dao.

http://tieulun.hopto.org

Hãy cho biết mục đích dạo chơi phong cảnh thiên nhiên của khách là gì?

a. Thỏa mãn thú ngao du sơn thủy.

b. Thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên.

c. Nghiên cứu cảnh trí đất nước, bồi bổ tri thức .

d. Cả b và c đều đúng.

6. Có hai loại địa danh khách đã đi qua và dừng lại. Loại địa danh thứ nhất lấy trong điển cố Trung Quốc. Loại địa danh thứ hai là loại địa danh của đất Việt.

a. Đúng b. Sai

7. Trong những địa danh sau, địa danh nào không lấy từ trong điển cố Trung Quốc?

a. Cửu giang b. Cửa Đại Than

c. Tam Ngô d. Ngũ Hồ

8. Tử Trường trong bài phú là tên chữ của:

a. Gia Cát Lượng b. Tư Mã Thiên

c. Đào Tiềm d. Lý Bạch

9. Những cảm xúc gì của khách đã nảy sinh trước cảnh tượng sông Bạch Đằng?

a. Tự hào b. Vui sướng

c. Buồn đau, nuối tiếc d. Cả a, b, c đều đúng

10. Hình tượng các bô lão giữ vai trò gì trong bài phú?

a. Người kể lại các chiến tích trên sông Bạch Đằng.

b. Người bình luận các chiến tích trên sông Bạch Đằng.

c. Người nghe chuyện

d. Cả a và b đều đúng

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh về bài "Phú sông Bạch Đằng" của Trương Hán Siêu.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	d	b	d	a	b	b	d	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 28
NGUYỄN TRÃI

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Nguyễn Trãi có hiệu là gì?

a. Thanh Hiên
b. Ức Trai
c. Yên Đổ
d. Bạch Vân

2. Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm nào?

a. 1385
b. 1390
c. 1395
d. 1400

3. Nguyễn Trãi cùng cha ra làm quan dưới triều đại nào?

a. Nhà Lý
b. Nhà Trần
c. Nhà Hồ
d. Nhà Nguyễn

4. Sau khi thoát khỏi sự giam lỏng của giặc Minh, Nguyễn Trãi theo ai tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

a. Trần Quốc Tuấn
b. Lê Lợi
c. Nguyễn Huệ
d. Cả a, b, c, đều sai

5. Nguyễn Trãi xin về ở ẩn tại Côn Sơn vào năm nào?

a. 1432
b. 1434
c. 1437
d. 1439

6. Năm 1442, nhân cái chết đột ngột của Lê Thái Tông ở Lệ Chi Viên, bọn gian thần trong triều vu cho Nguyễn Trãi âm mưu giết vua, khép vào tội "tru di tam tộc". Đúng hay sai?

a. Đúng
b. Sai

7. Trong các tác phẩm dưới đây của Nguyễn Trãi, tác phẩm nào thuộc loại văn chính luận?

a. Ức Trai thi tập.
b. Bình Ngô đại cáo.
c. Quân trung từ mệnh tập.
d. Cả b, c đều đúng.

8. ***Bui một tấc lòng ưu ái cũ,***
Dêm ngày cuồn cuộn nước triều đông.

Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào dưới đây?

http://tieulun.hopto.org

a. *Thuật hứng* – bài 2

b. *Tự thán* – bài 10

c. *Bảo kính cảnh giới* – bài 42

d. *Tự thuật* – bài 9

9. Tình yêu thiên nhiên của Nguyễn Trãi thể hiện qua mảng thơ thiên nhiên rất có giá trị ở tập "Ức Trai thi tập" và "Quốc âm thi tập". Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

10. Nhận xét nào sau đúng về Nguyễn Trãi?

a. Là một bậc đại anh hùng dân tộc.

b. Là một nhân vật toàn tài hiếm có.

c. Là người đã được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới.

d. Cả a, b, c đều đúng.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	d	c	b	d	a	c	a	a	d

ĐỀ 29
ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong thơ văn Nguyễn Trãi, tác phẩm nào được gọi là áng "thiên cổ hùng văn"?

a. *Lam sơn thực lục*

b. *Dư địa chí*

c. *Quân trung từ mệnh tập*

d. *Bình Ngô đại cáo*

http://tieulun.hopto.org

2. Trong bài "Bình Ngô đại cáo", "nhân nghĩa" của Nguyễn Trãi là

a. Mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người trên cơ sở tình thương và đạo lí.

b. Tiêu trừ tham tàn bạo ngược, bảo đảm cuộc sống yên ổn cho dân.

c. Tiêu trừ bọn cướp nước, bán nước, mang lại cuộc sống bình yên hạnh phúc cho nhân dân

d. Cả a, b, c đều đúng.

3. Trong "Nam quốc sơn hà" của Lý Thường Kiệt, độc lập dân tộc được xác định chủ yếu trên hai yếu tố: lãnh thổ và chủ quyền. Đến "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi bổ sung yếu tố nào?

a. Văn hiến

b. Phong tục tập quán

c. Lịch sử

d. Cả 3 yếu tố trên

4. Nguyên nhân giặc Minh xâm chiếm nước ta là:

a. Triều đại nhà Hồ không thuận lòng dân.

b. Giặc Minh mượn chiêu bài "Phù Trần diệt Hồ".

c. Bọn gian tà bán nước cầu vinh.

d. Cả a, b, c đều đúng.

5. Ở "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi tố cáo giặc Minh về:

a. Chủ trương đồng hóa

b. Chủ trương cai trị thâm độc

c. Tội ác của giặc

d. Cả b và c đều đúng

6. Trong những tội ác của giặc Minh dưới đây, tội ác nào là man rợ nhất?

a. *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn.*

b. *Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ.*

c. *Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

d. Cả a và c đều đúng.

7. Câu văn nào cho thấy lí tưởng, hoài bão lớn của Lê Lợi?

a. *Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh.*

b. *Căm giặc nước thề không cùng sống.*

c. *Tấm lòng cứu nước vẫn đăm đăm muốn tiến về đông.*

d. *Cỗ xe cầu hiền thường chăm chắm còn dành phía tả.*

http://tieulun.hopto.org

8. Phương kế đánh giặc của Lê Lợi là:

a. Xuất kì

b. Mai phục

c. Đoàn kết dân tộc

d. Cả a, b, c đều đúng

9. Trận mở màn đánh giặc Minh là trận nào?

a. Trà Lân

b. Bồ Đằng

c. Ninh Kiều

d. Tốt Động

10. Cuối cùng là trận quyết diệt viện binh do tướng giỏi của giặc cầm đầu là:

a. Vương Thông

b. Liễu Thăng

c. Mộc Thạnh

d. Cả a và c đều đúng

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Suy nghĩ của anh (chị) về tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong bài "Đại cáo bình Ngô".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	d	d	d	d	c	d	b	d

ĐỀ 30

TỰA "TRÍCH DIỄM THI TẬP"

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. "Trích diễm thi tập " được Hoàng Đức Lương viết vào năm nào?

a. 1478

b. 1487

c. 1497

d. 1498

2. Tựa "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương nhằm bàn về vấn đề gì?

a. Đặc trưng của thơ ca.

b. Nguyên nhân khiến cho thơ ca Việt Nam các thời đại trước thế kỉ XV không được truyền lại đầy đủ.

c. Ý thức về sự cần thiết phải sưu tầm thơ ca của tiền nhân.

d. Cả b và c đều đúng.

http://tieulun.hopto.org

3. "Trích diễm thi tập" bao gồm thơ của các nhà thơ ở thời kì nào?

a. Thời Trần

b. Thời Lê

c. Từ thời Trần đến thời Lê thế kỉ XV

d. Từ thời Trần đến thời Lê

4. Hoàng Đức Lương đã làm gì để sưu tầm thi ca của tiền nhân?

a. Nêu ra những lí do thơ ca Việt Nam trước thế kỉ XV không được truyền lại đầy đủ.

b. Đi sưu tập đây đó thơ ca của các bậc tiền nhân.

c. Chọn lọc những bài hay, sắp xếp thành chương, thành quyển.

d. Cả b và c đều đúng.

5. Điều gì thôi thúc tác giả vượt khó khăn để biên soạn "Trích diễm thi tập"?

a. Để trở thành người nổi tiếng.

b. Ý thức gìn giữ thơ ca của dân tộc.

c. Chống lại âm mưu của kẻ thù muốn hủy diệt nền văn hóa độc đáo của dân tộc ta.

d. Cả b và c đều đúng.

6. Dòng nào dưới đây không phải là lí do *"làm cho thơ văn không lưu truyền hết ở trên đời"*?

a. *... vì lòng tôn sùng Nho học không sâu sắc bằng lòng tôn sùng Phật học.*

b. *Đến như văn thơ, thì lại là sắc đẹp ngoài cả sắc đẹp, vị ngon ngoài cả vị ngon, không thể đem mắt tầm thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được. Chỉ có thi nhân là có thể xem mà biết được sắc đẹp, ăn mà biết được vị ngon ấy thôi.*

c. *Bậc danh nho làm quan to ở trong quán, các, hoặc vì bận việc không rỗi thì giờ để biên tập, còn viên quan nhàn tản chức thấp cùng những người phải lận đận về khoa trường, thì đều không để ý đến.*

d. *Thỉnh thoảng, cũng có người thích thơ văn, nhưng lại ngại vì công việc nặng nề, tài lực kém cỏi, nên đều làm được nửa chừng rồi lại bỏ dở.*

7. *Đức Lương này học làm thơ, chỉ trông vào thơ bách gia đời nhà:*

a. *Hán*

b. *Đường*

c. *Tống*

d. *Nguyên*

http://tieulun.hopto.org

8. Bài *Tực "Trích diễm thi tập"* thể hiện tình cảm gì của Hoàng Đức Lương?

a. Niềm tự hào, trân trọng di sản văn học của tiền nhân.

b. Ý thức bảo tồn di sản văn học dân tộc.

c. Cả a và b đều đúng.

9. Chữ "diễm" trong từ nào sau đây không có nghĩa là "đẹp"?

a. *diễm thi*

b. *diễm lệ*

c. *kiều diễm*

d. Không có từ nào.

10. Từ nào sau đây trái nghĩa với từ "sở trường"

a. sở nguyện

b. sở đoản

c. sở dĩ

d. sở thích

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tìm các dẫn chứng chứng tỏ các nhà thơ, nhà văn xưa rất tự hào về nền văn hiến dân tộc.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	d	c	d	d	a	b	c	d	b

ĐỀ 31

HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN

(Trích *Đại Việt sử kí toàn thư*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Tác giả biên soạn "Đại Việt sử kí toàn thư" là:

a. Lê Văn Hưu

b. Phan Phù Tiên

c. Ngô Sĩ Liên

d. Nguyễn Trãi

2. "Đại Việt sử kí toàn thư" ghi chép lịch sử từ thời Hồng Bàng cho đến khi Lê Thái Tổ lên ngôi (1428). Đúng hay sai?

a. Đúng

b. Sai

http://tieulun.hopto.org

3. Khi vận nước lung lay, Trần Quốc Tuấn đem lời cha dặn ra hỏi ý kiến hai người gia nô. Trước câu trả lời của họ, ông có phản ứng gì?

a. Cảm phục đến khóc, khen ngợi.

b. Ngẫm cho là phải.

c. Rút gươm kể tội, định giết.

d. Cả a, b, c đều sai.

4. Câu nói của Trần Quốc Tuấn "Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra" chỉ về:

a. Hưng Vũ Vương.

b. Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng.

c. Chu Vũ Vương.

d. Cả a, b, c đều sai.

5. Nhận xét nào sau đây không đúng với Trần Quốc Tuấn:

a. Là một vị tướng anh hùng, đầy tài năng mưu lược.

b. Là một vị vua đặt tình nhà trên nợ nước.

c. Là một người cha nghiêm khắc giáo dục con cái.

d. Là một người cống hiến cho đời sau nhiều tác phẩm quân sự có giá trị.

6. Trần Quốc Tuấn đã từng soạn sách để dạy các tì tướng. Đó là tập sách:

a. *Quân trung từ mệnh tập*

b. *Binh gia diệu lí yếu lược*

c. *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*

d. *Lam sơn thực lục*

***7. Trần Quốc Tuấn lại sưu tập binh pháp các nhà, làm thành Bát quái cửu cung đồ.* Tập sách mang tên:**

a. *Binh gia diệu lí yếu lược*

b. *Lam sơn thực lục*

c. *Quân trung từ mệnh tập*

d. *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*

8. Điểm nào dưới đây không phải là đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?

a. Nghệ thuật khắc họa nhân vật lịch sử sắc nét và sống động.

b. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

c. Nghệ thuật kể chuyện.

http://tieulun.hopto.org

9. Câu nói *"Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng"* cho thấy phẩm chất gì của Trần Quốc Tuấn?

a. Hết lòng hết dạ tận trung với vua.

b. Sẵn sàng quên thân vì nước.

c. Khiêm tốn, giữ đạo làm tôi.

10. Vua Trần nào "soạn bài văn bia ở sinh từ của Quốc Tuấn, ví ông với Thượng phụ ngày xưa"?

a. Trần Thánh Tông

b. Trần Nhân Tông

c. Thần Thái Tông

d. Trần Minh Tông

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tóm tắt câu chuyện về Trần Quốc Tuấn trong "Đại Việt sử kí toàn thư" không quá 30 dòng).

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	a	a	b	b	b	d	b	b	a

ĐỀ 32

CHUYỆN CHỨC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

(Trích *Truyền kì mạn lục*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Ai là tác giả "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên"?

a. Nguyễn Bỉnh Khiêm

b. Nguyễn Trãi

c. Nguyễn Dữ

d. Nguyễn Trường Tộ

2. "Truyền kì mạn lục" là tác phẩm ra đời vào thế kỉ:

a. XIII

b. XIV

c. XV

d. XVI

http://tieulun.hopto.org

3. Tên tác phẩm "Truyền kì mạn lục" có nghĩa là:

a. Tập sách ghi chép những chuyện hoang đường.

b. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ.

c. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ và được lưu truyền.

d. Tập sách ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ và được lưu truyền.

4. Nhân vật nào là nhân vật chính của đoạn trích "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên"?

a. Diêm Vương

b. Ngô Tử Văn

c. Thổ thần

d. Cư sĩ

5. Ngô Tử Văn được giới thiệu là một người "khẳng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương phương". Trong truyện, tính cách này không được thể hiện qua chi tiết nào dưới đây?

a. Sự tức giận trước việc tác quái của tên hung thần và hành động đốt đền trừ hại cho dân.

b. Thái độ khiếp sợ trước những lời đe dọa của bọn quỷ Dạ Xoa nanh ác.

c. Thái độ bất khuất cứng cỏi trước Diêm Vương đầy quyền lực.

d. Sự gan dạ trước quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm.

6. Đối tượng phê phán trước hết của truyện là:

a. Diêm Vương

b. Dạ xoa

c. Cư sĩ

d. Thổ thần

7. Trong các việc làm dưới đây, việc làm nào của Ngô Tử Văn là hành động trừ hại cho dân?

a. Đánh bọn quỷ Dạ Xoa.

b. Đốt đền của một tên hung thần vốn là một tướng giặc xâm lược.

c. Chống lại Diêm Vương.

d. Cả a, b, c đều sai.

8. Chi tiết Diêm Vương xử kiện ở âm phủ mang ý nghĩa:

a. Thể hiện niềm tin của người trung đại: bên cạnh cõi trần còn có một thế giới khác là âm phủ, nơi con người sau khi chết sẽ phải đến để nhận sự phán xét và thưởng phạt về những việc làm của mình khi còn sống.

http://tieulun.hopto.org

b. Thể hiện khát vọng công lí chưa thực hiện được trong cuộc sống trần thế của người xưa.

c. Là chi tiết cần thiết nhằm đẩy xung đột kịch tính của truyện đến cao trào để nhân vật chính – Ngô Tử Văn – có dịp bộc lộ bản lĩnh, khí phách của mình.

d. Cả a, b, c đều đúng.

9. Người tiến cử Ngô Tử Văn giữ chức Phán sự đền Tản Viên là ai?

a. Diêm Vương

b. Thổ thần

c. Cư sĩ

d. Cả a, b, c đều đúng

10. Định nghĩa nào đúng với chức Phán sự?

a. Quan xem xét các vụ tranh chấp.

b. Quan xử án.

c. Quan xem xét về các vụ kiện tụng, giúp việc cho người xử án.

d. Cả a, b, c đều sai.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

1. Tóm tắt truyện "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên" (không quá 20 dòng).

2. Nếu được yêu cầu viết đoạn kết của truyện, anh (chị) sẽ đồng tình với cách kết thúc như đã có hay sẽ chọn một cách kết thúc khác? Trình bày và giải thích ý kiến của mình.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	d	d	b	b	c	b	d	b	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 33

HỒI TRỐNG CỔ THÀNH

(Trích *Tam quốc diễn nghĩa*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong các tiểu thuyết sau, bộ tiểu thuyết nào không thuộc tiểu thuyết Minh – Thanh?

a.*Thủy hử*

b. *Tây du kí*

c. *Tam quốc diễn nghĩa*

d. *Đông Chu liệt quốc*

2. *Tam quốc diễn nghĩa* gồm bao nhiêu hồi?

a. 110 hồi

b. 115 hồi

c. 120 hồi

d. 125 hồi

3. *Tam quốc diễn nghĩa* kể về cuộc phân tranh giữa ba tập đoàn phong kiến quân phiệt: Ngụy, Thục, Ngô. Đúng hay sai?

a. Đúng

b. Sai

4. Nhận xét nào sau đây đúng với tiểu thuyết "Tam quốc diễn nghĩa" của La Quán Trung?

a. *Tam quốc diễn nghĩa* là bộ tiểu thuyết ra đời trước tiên, mở đầu cho khuynh hướng viết lại chuyện lịch sử.

b. *Tam quốc diễn nghĩa* là bộ truyện thành công nhất của khuynh hướng kể lại chuyện lịch sử.

c. *Tam quốc diễn nghĩa* là bộ tiểu thuyết ra đời cuối cùng của tiểu thuyết Minh – Thanh

d. Cả a, b đều đúng.

5. "Hồi trống Cổ Thành" trích ở hồi nào trong "Tam quốc diễn nghĩa"?

a. Hồi 26

b. Hồi 27

c. Hồi 28

d. Hồi 29

6. Trong quan hệ đối sánh với Quan Công, Trương Phi là người như thế nào?

a. Bất nghĩa.

b. Xem nhẹ tình nghĩa vườn đào.

http://tieulun.hopto.org

c. Nóng nảy, gàn dở.

d. Dứt khoát, rành rọt, nói là làm, không quanh co lắt léo.

7. "Hồi trống" trong đoạn trích mang ý nghĩa gì?

a. Biểu dương tính cương trực của Trương Phi.

b. Giải quyết nỗi oan khuất cho Quan Công.

c. Giúp anh em Quan Công – Trương Phi đoàn tụ.

d. Cả a, b, c đều đúng.

8. Qua đoạn trích, ta còn hiểu được "mùi vị chiến trận" vốn là đặc điểm của *Tam quốc diễn nghĩa*. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

9. Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích là:

a. Tình tiết sinh động, đầy kịch tính với hai mâu thuẫn diễn ra dồn dập.

b. Tính cách nhân vật được khắc hoạ đậm nét qua lời lẽ, hành động, thái độ.

c. Kể chuyện hấp dẫn.

d. Cả a, b, c đều đúng.

10. Em hiểu như thế nào về câu nói "nóng như Trương Phi"?

a. Nóng nảy do xấu tính, do gàn dở.

b. Nóng lòng xoá sạch bất công.

c. Nóng lòng tìm cho ra lẽ phải.

d. Cả b và c đều đúng.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

1. Kể lại câu chuyện bằng một đoạn văn (khoảng 30 dòng).

2. Tính cách của Trương Phi và Quan Công khác nhau như thế nào?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	a	a	c	d	d	a	d	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 34

TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Tác phẩm "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn được viết theo thể loại nào?

a. Thơ tự sự

b. Thơ trữ tình

c. Tùy bút

d. Truyện thơ

2. "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn bát cú Đường luật

b. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

c. Trường đoản cú

d. Song thất lục bát

3. Bản dịch "Chinh phụ ngâm" của Đoàn Thị Điểm được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn bát cú Đường luật

b. Lục bát

c. Song thất lục bát

d. Lục bát biến thể

4. *Chinh phụ ngâm* nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi vốn ít được thơ văn các thời kì trước chú ý. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

5. Qua đoạn trích, tác giả đã vận dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật miêu tả tâm trạng nào?

a. Tả nội tâm qua ngoại hình, qua hành động.

b. Tả ngoại cảnh, miêu tả các hành động.

c. Độc thoại nội tâm, đối thoại.

d. Cả a và b đều đúng.

http://tieulun.hopto.org

6. Các câu thơ sau:

Dạo hiên vắng thẩm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?

Có thể hiểu là:

a. Hành động đi đi, lại lại trong hiên vắng của người chinh phụ.

b. Hành động rủ rèm, cuốn rèm của người chinh phụ.

c. Trạng thái tinh thần mệt mỏi của chinh phụ trong cảnh chờ đợi người chồng xa cách biền biệt.

d. Cả a, b, c đều đúng.

7. Hai câu thơ:

Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại chứa chan.

Có thể hiểu:

a. Tả việc đốt hương, soi gương của người chinh phụ

b. Diễn đạt sự miễn cưỡng khi đốt hương, soi gương của chinh phụ.

c. Diễn tả tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.

d. Cả a, b, c đều đúng.

8. Hình tượng không gian trong đoạn trích được gợi lên qua những hình ảnh nào?

a. Gió đông

b. Non Yên

c. Trời thăm thẳm

d. Cả a, b, c đều đúng

9. Đoạn trích miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, lẻ loi ở chinh phụ khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

10. Qua đoạn trích, dịch giả đã sử dụng bút pháp chủ yếu gì?

a. Tả cảnh

b. Tả tình

c. Độc thoại nội tâm

d. Ngụ cảnh tả tình

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Hãy vận dụng các biện pháp nghệ thuật tả tâm trạng trong đoạn trích để viết một đoạn văn (hoặc thơ) ngắn miêu tả một nỗi buồn hay niềm vui của bản thân anh (chị).

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	c	c	a	d	c	d	d	a	d

ĐỀ 35
NGUYỄN DU

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Tên chữ của Nguyễn Du là gì?

a. Thanh Hiên

b. Ức Trai

c. Tố Như

d. Cả a, b, c đều sai

2. Tác phẩm chữ Hán của Nguyễn Du là:

a. *Thanh Hiên thi tập*

b. *Đoạn trường tân thanh*

c. *Văn tế thập loại chúng sinh*

d. Cả a, b, c đều đúng

3. Tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Du là:

a. *Nam trung tạp ngâm*

b. *Bắc hành tạp lục*

c. *Thanh Hiên thi tập*

d. *Đoạn trường tân thanh*

4. Tập thơ "Thanh Hiên thi tập" được Nguyễn Du viết vào lúc nào?

a. Những năm tháng trước khi ra làm quan cho nhà Nguyễn.

b. Trong chuyến đi sứ Trung Quốc.

c. Giai đoạn cuối đời.

d. Cả a, b, c đều đúng.

http://tieulun.hopto.org

5. Đề tài vịnh sử là đề tài phổ biến trong thơ Nguyễn Du viết khi đi sứ Trung Quốc. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

6. Tại sao nói "Truyện Kiều" của Nguyễn Du là một công trình sáng tạo?

a. Được sáng tác trên cơ sở cốt truyện của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc "Kim Vân Kiều truyện".

b. Nguyễn Du không chuyển dịch tác phẩm mà sáng tạo nên một tác phẩm hoàn toàn mới, với cảm hứng mới, nhận thức lí giải theo cách của riêng ông.

c. Lựa chọn thể loại truyện thơ khác hẳn "Kim Vân Kiều truyện" là tác phẩm tự sự văn xuôi.

d. Cả a, b, c đều đúng.

7. Cảm hứng chủ đạo trong "Truyện Kiều" là cảm hứng về thân phận con người, đặc biệt là thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

8. ***Đau đớn thay phận dàn bà,***

Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?

Hai câu thơ trên trích từ tác phẩm nào?

a. *Truyện Kiều*

b. *Văn tế thập loại chúng sinh*

c. *Long thành cầm giả ca*

d. *Độc Tiểu Thanh kí*

9. Bài "Văn tế thập loại chúng sinh" của Nguyễn Du còn được gọi là:

a. *Văn chiêu hồn*

b. *Phản chiêu hồn*

c. *Văn tế mười loại chúng sinh*

d. Cả a, b, c đều sai.

10. Thể thơ lục bát đến "Truyện Kiều" của Nguyễn Du đã chứng tỏ khả năng chuyển tải nội dung tự sự và trữ tình to lớn của thể loại truyện thơ. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh về "Truyện Kiều" của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	a	d	a	a	d	a	b	a	a

ĐỀ 36

TRAO DUYÊN

(Trích *Truyện Kiều*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Dòng nào đúng với xuất xứ của đoạn trích "Trao duyên"?

a. Trích từ câu 713 đến câu 756 trong tác phẩm "Truyện Kiều", là lời của Kiều bày tỏ nỗi lòng của mình.

b. Trích từ câu 723 đến câu 756 trong tác phẩm "Truyện Kiều", là đoạn miêu tả tâm trạng của Kiều sau khi quyết định trao duyên cho Thúy Vân.

c. Trích từ câu 724 đến câu 757 là lời của Kiều nói cùng Thúy Vân.

d. Trích từ câu 725 đến 758, là đoạn miêu tả tâm trạng của Kiều khi quyết định trao duyên cho Thúy Vân.

2. Đoạn trích được viết bằng thể thơ gì?

a. Lục bát

b. Lục bát biến thể

c. Song thất lục bát

d. Trường đoản cú

3. Điền từ đúng vào chỗ trống trong câu thơ sau:

Cậy em, em có ...,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

a. vâng lời

b. nhận lời

c. chịu lời

d. trao lời

http://tieulun.hopto.org

4. Kỉ vật của Kiều trao cho Vân là:

a. Chiếc thoa

b. Tờ mây

c. Chiếc vành

d. Cả b và c đều đúng.

5. Từ "mệnh bạc" trong câu thơ "Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên" có nghĩa là gì?

a. Không may mắn

b. Số mệnh bất hạnh

c. Người đã chết

d. Cả b, c, đều đúng

6. Nối từ Hán Việt ở cột A với lời giải nghĩa phù hợp ở cột B:

A	B
a. Keo loan	1. Cách gọi ước lệ, chỉ người phụ nữ mảnh mai, yếu đuối.
b. Bồ liễu	2. Thứ keo nấu bằng huyết chim loan dùng để gắn kết các vật.
c. Trúc mai	3. Cõi của người chết theo quan niệm xưa.
d. Chín suối	4. Chỉ tình yêu lứa đôi.

7. Đặc sắc về nghệ thuật của trích *Trao duyên* là:

a. Tả cảnh

b. Tả tình

c. Tả cảnh ngụ tình

d. Miêu tả nội tâm nhân vật

8. Đoạn trích thể hiện bi kịch của tình yêu, thân phận bất hạnh và nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

9. Dòng nào sau đây không cùng cấu trúc với những dòng còn lại?

a. xót tình máu mủ b. thịt nát xương mòn

c. trâm gãy gương tan d. nước chảy hoa trôi

10. Dòng nào dưới đây không nói về Thúy Kiều?

a. Giữa đường đứt gánh tương tư

b. Xót tình máu mủ thay lời nước non

c. Người mệnh bạc

d. Người thác oan

http://tieulun.hopto.org

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Hãy tìm những từ ngữ trong đoạn trích cho thấy Kiều đã nghĩ đến cái chết sau khi đã trao duyên cho em. Việc tập trung dày đặc những từ ngữ ấy có ý nghĩa gì?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	a	c	d	d	a-2, b-1, c-4, d-3	d	a	a	b

ĐỀ 37

NỖI THƯƠNG MÌNH

(Trích *Truyện Kiều*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Dòng nào sau đây không đúng với đoạn trích "Nỗi thương mình"?

a. Tình cảnh trớ trêu mà Kiều đã gặp phải khi rơi vào lầu xanh.

b. Nỗi niềm thương thân xót phận của Kiều.

c. Ý thức sâu sắc của Kiều về phẩm giá.

d. Sự đau khổ của Kiều sau khi trao duyên cho em.

2. Em hiểu câu thơ "Giờ sao tan tác như hoa giữa đường" như thế nào?

a. Cuộc sống của Kiều bây giờ như cánh hoa tan tác giữa đường.

b. Cuộc sống hiện tại của Kiều thật ê chề, tủi nhục.

c. Cuộc sống hiện tại của Kiều thật đáng thương.

d. Cả a, b, c đều đúng.

3. Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.

http://tieulun.hopto.org

Trong đoạn thơ trên, có sự đối lập giữa:

a. Quá khứ và hiện tại của Thúy Kiều

b. Quá khứ và tương lai của Thúy Kiều

c. Hiện tại và tương lai của Thúy Kiều

4. Câu nào không nói đúng về các cụm từ *"bướm lả ong lơi"*, *"lá gió cành chim"*, *"sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh"*?

a. Đây là những hình ảnh tả thực, miêu tả tỉ mỉ cuộc sống của Thúy Kiều ở lầu xanh.

b. Đây là những cách nói ước lệ, sử dụng điển cố, điển tích, diễn tả cuộc sống trăng gió cùng với sự suồng sã, đùa cợt của khách làng chơi ở lầu xanh.

5. Trong câu thơ *"Giật mình, mình lại thương mình xót xa"*, chữ *"mình"* nào chỉ thân phận hiện tại của Thúy Kiều?

a. Chữ *"mình"* thứ nhất

b. Chữ *"mình"* thứ hai

c. Chữ *"mình"* thứ ba

6. Bút pháp ước lệ trong đoạn trích có ý nghĩa như thế nào đối với việc diễn tả thân phận éo le của nàng Kiều?

a. Giúp tác giả tả thực, không né tránh số phận thực tế của nhân vật chính, do đó tạo nên chất phê phán hiện thực của tác phẩm.

b. Giữ được chân dung cao đẹp của nhân vật Kiều.

c. Thể hiện thái độ trân trọng, đầy cảm thông của tác giả đối với nhân vật.

d. Cả a, b và c đều đúng.

7. Trường hợp nào sau đây không cùng dạng đối xứng với các trường hợp còn lại?

a. Bướm lả ong lơi

b. Lá gió cành chim

c. Dày gió dạn sương

d. Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh

8. Câu "Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu" có hiện tượng đối xứng thuộc dạng nào sau đây?

a. Tiểu đối trong bốn chữ.

b. Tiểu đối trong khuôn khổ một câu thơ.

c. Đối xứng tạo nên giữa hai câu lục/bát.

http://tieulun.hopto.org

9. "Nỗi thương mình" có ý nghĩa mới mẻ như thế nào đối với văn học trung đại?

a. Phản ánh tâm trạng của con người một cách chân thực.

b. Phản ánh sự tự ý thức của con người cá nhân.

c. Nói lên một sự thực của cuộc đời: "Không ai thương mình bằng chính mình".

10. Từ nào dưới đây không phải là từ Hán Việt?

a. sương b. tuyết

c. trăng d. hoa

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Cho biết các dạng thức đối xứng khác nhau được sử dụng trong đoạn trích và giá trị nghệ thuật của chúng.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	a	a	c	d	d	b	b	c

ĐỀ 38

CHÍ KHÍ ANH HÙNG

(Trích *Truyện Kiều*)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

1. Trong *Truyện Kiều*, đoạn trích "Chí khí anh hùng" được trích từ câu 2000 đến 2217. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

2. Đoạn trích "Chí khí anh hùng" có nhân vật nào?

a. Kim Trọng b. Từ Hải

c. Thuý Kiều d. Cả b và c đều đúng

3. Nhân vật nào không có trong đoạn trích "Chí khí anh hùng"?

a. Kim Trọng

b. Từ Hải

c. Thuý Kiều

http://tieulun.hopto.org

4. Từ "trượng phu" trong câu "Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương" có nghĩa là gì?

a. Người đàn ông tốt bụng

b. Người đàn ông tài cao học rộng

c. Người đàn ông nghĩa hiệp

d. Người đàn ông có tài năng xuất chúng

5. ***Chí làm trai nam bắc tây đông,***

Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.

Hai câu thơ trên của tác giả nào?

a. Nguyễn Du

b. Nguyễn Công Trứ

c. Nguyễn Trãi

d. Nguyễn Bỉnh Khiêm

6. ***Trai anh hùng, gái thuyền quyên,***

Phỉ nguyền sánh phượng dẹp duyên cưỡi rồng.

Hai câu thơ trên viết về ai?

a. Kim Trọng – Thuý Kiều

b. Từ Hải – Thuý Kiều

c. Kim Trọng – Thuý Vân

d. Cả a, b, c đều sai

7. Từ nào dùng sai trong câu thơ "Nàng rằng: Phận gái một lòng"?

a. Một lòng

b. Nàng rằng

c. Phận gái

d. Không có từ nào sai.

8. Cụm từ "mặt phi thường" trong câu thơ "Làm cho rõ mặt phi thường" hàm nghĩa:

a. Ca ngợi tài năng xuất chúng hơn người của Từ Hải.

b. Cách nói thể hiện sự trân trọng kính phục của Nguyễn Du đối với Từ Hải.

c. Cách nói thiếu tôn trọng của Nguyễn Du đối với Từ Hải.

d. Cả a và b đều đúng.

9. Hình thức ngôn ngữ nào không có trong đoạn trích?

a. Ngôn ngữ nhân vật

http://tieulun.hopto.org

b. Ngôn ngữ đối thoại

c. Ngôn ngữ độc thoại

d. Ngôn ngữ tác giả

10. Nhận xét nào sau đây đúng với đoạn trích "Chí khí anh hùng"?

a. Cách tả người anh hùng Từ Hải là cách tả phổ biến trong văn họ trung đại.

b. Người anh hùng Từ Hải là một sáng tạo đặc sắc của Nguyễn Du v các phương diện cảm hứng sáng tạo và nghệ thuật miêu tả.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Nêu nhận xét về đặc điểm của cách miêu tả theo lối lí tưởng hó người anh hùng Từ Hải trong đoạn trích. Đây có phải là cách miêu tả ph biến của văn học trung đại không?

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	d	a	d	b	b	a	d	c	b

http://tieulun.hopto.org

PHẦN II – ĐỀ KIỂM TRA 90 PHÚT

ĐỀ 1

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Điểm nào dưới đây không phải là tác phẩm văn học Việt Nam?

a. Bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen...".

b. Bài thơ "Nam quốc sơn hà" của Lý Thường Kiệt.

c. Tranh "Đám cưới chuột".

d. Truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao.

2. Tác phẩm nào dưới đây không phải là văn học dân gian?

a. *Lặng lẽ Sa Pa.*

b. *Tấm Cám.*

c. *Thạch Sanh.*

d. *Sọ Dừa.*

3. Điểm nào dưới đây nói đúng về văn học dân gian?

a. Là những tác phẩm văn học viết về nhân dân, phục vụ cho nhân dân.

b. Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

4. Văn học dân gian không có đặc trưng này:

a. Văn học dân gian là sáng tác tập thể.

b. Văn học dân gian là sáng tác truyền miệng.

c. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng.

d. Khi người trí thức tham sáng tác văn học dân gian thì sáng tác ấy trở thành tiếng nói riêng của người trí thức.

5. *Quá trình truyền miệng kết thúc khi tác phẩm văn học dân gian đã được ghi chép lại.* Điều đó đúng hay sai?

a. Đúng

b. Sai

http://tieulun.hopto.org

6. Câu nào dưới đây nói đúng về quá trình sáng tác tập thể của văn học dân gian?

a. Nhiều người cùng họp lại để sáng tác, mỗi người sáng tác một phần của tác phẩm.

b. Ban đầu do một người sáng tác nên, sau đó những người khác tiếp tục lưu truyền và sáng tác lại làm cho tác phẩm biến đổi dần.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

7. Ngoài chất liệu ngôn từ, thể loại nào sau đây của văn học dân gian có sự tham gia của yếu tố âm nhạc và vũ đạo?

a. Truyện cổ tích.

b. Tục ngữ.

c. Chèo.

d. Truyện cười.

8. Điểm nào dưới đây nói đúng nhất về những thứ chữ viết được dùng để sáng tác trong văn học Việt Nam từ xưa đến nay?

a. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ.

b. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Pháp.

c. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Anh.

d. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Pháp, tiếng Anh.

9. Tác phẩm nào sau đây không phải là văn học chữ Hán?

a. *Nam quốc sơn hà* (Lý Thường Kiệt)

b. *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ)

c. *Thăng Long thành hoài cổ* (Bà Huyện Thanh Quan)

d. *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi)

10. Tác phẩm nào sau đây không phải là văn học chữ Nôm?

a. *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi)

b. *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ)

c. *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương)

d. *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)

*** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 11 - 13**

Đăm Săn: *- Hỡi trăm nghìn chim muông! Hỡi tất cả tôi tớ của Mtao Mxây, có ai đi theo ta không?*

Dân làng Mtao Mxây: *- Sao chúng tôi lại không theo? Chủ chúng tôi đã chết rồi, đã thối ra rồi!*

Đăm Săn: *- Hỡi tất cả tôi tớ của Mtao Mxây! Hãy đến với ta. Chủ của các người đã chết. Ai chăn ngựa đi kiếm ngựa dẫn về. Ai quản voi đi kiếm voi về. Ai giữ trâu đi dẫn trâu về!*

http://tieulun.hopto.org

Tôi tớ của Mtao Mxây: - *Sao chúng tôi lại chẳng đi theo ông? Đầu làng đã bị cây rừng mọc choán. Cuối làng cà ớt mọc lên. Chủ chúng tôi đã chết rồi!*

Đăm Săn: - *Đi thôi! Bây giờ phải trở về bến nước của ta.*

11. Nhân vật nào không có tham gia vào hoạt động giao tiếp trên?

a. Đăm Săn.

b. Mtao Mxây.

c. Dân làng Mtao Mxây.

d. Tôi tớ của Mtao Mxây.

12. Hoạt động giao tiếp đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?

a. Ở làng của Mtao Mxây.

b. Sau khi Đăm Săn đã chiến thắng Mtao Mxây.

c. Xã hội Ê-đê thời tiền giai cấp.

d. Cả a, b và c đều đúng.

13. Sự giao tiếp đó hướng vào nội dung gì?

a. Đăm Săn kêu gọi dân làng và tôi tớ của Mtao Mxây đi theo mình.

b. Dân làng và tôi tớ của Mtao Mxây tỏ ý muốn theo Đăm Săn.

c. Cả và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

*** Đọc câu ca dao sau và trả lời câu hỏi 14 – 18:**

Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:

- Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?

14. Nhân vật giao tiếp ở đây là những người như thế nào?

a. Nam và nữ.

b. Thanh niên.

c. Trung niên.

d. Cả a và b đúng.

15. Hoạt động giao tiếp này diễn ra vào thời gian nào?

a. Buổi sáng

b. Buổi chiều

c. Đêm mưa

d. Đêm trăng

http://tieulun.hopto.org

16. Bối cảnh thời gian giao tiếp nói trên phù hợp với những cuộc trò chuyện như thế nào?

a. Lao động sản xuất

b. Nhà cửa

c. Tâm tình yêu đương

d. Bạn bè

17. Nhân vật *anh* nói về điều gì?

a. Hỏi tre còn non không.

b. Hỏi tre non đã đủ lá chưa.

c. Hỏi tre non đã đủ lá, có đan sàng được chưa.

d. Cả ba đều đúng.

18. Nhân vật *anh* nói như thế nhằm mục đích gì?

a. Rủ chặt tre đan sàng.

b. Ngỏ ý tình cảm đã thắm thiết, nên xây dựng gia đình.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

19. Văn bản là gì?

a. Văn bản là đơn vị giao tiếp bằng ngôn ngữ.

b. Văn bản là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

c. Văn bản thường bao gồm nhiều câu.

d. Cả ba ý trên.

20. Câu nào dưới đây không nói đúng đặc điểm của văn bản?

a. Mỗi văn bản tập trung nhất quán vào một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn.

b. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản được xây dựng theo một kết cấu mạch lạc.

c. Văn bản phải từ hai câu trở lên.

d. Mỗi văn bản nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định.

e. Mỗi văn bản có dấu hiệu hình thức biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung: thường mở đầu bằng một tiêu đề và có dấu hiệu kết thúc thích hợp với từng loại văn bản.

http://tieulun.hopto.org

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Các khái niệm "bút lông" và "bút sắt" (do nhà thơ Tản Đà sử dụng) gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về đặc điểm của hai thời đại lớn trong văn học Việt Nam?

2. Anh (chị) hãy dùng hiểu biết của mình để minh họa cho những nhận định về con người Việt Nam qua văn học.

3. *"Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là những người sáng tác nữa. Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác rất hay mà lại ngắn, chứ không "trường giang đại hải", dây cà ra dây muống... Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý".*

(Hồ Chí Minh, *Về công tác văn hóa nghệ thuật*, Nxb *Sự thật*, Hà Nội 1971)

Anh (chị) hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy dùng hiểu biết của mình về văn học dân gian để làm rõ nhận định trên.

4. Anh (chị) hãy chứng minh nhận định sau:

"Văn nghệ dân gian là cơ sở, là miếng đất tốt tươi trên đó sinh ra và lớn lên nền văn học, nghệ thuật cổ điển và hiện đại Việt Nam".

(Hoài Thanh, *Về công tác sưu tầm, nghiên cứu và giới thiệu văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam*)

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	a	b	d	b	b	c	b	c	b

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	d	c	d	d	c	c	b	d	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 2

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Trong những tác phẩm sử thi dưới đây, tác phẩm nào không phải của người Ê-đê?

a. *Đăm Săn* b. *Đăm Di*

c. *Đam Noi* d. *Xing Nhã*

e. *Khinh Dú*

2. Nhân vật nào không có trong đoàn quân của Đăm Săn đi đánh Mtao Mxây?

a. Tôi tớ của Đăm Săn.

b. Các tù trưởng có mối thù với Mtao Mxây.

c. Các tù trưởng nhà giấu người Bi, người Mơ-nông "đầu bịt khăn bỏ múi dài như đuôi vượn".

d. Anh em nhà Hơ Nhị.

3. Trước khi báo cho Mtao Mxây biết là mình đã đến, Đăm Săn đã có hành động nào?

a. Chặt ống tre đựng nước uống làm ba khúc.

b. Chặt gãy cầu thang nhà Mtao Mxây.

c. Xô đổ hàng rào nhà Mtao Mxây.

d. Đốt cây cột ở mái hiên nhà Mtao Mxây.

4. Hình ảnh nào không có trong đoạn văn miêu tả sự đông đảo của đoàn quân Đăm Săn khi thắng trận trở về?

a. như đàn châu chấu

b. như bầy hươu sao

c. như đàn kiến, đàn mối

d. như ong đi lấy nhụy hoa

5. Điểm nào dưới đây không nói đúng về đặc điểm của truyền thuyết?

a. Hình tượng nghệ thuật đậm màu sắc thần kì.

b. Phản ánh lịch sử.

c. Phản ánh nhận thức của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người.

d. Nói lên "tâm tình thiết tha" của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

http://tieulun.hopto.org

6. Truyền thuyết về thành Cổ Loa xuất hiện lần đầu tiên trong tác phẩm nào?

a. *Lĩnh nam chích quái*

b. *Việt điện u linh*

c. *Đại Việt sử kí*

d. *Đại Việt sử kí toàn thư*

7. Hãy nối cột A với cột B cho phù hợp :

A	B
a. An Dương Vương	1. Hoàng tử nước Nam Việt
b. Triệu Đà	2. Công chúa nước Âu Lạc
c. Mị Châu	3. Vua nước Nam Việt
d. Trọng Thủy	4. Vua nước Âu Lạc

8. Sắp xếp lại các chi tiết sau theo trình tự đúng để thấy được kế hoạch của Trọng Thủy :

a. Lúc chia tay, hỏi cách tìm theo dấu vết của Mị Châu.

b. Ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt Rùa Vàng.

c. Dỗ Mị Châu cho xem trộm nỏ thần.

d. Mang lẫy nỏ thần về nước.

e. Giả cách xin về phương Bắc thăm nhà.

9. Tại sao An Dương Vương lại kết tình thông hiếu với kẻ thù?

a. Vì thương con gái là Mị Châu.

b. Vì quý mến Trọng Thủy.

c. Vì mỏi mệt sau một thời gian dài chiến tranh.

d. Vì mong muốn hòa bình mà mơ hồ, mất cảnh giác trước bản chất tham lam, xảo trá của kẻ thù.

10. Bi kịch của Trọng Thủy xuất phát từ mâu thuẫn nào dưới đây?

a. Mâu thuẫn giữa nghĩa vụ và tình cha con.

b. Mâu thuẫn giữa nghĩa vụ và tình yêu.

c. Mâu thuẫn giữa tình cha con và tình yêu.

d. Cả ba ý trên.

11. Chi tiết An Dương Vương rút gươm chém chết Mị Châu nói lên điều gì?

a. Tính tình dứt khoát của An Dương Vương.

b. Thái độ nghiêm khắc của nhân dân khép Mị Châu vào tội phản quốc.

http://tieulun.hopto.org

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

12. Chi tiết nào dưới đây không có yếu tố hoang đường, thần kì?

a. Thần Kim Quy giúp vua xây thành và tặng vuốt làm lẫy nỏ thần để bảo vệ đất nước.

b. Nỏ thần bắn một phát chết hàng vạn tên giặc.

c. Trọng Thủy lấy cắp lẫy nỏ thần.

d. Thần Kim Quy hiện lên thét lớn " "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó"... Vua cầm sừng tê bảy tấc, theo Rùa Vàng rẽ nước xuống biển.

e. Những biến hoá kì diệu tạo thành tình tiết "ngọc trai - nước giếng".

13. Ai thường được coi là tác giả của hai sử thi *I-li-at* và *Ô-đi-xê*?

a. Hô-me-rơ

b. La Phông-ten

c. Ê-dốp

d. An-đéc-xen

14. Sử thi *Ô-đi-xê* được chia thành bao nhiêu khúc ca?

a. 22 khúc ca

b. 23 khúc ca

c. 24 khúc ca

d. 25 khúc ca

15. Sử thi *Ô-đi-xê* dài bao nhiêu câu thơ?

a. 12 110 câu

b. 12 120 câu

c. 12 130 câu

d. 12 140 câu

16. Nhân vật nào không có trong đoạn trích *Uy-lít-xơ trở về*?

a. Pê-nê-lốp

b. Pô-xê-i-đa-ôn

c. Tê-lê-mác

d. Ơ-ri-clê

17. Khi bước xuống lầu để gặp Uy-lít-xơ, tâm trạng của Pê-nê-lốp như thế nào?

a. Vui mừng

b. Hớn hở

c. Phân vân

d. Lo lắng

18. Từ nào khống có trong lời của Tê-lê-mác trách mẹ?

a. Tàn nhẫn

b. Độc ác

c. Sắt đá

d. Thâm hiểm

http://tieulun.hopto.org

19. Chi tiết nào dưới đây không miêu tả thái độ của Pê-nê-lốp khi vừa gặp Uy-lít-xơ?

a. Ngồi lặng thinh trước mặt Uy-lít-xơ.

b. Lòng sửng sốt.

c. Đăm đăm âu yếm nhìn chồng.

d. Nở nụ cười hạnh phúc.

20. Trong đoạn trích, biện pháp nghệ thuật nào không được sử dụng để khắc họa phẩm chất nhân vật?

a. Xây dựng hoàn cảnh đầy kịch tính.

b. Miêu tả tâm lí nhân vật qua một dáng điệu, một cử chỉ, một cách ứng xử.

c. Phân tích, mổ xẻ tâm lí nhân vật.

d. Xây dựng đối thoại của nhân vật thành những đoạn thuyết lí hoàn chỉnh.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*" trích sử thi *Đăm Săn*).

2. Vẻ đẹp người anh hùng Đăm Săn trong đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*" (trích sử thi *Đăm Săn*).

3. Có hai cách đánh giá sau:

- Trọng Thủy chỉ là một tên gián điệp, ngay cả việc yêu Mị Châu cũng chỉ là giả dối.

- Giữa Mị Châu và Trọng Thủy có tình yêu chung thủy và hình ảnh "ngọc trai – giếng nước" đã ca ngợi mối tình đó.

Anh (chị) hãy trình bày ý kiến riêng của mình.

4. An Dương Vương đã tự tay chém đầu người con gái duy nhất của mình. Nhưng dân gian lại dựng đền và am thờ hai cha con ngay cạnh nhau (đền thờ An Dương Vương và am thờ công chúa Mị Châu ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội). Cách xử lí như vậy nói lên điều gì trong đạo lí truyền thống của dân tộc ta?

5. Anh (chị) hãy nhập vai Uy-lít-xơ kể lại đoạn "Uy-lít-xơ trở về".

6. Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về đoạn văn sau:

... Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay, nàng thấy Uy-lít-xơ tả đúng mười mươi sự thật. Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng và nói:

http://tieulun.hopto.org

- Uy-lít-xơ! Xin chàng chớ giận thiếp, vì xưa nay chàng vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan. Ôi! Thần linh đã dành cho hai ta một số phận xiết bao cay đắng vì Người ghen ghét ta, không muốn cho ta được sống vui vẻ bên nhau, cùng nhau hưởng hạnh phúc của tuổi thanh xuân và cùng nhau đi đến tuổi già đầu bạc. Vậy giờ đây, xin chàng chớ giận thiếp, cũng đừng trách thiếp về nỗi gặp chàng mà thiếp không âu yếm chàng ngay. Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác... Giờ đây, chàng đã đưa ra những chứng cớ rành rành, tả lại cái giường không ai biết rõ, ngoài chàng với thiếp và Ác-tô-rít, một người thị tì của cha thiếp cho khi thiếp về đây, và sau đó giữ cửa gian phòng vách tường kiên cố của chúng ta. Vì vậy chàng đã thuyết phục được thiếp và thiếp phải tin chàng, tuy lòng thiếp rất đa nghi.

Nàng nói vậy, khiến Uy-lít-xơ càng thêm muốn khóc. Người ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thủy của mình mà khóc dầm dề.

Dịu hiền thay mặt đất, khi nó hiện lên trước mắt những người đi biển bị Pô-dê-i-đông đánh tan thuyền trong sóng cả gió to, họ bơi, nhưng rất ít người thoát khỏi biển khơi trắng xóa mà vào được đến bờ ; mình đầy bọt nước, những người sống sót mừng rỡ bước lên đất liền mong đợi, Pê-nê-lốp cũng vậy, được gặp lại chồng, nàng sung sướng xiết bao, nàng nhìn chồng không chán mắt và hai cánh tay trắng muốt của nàng cứ ôm lấy cổ chồng không nỡ buông rời.

(trích sử thi *Ô-đi-xê*)

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	b	a	a	c	a			d	b

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	c	a	c	a	b	c	d	d	c

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 3

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. A. là người hoàn thiện sử thi *Ra-ma-ya-na*?

a. Van-mi-ki　　b. La Phông-ten

c. Ê-đốp　　d. An-đéc-xen

2. *Ra-ma-ya-na* trong tiếng Ấn Độ có nghĩa là gì?

a. Bài ca về hoàng tử Ra-ma.

b. Vợ của hoàng tử Ra-ma.

c. Câu chuyện về hoàng tử Ra-ma.

d. Câu chuyện về những kì tích của hoàng tử Ra-ma.

3. Thành công nghệ thuật của sử thi *Ra-ma-ya-na* là gì?

a. Xây dựng những nhân vật lí tưởng có sức sống lâu bền trong đời sống tinh thần của dân tộc Ấn Độ.

b. Miêu tả thiên nhiên tràn đầy sức sống và chứa chan tình người.

c. Phân tích nội tâm nhân vật sâu sắc và chân thực.

d. Cả a, b và c đều đúng.

4. Đoạn trích *Ra-ma buộc tội* nằm ở đoạn nào trong cốt truyện của sử thi *Ra-ma-ya-na*?

a. Sau khi hai vợ chồng bị đày vào rừng.

b. Sau khi Xi-ta bị quỷ Ra-va-na bắt cóc.

c. Sau khi Ra-ma giúp đỡ vua khỉ Xu-gri-va giành lại vương quốc.

d. Sau khi Ra-ma chiến thắng quỷ Ra-va-na.

5. Sau chiến thắng, Ra-ma và Xi-ta gặp lại nhau trước sự chứng kiến của "mọi người". "Mọi người" đó bao gồm những ai?

a. Anh em, bạn hữu của Ra-ma.

b. Quân đội của loài khỉ Va-na-ra.

c. Quan quân, dân chúng của loài quỷ Rắc-xa-sa.

d. Cả a, b và c.

6. "*Nếu con trước sau một lòng một dạ với Ra-ma thì cúi xin thần hãy tìm cách bảo vệ con. Ra-ma đã coi một phụ nữ trinh tiết như một kẻ gian dối, nhưng nếu con trong trắng, xin thần A-nhi hãy phù hộ cho con*". Lời cầu khấn ấy của Xi-ta cho thấy điều gì?

a. Xi-ta tuyệt đối tin tưởng vào thần A-nhi.

b. Xi-ta tin vào sự trong trắng của mình sẽ được thần phù hộ.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

7. Trong bài văn tự sự, các sự việc, chi tiết tiêu biểu có tác dụng gì?

a. Dẫn dắt câu chuyện.

b. Tô đậm tính cách nhân vật.

c. Tập trung thể hiện chủ đề câu chuyện.

d. Cả ba ý trên.

8. Trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*, nếu không kể sự việc Mị Châu và Trọng Thủy chia tay nhau và bỏ đi chi tiết "rắc lông ngỗng làm dấu" thì câu chuyện sẽ không tiếp nối được nữa. Vì sao như vậy?

a. Vì đó là những sự việc và chi tiết độc đáo, hấp dẫn.

b. Vì đó là sự việc và chi tiết có vai trò quan trọng làm tiền đề cho những sự việc và chi tiết nối tiếp sau.

c. Sự việc và chi tiết ấy có ý nghĩa nhấn mạnh bài học đau đớn: sự nhẹ dạ, ngây thơ của Mị Châu dẫn đến họa mất nước.

d. Hai ý b và c đúng.

e. Hai ý a và b đúng.

9. Muốn chọn được sự việc, chi tiết tiêu biểu trong văn tự sự, ta cần phải làm gì?

a. Xác định đề tài, ý nghĩa của văn bản.

b. Dự kiến cốt truyện.

c. Phác họa các nhân vật với lời nói, hành động trong thời gian, không gian cụ thể...

d. Cả a, b và c.

10. Theo em, những sự việc nào là đặc sắc, tiêu biểu nhất trong truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thủy* nói lên mối quan hệ giữa tình cảm riêng với sự nghiệp giữ nước?

a. Sự việc "Trọng Thuỷ lợi dụng tình yêu, niềm tin trong sáng, ngây thơ của Mị Châu, lấy cắp lẫy nỏ thần"

b. Sự việc "Trọng Thuỷ và Mị Châu chia tay nhau".

c. Sự việc An Dương Vương chém Mị Châu.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý a và c.

11. Truyện cổ tích là gì?

a. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức và cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người.

http://tieulun.hopto.org

b. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể lại các sự kiện và nhân vật có quan hệ với lịch sử địa phương, dân tộc, thường dùng yếu tố tưởng tượng để lí tưởng hoá các sự kiện và nhân vật được kể, nhằm thể hiện ý thức lịch sử của nhân dân.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần hoặc văn xuôi kết hợp với văn vần, kể lại những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

d. Là thể loại tự sự bằng văn xuôi kể về số phận của các kiểu nhân vật như người mồ côi, người em, người lao động giỏi, người dũng sĩ, người thông minh, chàng ngốc... qua đó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội.

12. Truyện *Tấm Cám* thuộc loại cổ tích gì?

a. Truyện cổ tích về loài vật.

b. Truyện cổ tích sinh hoạt.

c. Truyện cổ tích thần kì.

13. Bản chất của mâu thuẫn và xung đột truyện *Tấm Cám* là gì?

a. Mâu thuẫn dì ghẻ – con chồng

b. Mâu thuẫn giữa thiện và ác

c. Mâu thuẫn giữa chị và em

d. Hai ý a và b đúng

e. Hai ý b và c đúng

14. Sự biến hóa của Tấm thể hiện điều gì?

a. Nhân dân ước mơ con người được bất tử.

b. Sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của kẻ ác.

c. Cả hai ý trên.

15. Dòng nào dưới đây không nói đúng về văn miêu tả?

a. Là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh...

b. Là loại văn trong đó người viết phản ánh thế giới bên ngoài bằng cách kể lại sự việc, miêu tả tính cách thông qua một cốt truyện tương đối hoàn chỉnh.

c. Loại văn này bộc lộ rõ nhất năng lực quan sát của người viết.

16. Thế nào là văn biểu cảm?

a. Là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc của người viết đối với thế giới xung quanh.

b. Là văn bản viết ra nhằm biểu đạt sự đánh giá của người viết đối với thế giới xung quanh.

http://tieulun.hopto.org

c. Là văn bản viết ra nhằm khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

d. Cả ba ý trên.

17. Nhận xét dưới đây đúng hay sai?

Miêu tả trong văn bản tự sự không hoàn toàn giống với miêu tả trong văn bản miêu tả: nó nhằm giúp cho việc kể chuyện sinh động, hấp dẫn hơn chứ không nhằm miêu tả đầy đủ sự việc, con người và phong cảnh.

a. Đúng

b. Sai

18. Văn bản tự sự dùng yếu tố biểu cảm nhằm mục đích gì là chủ yếu?

a. Nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc của người viết đối với thế giới xung quanh.

b. Nhằm biểu đạt sự đánh giá của người viết đối với thế giới xung quanh.

c. Nhằm khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

d. Nhằm giúp cho việc kể chuyện sinh động, hấp dẫn và có sức truyền cảm mạnh mẽ

Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi 19 – 21

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơ man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi giữa bầu trời quang đãng.

(*Tôi đi học* – Thanh Tịnh

19. Dòng nào dưới đây không phải là yếu tố miêu tả?

a. *Lá ngoài đường rụng nhiều.*

b. *Trên không có những đám mây bàng bạc.*

c. *Lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.*

d. *Như mấy cành hoa tươi giữa bầu trời quang đãng.*

20. Dòng nào dưới đây không phải là yếu tố biểu cảm?

a. *Lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.*

b. *Trên không có những đám mây bàng bạc.*

c. *Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi...*

http://tieulun.hopto.org

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phân tích thái độ của công chúng khi chứng kiến Xi-ta nạp mình cho lửa. Cảm nghĩ của anh (chị) trước cảnh Xi-ta bước vào lửa.

2. Hai trích đoạn "Chiến thắng Mtao Mxây" và "Ra-ma buộc tội" có ảnh hưởng giống nhau (người anh hùng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù giành lại vợ) nhưng cách kết thúc lại khác nhau. Anh (chị) có suy nghĩ gì về hai cách kết thúc ấy?

3. Phân tích từng hình thức biến hóa của Tấm. Quá trình biến hóa của Tấm nói lên ý nghĩa gì?

4. Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về hành động trả thù của Tấm đối với Cám?

5. "Đặc sắc nghệ thuật của truyện thể hiện ở sự chuyển biến của hình tượng nhân vật Tấm: từ yếu đuối, thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình" (phần *Ghi nhớ* truyện *Tấm Cám*). Anh (chị) hãy phân tích truyện cổ tích *Tấm Cám* để làm sáng tỏ điều đó.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	b	d	d	d	c	d	d	d	d

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	d	c	d	b	b	d	a	d	c	b

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 4

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Trong truyện *Tam đại con gà*, ở nhân vật thầy đồ có mâ thuẫn nào là trái tự nhiên?

a. Mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức.

b. Mâu thuẫn giữa bản chất và hiện tượng.

c. Mâu thuẫn giữa cá nhân và hoàn cảnh.

d. Cả ba mâu thuẫn trên.

2. Trong những câu dưới đây, câu nào đúng, câu nào sa (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, chữ S vào cuối câu sai)

a. Thầy đồ dốt đến mức không biết một chữ nào. Đ

b. Thầy đồ dốt đến mức có chữ trong sách vỡ lòng mà cũng không biết. Đ

c. Thầy đồ chẳng những dốt mà còn liều lĩnh để che đậy cái dốt của mình. Đ

d. Mọi tình tiết trong tác phẩm càng lúc càng bộc lộ cái dốt của thầy đồ. Đ

3. Trong những tình tiết sau, tình tiết nào không chứa đựng s phi lí?

a. *Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*

b. *Anh học trò khấn thổ công xim ba dài âm dương để xem chữ ấy phải thật là "dù dì" không.*

c. *Dạy chữ "kê" thành chữ "dủ dỉ" là dạy đến tận "tam đại con gà bởi vì "dủ dỉ là chị con công, con công là ông con gà"*

d. Cả a, b và c.

4. Tiếng cười trong truyện "Tam đại con gà" có ý nghĩa gì?

a. Tiếng cười khôi hài có ý nghĩa giáo dục.

b. Tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân.

c. Tiếng cười đả kích các tầng lớp trên trong xã hội.

d. Hai ý a bà b.

e. Hai ý a và c.

5. Truyện "Nhưng nó phải bằng hai mày" thuộc loại truyện gì?

a. Truyện khôi hài

b. Truyện trào phúng

c. Vừa khôi hài vừa trào phúng.

http://tieulun.hopto.org

6. Truyện đã chuẩn bị những yếu tố nào cho sự hình thành và phát triển của mâu thuẫn trong truyện?

a. Lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi.

b. Ngô và Cải đều đút lót trước cho thầy lí.

c. Cả hai yếu tố trên.

7. Những yếu tố trên có hiệu quả như thế nào?

a. Tạo tình huống xử kiện.

b. Gợi trí tò mò, gợi sự chú ý của người đọc, do đó tạo nên sức hấp dẫn của câu chuyện.

c. Cả hai ý trên.

8. Vì sao Cải và Ngô phải lo lót trước cho thấy lí?

a. Vì thầy lí là người xử kiện.

b. Vì cả Ngô và Cải đều muốn thắng kiện.

c. Cả hai lí do trên.

9. Chi tiết Cải "vội xòe năm ngón tay" và nói "Xin xét lại, lẽ phải về con mà!" có ý nghĩa gì?

a. Năm ngón tay bằng năm đồng.

b. Năm ngón tay là lẽ phải.

c. Lẽ phải của Cải là năm đồng.

d. Cả ba ý trên.

10. Tại sao thầy lí "cũng xòe năm ngón tay trái úp lên năm ngón tay mặt" và nói "Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải bằng hai mày!"?

a. Thầy lí hiểu ý của Cải.

b. Thầy lí muốn cho Cải biết lí do vì sao Cải phải thua kiện.

c. Cả hai ý trên.

11. Vì sao Cải đã lo lót trước mà vẫn bị thầy lí xử thua kiện?

a. Vì Cải có lỗi nhiều hơn Ngô.

b. Vì Ngô đút lót cho thầy lí nhiều hơn Cải.

c. Cả hai lí do trên.

12. Trong những nhận xét dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai? (Khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ S vào cuối câu sai)

a. Lẽ phải trên đời này là cái có thể cân đong, đo đếm được. Đ S

b. Khi nói "*nhưng nó lại phải bằng hai mày*", thầy lí đã cân đong, đo đếm được lẽ phải. Đ S

http://tieulun.hopto.org

13. Truyện gây cười bằng thủ pháp nào?

a. Kết hợp miêu tả lời nói và cử chỉ của nhân vật.

b. Lối chơi chữ độc đáo.

c. Cả hai thủ pháp trên.

14. Đối tượng phê phán trong truyện này là nhân vật nào?

a. Thầy lí

b. Ngô

c. Cải

d. Cả ba nhân vật.

15. Ngô và Cải lâm vào một tình cảnh như thế nào?

a. Bi

b. Hài

c. Vừa bi vừa hài.

16. Cái đáng thương và đáng trách của Ngô và Cải là ở chỗ nào?

a. Cả hai đều mất tiền lo lót cho thầy lí.

b. Người thắng kiện cũng chẳng được lợi lộc gì khi người kia thua kiện.

c. Cả hai ý trên.

17. Ca dao là gì?

a. Là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

b. Là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, miêu tả sự vật, hiện tượng bằng lối nói ám chỉ để giấu đi tên đối tượng đố, nhằm giải trí và rèn luyện khả năng suy đoán.

c. Là thể loại tự sự bằng văn vần, kể lại và bình luận những sự kiện có tính chất thời sự hoặc những sự kiện lịch sử đương thời.

d. Là thể loại trữ tình bằng văn vần hoặc kết hợp lời thơ với giai điệu nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.

e. Là thể loại văn vần kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, phản ánh số phận của người nghèo khổ và khát vọng về tình yêu tự do.

18. Ca dao thuộc thể loại nào?

a. Trữ tình

b. Tự sự

c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

http://tieulun.hopto.org

19. Điểm nào dưới đây không nói đúng nội dung ca dao?

a. Ca dao là những tiếng hát than thân, nói lên nỗi nhọc nhằn, tủi nhục của người bình dân trong cuộc đời vất vả.

b. Ca dao là những tiếng hát tình nghĩa, thể hiện đời sống tình cảm đẹp đẽ của người lao động.

c. Ca dao hài hước thể hiện tâm hồn lạc quan của người lao động.

d. Ca dao đúc kết kinh nghiệm sống của người lao động.

20. Đặc sắc nghệ thuật của ca dao là gì?

a. Thường dùng thể lục bát, kết cấu ngắn gọn, giàu hình ảnh và nhạc điệu.

b. Thường là một câu nói ngắn, có hai vế đối nhau.

c. Thường lặp lại các hình ảnh và chi tiết có giá trị nghệ thuật và lối diễn đạt bằng một số công thức in đậm sắc thái dân gian.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý a và c.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phân tích hành động và lời nói của nhân vật "thầy" để làm sáng tỏ thủ pháp gây cười trong truyện "Tam đại con gà".

2. Phân tích ý nghĩa phê phán của truyện "Tam đại con gà".

3. Phân tích tính kịch trong đoạn "*Cái vội xòe năm ngón tay... bằng hai mày*".

4. Phân tích nghệ thuật gây cười qua lời nói của thầy lí ở cuối truyện.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	a-S	a	e	b	c	c	c	d	c

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b		c	a	c	c	d	a	d	e

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Những bài ca dao bắt đầu bằng "Thân em..." thường có nội dung gì?

a. Nói lên vẻ đẹp của người phụ nữ.

b. Than thở cho thân phận của người phụ nữ.

c. Bộc lộ khát vọng của người phụ nữ.

d. Cả hai ý a và b.

e. Cả ba ý a, b và c.

2. Trong những câu sau, câu nào không sử dụng phép so sánh?

a. *Thân em như tấm lụa đào*

b. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

c. *Thân em như giếng giữa đàng*

d. *Thân em như củ ấu gai*

3. Những hình ảnh "tấm lụa đào", "củ ấu gai" giống nhau ở điểm nào?

a. Đều là những sự vật lấy từ trong cuộc sống đời thường gần gũi.

b. Đều đẹp hoặc có ích cho đời sống.

c. Đều đáng thương.

d. Hai ý a và b

e. Cả ba ý a, b và c.

4. Cụm từ "biết vào tay ai" diễn tả điều gì?

a. Cảnh chợ đông người.

b. Cuộc đời phong phú, đa dạng.

c. Số phận bấp bênh, không thể biết trước của người phụ nữ.

d. Cả ba ý trên.

5. Trong câu *"Thân em như củ ấu gai – Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen"*, sự đối lập giữa "ruột" và "vỏ" có ý nghĩa gì?

a. Nhấn mạnh đặc điểm của củ ấu gai.

b. Người phụ nữ có phẩm chất tốt đẹp nhưng thân phận thấp hèn.

c. Cả hai ý trên.

6. Bài ca *"Trèo lên cây khế nửa ngày..."* là lời của nhân vật trữ tình nào?

a. Chàng trai đang yêu.

http://tieulun.hopto.org

b. Cô gái đang yêu.

c. Cả a và b.

7. Sự việc "*Trèo lên cây khế nửa ngày*" được nói đến có tác dụng gì?

a. Miêu tả một hành động của chàng trai.

b. Đưa đẩy để bắt vần xuống câu dưới.

c. Diễn tả một trạng thái tâm hồn của chàng trai.

d. Hai ý b và c đúng.

e. Cả ba ý a, b và c đều đúng.

8. Những cặp hình ảnh "*mặt trăng*" - "*mặt trời*", "*sao Hôm*" - "*sao Mai*", "*sao Vượt*" - "*trăng*" giống nhau ở chỗ nào?

a. Đều là những ẩn dụ lấy từ thiên nhiên.

b. Đều chỉ sự cách trở của đôi lứa.

c. Cả hai ý trên.

9. Từ nào dưới đây không nói đúng tâm trạng của chàng trai trong bài ca?

a. Chua xót

b. Tủi buồn

c. Nhớ thương

d. Tin tưởng

10. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai...*" làm theo thể thơ nào dưới đây?

a. Lục bát

b. Song thất lục bát

c. Ngũ ngôn

d. Thơ bốn chữ kết hợp với lục bát

11. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai...*" là lời của ai?

a. Chàng trai đang yêu.

b. Cô gái đang yêu.

c. Cả a và b.

12. Hình ảnh nào không xuất hiện trong bài ca "Khăn thương nhớ ai..."?

a. *Khăn*

b. *Đèn*

c. *Trăng*

d. *Mắt*

13. Biện pháp nghệ thuật nào không được sử dụng trong bài ca "*Khăn thương nhớ ai...*"?

a. Phép điệp

b. So sánh

c. Nhân hóa

d. Phép đối

http://tieulun.hopto.org

14. Bài ca "*Khăn thương nhớ ai...*" diễn tả tâm trạng gì của cô gái đang yêu?

a. Nỗi thương nhớ người yêu.

b. Niềm lo âu cho hạnh phúc.

c. Cả hai ý trên.

15. Câu ca "*Ước gì sông rộng một gang – Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi*" có nội dung gì?

a. Ước muốn việc giao thông được dễ dàng, thuận tiện.

b. Ước mơ tình yêu không cách trở.

c. Cả hai ý trên.

16. Hình ảnh "*sông rộng một gang*" sử dụng cách nói nào dưới đây?

a. Tả thực

b. Cường điệu

c. Biểu tượng

17. Cây cầu nào dưới đây không nằm trong hệ thống của những cây cầu còn lại?

a. *Hai ta cách một con sông,*
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.

b. *Ví dầu cầu ván đóng đinh,*
Cầu tre lắc lẻo, gập ghềnh khó đi.

c. *Cách nhau có một con đầm,*
Muốn sang anh bẻ cành trầm cho sang.
Cành trầm lá dọc lá ngang,
Đố người bên ấy bước sang cành trầm.

d. *Gần đây mà chẳng sang chơi,*
Để em ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu.
Sợ rằng chàng chả đi cầu,
Cho tốn công thợ, cho sầu lòng em

18. Bài ca "*Muối ba năm muối đang còn mặn...*" có nội dung gì?

a. Nói về những hương vị món ăn của đồng quê.

b. Diễn tả tình nghĩa đôi lứa mặn nồng, tình nghĩa vợ chồng chung thủy.

c. Cả hai ý trên.

http://tieulun.hopto.org

19. Nội dung chính của hai bài ca dao dưới đây là gì?

Thuyền ơi có nhớ bến chăng,
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.
Cây đa cũ, bến đò xưa,
Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.

a. Tình yêu quê hương

b. Tình yêu thiên nhiên

c. Nghĩa tình chung thủy

d. Cả a, b và c.

20. Câu nào dưới đây không phải là đặc điểm của ngôn ngữ nói?

a. Là ngôn ngữ âm thanh, là lời nói trong giao tiếp tự nhiên hàng ngày.

b. Đa dạng về ngữ điệu.

c. Có sự phối hợp giữa âm thanh, giọng điệu với các phương tiện bổ trợ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...

d. Có sự hỗ trợ của hệ thống dấu câu, của các kí hiệu văn tự, của các hình ảnh minh họa, các bảng biểu, sơ đồ,...

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phân tích tâm trạng của người bình dân trong một số bài ca bắt đầu bằng cụm từ "Thân em".

2. Phân tích hình ảnh người phụ nữ trong bài ca:

Thân em như củ ấu gai,
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.
Ai ơi, nếm thử mà xem!
Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.

3. Phân tích để làm rõ vẻ đẹp của câu cuối "Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời" trong bài ca "Trèo lên cây khế nửa ngày...".

4. Phân tích nghệ thuật diễn tả tâm trạng trong bài ca "Khăn thương nhớ ai...".

5. *Chiếc cầu dải yếm* là một hình ảnh nghệ thuật chỉ có trong ca dao, nói lên ước muốn mãnh liệt của người bình dân trong tình yêu. Hãy phân tích để làm rõ vẻ đẹp độc đáo của hình ảnh nghệ thuật này.

6. Phân tích ý nghĩa biểu tượng và giá trị biểu cảm của hình ảnh *muối - gừng* trong bài ca "Muối ba năm muối đang còn mặn...".

http://tieulun.hopto.org

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	e	b	d	c	c	a	d	c	d	d

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	c	b	c	b	b	b	b	c	d

ĐỀ 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Trong bài ca dao "Cưới nàng anh toan dẫn voi", chàng trai không dịnh dẫn con vật nào dưới đây?

a. Voi
b. Trâu
c. Bò
d. Lợn
e. Chuột

2. Tại sao chàng trai không dẫn cưới bằng trâu bò mà lại dịnh dẫn cưới bằng "con chuột béo"?

a. Vì chúng đều là "thú bốn chân".
b. Vì họ nhà gái kiêng trâu bò.
c. Vì chàng trai nghèo.
d. Cả a, b và c.

3. Cách nói của chàng trai có yếu tố gì hài hước?

a. Lối nói khoa trương, phóng đại.
b. Lối nói giảm dần.
c. Cách nói đối lập
d. Dùng chi tiết hài hước
e. Cả bốn ý trên.

4. Nhà cô gái thách cưới vật gì?

a. Vàng bạc
b. Lợn
c. Gà
d. Khoai lang

5. Tại sao nhà cô gái chỉ "thách cưới một nhà khoai lang"?

a. Vì không thích vàng bạc.
b. Vì kiêng lợn, gà.
c. Vì thương chàng trai nghèo.
d. Cả ba ý trên.

http://tieulun.hopto.org

6. Ý định dẫn cưới của chàng trai và lời thách cưới của cô gái có thực không?

a. Có

b. Không

7. Lời lẽ của chàng trai và cô gái có ý nghĩa gì?

a. Chua chát cho cảnh nghèo

b. Nói cho vui trong cảnh nghèo

c. Bộc lộ tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động.

d. Hai ý a và b.

e. Hai ý b và c.

Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi 8 – 12:

Bồng bồng cõng chồng đi chơi,
Đi qua vũng lội đánh rơi mất chồng.
Chị em ơi cho tôi mượn chiếc gầu sòng,
Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên.

8. Trong bài ca dao "Bồng bồng...", cô gái đưa chồng đi chơi bằng cách nào?

a. *tế chồng* b. *cõng chồng*

c. *ẵm chồng* d. *dắt chồng*

9. Cô gái đánh rơi chồng ở đâu?

a. ao b. hồ

c. đầm d. vũng

10. Cô gái mượn vật gì để tát nước vớt chồng lên?

a. gầu b. gáo

c. thau **d. thùng**

11. Tại sao người chồng lại phải ở trong tình cảnh oái oăm như thế?

a. Người chồng bệnh tật, không đi được.

b. Chồng còn trẻ con, không tự đi chơi được.

c. Cả hai ý đều sai.

12. Nghệ thuật nào đã tạo nên chất hài hước cho bài ca dao?

a. Phóng đại

b. Nói giảm

c. So sánh

d. Ẩn dụ

http://tieulun.hopto.org

13. Bài ca dao có ý nghĩa gì?

a. Chua xót cho cảnh ngộ của cô gái.

b. Diễn tả tình vợ chồng thắm thiết.

c. Phê phán, châm biếm nạn tảo hôn thời phong kiến.

d. Hai ý a và c.

e. Hai ý b và c.

Đọc hai bài ca dao sau và trả lời câu hỏi 14 – 16

Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.
Chồng người đi ngược về xuôi,
Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.

14. Trong hai bài ca dao trên, tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

a. Đối lập

b. Cường điệu

c. Cả a và b

15. "Gánh hai hạt vừng" là cách nói:

a. Tả thực

b. Cường điệu

c. Biểu tượng

16. Sự đối lập giữa "đi ngược về xuôi" với "ngồi bếp sờ đuôi con mèo" là:

a. Đối lập giữa động và tĩnh.

b. Đối lập cái lớn lao với cái nhỏ nhặt, tầm thường.

c. Cả hai ý trên.

17. Trong bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông...", đối tượng phê phán là ai?

a. Người vợ

b. Người chồng

c. Cả hai

18. Trong bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông...", tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

a. Cường điệu

b. Tương phản

c. Cả a và b

http://tieulun.hopto.org

19. Trong những nhận xét dưới đây, nhận xét nào không đúng với ca dao hài hước?

a. Tiếng cười tự trào trong ca dao vui vẻ, hồn nhiên.

b. Tiếng cười châm biếm, phê phán trong ca dao sắc sảo, sâu cay.

c. Ca dao hài hước nói lên sự thông minh, hóm hỉnh và tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động cho dù cuộc sống của họ thời xưa còn nhiều vất vả, lo toan.

d. Ca dao hài hước là những bài học về đối nhân xử thế.

20. Đoạn văn mở bài trong văn bản tự sự có nhiệm vụ gì?

a. Giới thiệu câu chuyện.

b. Kể diễn biến của các sự việc, chi tiết.

c. Kết thúc câu chuyện, tạo ấn tượng mạnh tới suy nghĩ, cảm xúc của người đọc.

d. Cả a, b và c.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Vẻ đẹp tâm hồn của người lao động nghèo trong bài ca dao "Cưới nàng anh toan dẫn voi...".

2. Nghệ thuật hài hước của bài ca dao "Cưới nàng anh toan dẫn voi...".

3. Cảm nghĩ của anh (chị) về hai bài ca dao:

Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.

Chồng người đi ngược về xuôi,
Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.

4. Phân tích ý nghĩa châm biếm của bài ca dao "Lỗ mũi em mười tám gánh lông...".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	c	e	d	c	b	e	b	d	a

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	a	d	c	b	b	a	c	d	a

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Tên gọi nào không phải của thời kì văn học từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX?

a. Văn học cổ đại

b. Văn học phong kiến

c. Văn học cổ điển

d. Văn học trung đại

e. Văn học Hán – Nôm

2. Văn học thời kì này gồm những bộ phận chủ yếu nào?

a. Văn học chữ Hán

b. Văn học chữ Nôm

c. Văn học chữ quốc ngữ

d. Cả a và b

e. Cả a, b và c.

3. Thể loại nào không có trong văn xuôi chữ Hán thời kì trung đại?

a. Chiếu

b. Hịch

c. Truyện ngắn

d. Tiểu thuyết chương hồi

4. Trong văn học chữ Nôm, thể loại nào dưới đây không phải là thể loại thuần túy của dân tộc?

a. Phú

b. Ngâm khúc

c. Lục bát

d. Hát nói

5. Văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV có những nội dung chủ yếu nào?

a. Nội dung yêu nước mang âm hưởng hào hùng.

b. Nội dung phản ánh, phê phán hiện thực xã hội phong kiến.

c. Nội dung nhân đạo

d. Hai ý a và b

6. Văn học thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX có những nội dung chủ yếu nào?

a. Nội dung nhân đạo

b. Nội dung yêu nước mang âm hưởng bi tráng

c. Nội dung phê phán hiện thực xã hội phong kiến

http://tieulun.hopto.org

d. Hai ý a và c.

e. Hai ý b và c.

7. Nội dung nhân đạo trong văn học thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX là:

a. Tiếng nói đòi quyền sống, đòi quyền hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người.

b. Hướng vào tình cảm riêng tư của con người, cất lên tiếng nói của ý thức cá nhân.

c. Cả a và b.

8. Tác giả nào dưới đây không thuộc giai đoạn văn học thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX?

a. Nguyễn Bỉnh Khiêm
b. Đặng Trần Côn
c. Nguyễn Du
d. Cao Bá Quát

9. Đặc điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của cảm hứng yêu nước trong văn học trung đại?

a. Ý thức độc lập tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc.

b. Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng.

c. Tự hào trước chiến công thời đại.

d. Cảm thông với nỗi khổ của con người.

e. Tự hào trước truyền thống lịch sử.

f. Biết ơn, ca ngợi những người đã hi sinh vì đất nước.

g. Tình yêu thiên nhiên đất nước.

10. Đặc điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của cảm hứng nhân đạo trong văn học trung đại?

a. Lòng thương người.

b. Lên án tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người.

c. Tự hào về truyền thống dân tộc.

d. Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính như khát vọng về quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do, khát vọng về công lí, chính nghĩa.

e. Đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.

11. Cảm hứng thế sự trong văn học trung đại là tiền đề cho sự ra đời của xu hướng văn học nào sau này?

a. Văn học lãng mạn.

b. Văn học hiện thực.

c. Văn học cách mạng.

d. Cả a, b và c.

http://tieulun.hopto.org

12. Điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính quy phạm trong văn học trung đại?

a. Quan niệm văn học: coi trọng mục đích giáo huấn "thi dĩ ngôn chí" (thơ để nói chí), "văn dĩ tải đạo" (văn để chở đạo).

b. Tư duy nghệ thuật: nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn đã thành công thức.

c. Thể loại văn học với những quy định chặt chẽ về kết cấu.

d. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với đời thường.

e. Cách sử dụng thi liệu dẫn nhiều điển tích, điển cố, sử dụng nhiều thi liệu, văn liệu đã thành những mô-típ quen thuộc.

13. Điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính trang nhã trong văn học trung đại?

a. Đề tài, chủ đề: hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn là cái đời thường bình dị.

b. Hình tượng nghệ thuật: hướng tới vẻ tao nhã, mĩ lệ hơn là vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc.

c. Ngôn ngữ nghệ thuật là chất liệu ngôn ngữ cao quý, cách diễn đạt trau chuốt, hoa mĩ hơn là thông tục, tự nhiên gần với đời sống.

d. Sử dụng những thể loại thuần túy của dân tộc.

14. Điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của quá trình dân tộc hóa hình thức văn học?

a. Sử dụng thi liệu, điển cố Hán học.

b. Sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở những thành tố của chữ Hán, để ghi âm, biểu đạt nghĩa tiếng Việt và dùng chữ Nôm trong sáng tác.

c. Việt hoá thể thơ Đường luật thành thơ Nôm Đường luật, sáng tạo các thể thơ dân tộc như lục bát, song thất lục bát, các thể ngâm khúc, truyện thơ, hát nói.

d. Lấy đề tài, tài liệu trực tiếp từ Việt Nam, từ đời sống nhân dân, dân tộc làm thi liệu.

15. Ngôn ngữ sinh hoạt không được gọi là:

a. Khẩu ngữ

b. Ngôn ngữ khoa học

c. Ngôn ngữ nói

d. Ngôn ngữ hội thoại

16. Trong những nhận xét dưới đây, dòng nào đúng, dòng nào sai? (Khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, chữ S vào cuối câu sai)

http://tieulun.hopto.org

a. Ngôn ngữ sinh hoạt là lời ăn tiếng nói hằng ngày Đ S

b. Ngôn ngữ sinh hoạt được dùng trong những cuộc hội họp, thảo luận. Đ S

c. Ngôn ngữ sinh hoạt dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm,... đáp ứng những nhu cầu trong đời sống. Đ S

17. Trong tác phẩm văn học, lời thoại của nhân vật là ở dạng nào?

a. Dạng nói

b. Dạng viết

c. Dạng lời nói tái hiện

18. Tóm tắt *Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* dựa theo nhân vật Mị Châu. Nối cột A và cột B để có được trình tự tóm tắt:

A	B
a. Bước 1	1. Tìm hiểu quan hệ giữa nhân vật Mị Châu với các nhân vật khác trong truyện.
b. Bước 2	2. Tìm hiểu lai lịch của nhân vật Mị Châu.
c. Bước 3	3. Viết văn bản tóm tắt bằng lời văn của mình.
d. Bước 4	4. Tìm hiểu các hành động, lời nói và việc làm của nhân vật trong mối quan hệ với những sự việc chính và diễn biến của cốt truyện.

19. Dòng nào dưới đây không phải là đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt?

a. Tính cụ thể.

b. Tính tự nhiên

c. Tính cảm xúc

d. Tính cá thể

20. Trong những nhận xét dưới đây, nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai? (Khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ S vào cuối câu sai?

Tính cụ thể của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt biểu hiện ở chỗ:

a. Cụ thể về hoàn cảnh: có địa điểm và thời gian cụ thể. Đ S

b. Cụ thể về con người: có người nói và người nghe cụ thể. Đ S

c. Cụ thể về mục đích nói. Đ S

d. Cụ thể về trạng thái tâm lí khi nói. Đ S

e. Cụ thể về cách nói năng, từ ngữ diễn đạt. Đ S

http://tieulun.hopto.org

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Anh (chị) hãy chứng minh rằng: "*Sự tồn tại, phát triển của văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm cho thấy hiện tượng song ngữ ở văn học trung đại Việt Nam. Hai thành phần văn học này không đối lập nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển của văn học dân tộc*". (SGK *Ngữ văn 10*, tập một).

2. Anh (chị) hãy phân tích và lí giải sự phát triển của văn học Việt Nam trong hai giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV và từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII.

3. Qua một số tác phẩm văn học đã học trong chương trình THCS, anh (chị) hãy làm sáng tỏ những đặc điểm lớn về nội dung của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

4. Qua một số tác phẩm văn học đã học trong chương trình THCS, anh (chị) hãy làm sáng tỏ những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	d	c	a	d	d	c	a	d	c

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	d	d	a	b	b-S	c		d	d-S

ĐỀ 8

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ "Thuật hoài"?

a. Trần Quang Khải

b. Phạm Ngũ Lão

c. Trần Quốc Tuấn

d. Trương Hán Siêu

2. Bài thơ "Thuật hoài" ra đời trong hoàn cảnh nào?

a. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ nhất.

b. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ hai.

http://tieulun.hopto.org

c. Cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ ba.

3. Thể thơ của bài "Thuật hoài" giống với thể thơ của bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*

b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang*

d. *Cáo tật thị chúng*

4. Tình cảm, cảm xúc nào được thể hiện trong bài thơ?

a. Tự hào về khí thế và sức mạnh của quân đội thời Trần.

b. Thẹn vì chưa trả xong nợ công danh.

c. Tình yêu nước

d. Cả 3 ý trên.

5. "Hoành sóc" có nghĩa là gì?

a. Cầm ngang ngọn giáo

b. Múa giáo

c. Vác giáo

d. Cả a, b và c đều đúng.

6. Câu thơ nào có yếu tố miêu tả?

a. *Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu*

b. *Tam quân tì hổ khí thôn ngưu*

c. *Nam nhi vị liễu công danh trái*

d. *Hai câu a và b.*

7. Từ nào dưới đây (trong bài thơ) không phải là con vật?

a. *sóc* b. *tì*

c. *hổ* d. *ngưu*

8. Trong những nhận xét dưới đây về câu thơ thứ hai, nhận xét nào đúng, nhận xét nào sai? (khoanh chữ Đ vào cuối câu đúng, khoanh chữ S vào cuối câu sai)

a. "Tam quân" là ba người lính, đồng thời cũng có thể là ba đạo quân. Đ S

b. Hình ảnh ba quân nói về quân đội nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tộc. Đ S

c. Câu thơ gây ấn tượng mạnh bởi sự kết hợp giữa hình ảnh khách quan và cảm nhận chủ quan. Đ S

d. Hình ảnh thơ kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn. Đ S

http://tieulun.hopto.org

9. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt?

a. *giang sơn* b. *sơn hà*

c. *sông núi* d. *quốc gia*

10. Phạm Ngũ Lão cảm thấy thẹn khi nghe người đời kể chuyện ai?

a. Lưu Bị b. Tào Tháo

c. Quan Công d. Gia Cát Lượng

11. Ai là tác giả của bài thơ *Cảnh ngày hè?*

a. Trần Quốc Tuấn b. Trần Quang Khải

c. Phạm Ngũ Lão d. Nguyễn Trãi

12. Bài thơ *Cảnh ngày hè* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

a. Giữa cuộc kháng chiến chống quân Minh.

b. Khi cuộc kháng chiến chống quân Minh vừa kết thúc thắng lợi.

c. Lúc tác giả đang ra sức giúp vua Lê xây dựng đất nước.

d. Lúc tác giả về quê ẩn dật.

13. Thể thơ của bài thơ *Cảnh ngày hè* giống với thể thơ của bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư* b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang* d. *Cáo tật thị chúng*

14. Điều đặc biệt trong hình thức thể loại của bài thơ là gì?

a. Số tiếng ở mỗi câu thơ đều khác nhau.

b. Câu thơ đầu chỉ có 6 tiếng.

c. Câu thơ cuối chỉ có 6 tiếng.

d. Hai ý b và c đúng.

15. Nội dung của bài thơ là gì?

a. Tình yêu thiên nhiên.

b. Tình yêu đời, yêu cuộc sống.

c. Khát vọng về cuộc sống thái bình, hạnh phúc cho nhân dân.

d. Cả a, b và c.

16. Động từ nào không diễn tả trạng thái của cảnh trong bài thơ?

a. Đùn đùn b. Giương

c. Phun d. Đàn

17. Loại cây nào không có trong bài thơ?

a. Hòe b. Thạch lựu

c. Sen d. Hồng

http://tieulun.hopto.org

18. Câu thơ nào cho biết đây là cảnh vào độ cuối mùa hè?

a. *Hoè lục đùn đùn tán rợp giương*

b. *Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ*

c. *Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*

19. Từ nào dưới đây không phải là từ Hán - Việt?

a. *Hòe lục*

b. *Thạch lựu*

c. *Hồng liên*

c. *Tịch dương*

20. Nhà thơ đã cảm nhận cảnh vật bằng những giác quan nào?

a. Thị giác.

b. Khứu giác

c. Thính giác

c. Cả a, b và c.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Vẻ đẹp của hình ảnh người trai thời Trần trong bài thơ "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão.

2. Có người cho rằng Phạm Ngũ Lão quá kiêu kì khi tự sánh mình với Khổng Minh Gia Cát Lượng. Ý kiến của anh (chị)?

3. Phân tích bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi.

4. Cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp độc đáo của bức tranh ngày hè và tâm hồn Nguyễn Trãi trong bài thơ "Cảnh ngày hè".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	b	d	a	d	a	a-S	c	d

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	d	d	c	d	d	d	d	c	a	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 9

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ *Nhàn*?

a. Nguyễn Trãi

b. Nguyễn Bỉnh Khiêm

c. Nguyễn Dữ

d. Phạm Đình Hổ

2. Bài thơ *Nhàn* được trích trong tập thơ nào?

a. *Bạch Vân am thi tập*

b. *Bạch Vân quốc ngữ thi*

3. Thể thơ của bài thơ *Nhàn* giống với bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*

b. *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang*

d. *Cáo tật thị chúng*

4. Nội dung bài thơ *Nhàn* là gì?

a. Ca ngợi cuộc sống thanh nhàn.

b. Thể hiện vẻ đẹp nhân cách và trí tuệ của tác giả.

c. Cả a và b.

5. Dụng cụ nào không được nói đến trong bài thơ?

a. Mai

b. Cày

c. Cuốc

d. Cần câu

6. Số từ "một" trong câu thơ "Một mai, một cuốc, một cần câu" nói lên điều gì?

a. Đời sống nghèo nàn của tác giả.

b. Nhà thơ đã chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống ở thôn quê.

c. Cả hai ý trên.

7. Cuộc sống của nhà thơ ở thôn quê là một cuộc sống như thế nào?

a. Thanh đạm

b. Khắc khổ

c. Cả hai ý trên

8. *Nơi vắng vẻ* trong bài thơ được hiểu là một nơi như thế nào?

a. Nơi không có người ở

b. Nơi không có người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người.

c. Nơi tĩnh tại của thiên nhiên và cũng là nơi thảnh thơi của tâm hồn.

http://tieulun.hopto.org

d Hai ý a và b.

e Hai ý b và c.

9. *Chốn lao xao* trong bài thơ được hiểu là một nơi như thế nào?

a Nơi sang trọng, quyền quý.

b Nơi đông người.

c Vòng ganh đua của thói tục.

d Hai ý a và b.

e Hai ý a và c.

10. Nội dung của chữ "*nhàn*" trong quan niệm của tác giả là gì?

a Tránh sự vất vả, cực nhọc về thể chất.

b Xa lánh nơi quyền quý, về với tự nhiên để di dưỡng tinh thần.

c Quay lưng với xã hội để bản thân được nhàn tản.

d Cả ba ý trên.

11. A: là tác giả của bài thơ *Đọc "Tiểu Thanh kí"*?

a Nguyễn Trãi

b. Nguyễn Bỉnh Khiêm

c. Nguyễn Du

d. Nguyễn Gia Thiều

12. Thể thơ của bài *Đọc "Tiểu Thanh kí"* giống với bài nào dưới đây?

a. *Tụng giá hoàn kinh sư*

b *Bánh trôi nước*

c. *Qua Đèo Ngang*

d *Cáo tật thị chúng*

13. Bai thơ được viết bằng chữ gì?

a Chữ Hán

b Chữ Nôm

14. Nội dung chính của bài thơ là gì?

a. Cảm thương nàng Tiểu Thanh.

b. Cảm thương cho những kiếp "hồng nhan bạc mệnh".

c. Gửi gắm tâm sự riêng của tác giả.

d. Cả a, b và c.

15. Vì sao tác giả lại đồng cảm với nàng Tiểu Thanh?

a. Vì Tiểu Thanh cô độc, không có ai đồng cảm.

b. Vì Tiểu Thanh đẹp và có tài.

c. Vì tác giả tự thấy mình cùng chung thân phận với nàng Tiểu Thanh.

http://tieulun.hopto.org

16. Cái tài của nàng Tiểu Thanh được nói đến trong câu thơ nào?

a. *Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư*

b. *Độc điếu song tiền nhất chỉ thư*

c. *Chi phấn hữu thần liên tử hậu*

d. *Văn chương vô mệnh lụy phần dư*

17. Câu thơ nào thể hiện sâu sắc nhất sự đồng cảm của tác giả với nàng Tiểu Thanh?

a. *Chi phấn hữu thần liên tử hậu*

b. *Văn chương vô mệnh lụy phần dư*

c. *Cổ kim hận sự thiên nan vấn*

d. *Phong vận kì oan ngã tự cư*

18. Nỗi hận trong câu thơ "*Cổ kim hận sự thiên nan vấn*" là gì?

a. Nỗi hận của người xưa kéo dài đến ngày nay.

b. Nỗi hận của người nay giống nỗi hận của người xưa.

c. Người xưa và người nay cùng chung một nỗi hận, một nỗi oán trách sự bất công của cuộc đời.

19. Tại sao tác giả cho đó là nỗi hận "khó hỏi trời"?

a. Vì trời cao xa quá.

b. Vì trời không có thực.

c. Vì không phải do trời gây ra.

20. Niềm thương xót và đồng cảm với những người phụ nữ có tài văn chương mà bất hạnh nói lên điều gì về tấm lòng nhân đạo của nhà thơ?

a. Đó là tấm lòng thương người xuất phát từ quan niệm đạo đức Nho giáo.

b. Đó là tấm lòng thương người đã vượt qua cái nhìn kì thị của tư tưởng Nho giáo.

c. Cả a và b đều đúng.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Cảm nhận chung của anh (chị) về cuộc sống, nhân cách Nguyễn Bỉnh Khiêm qua bài thơ "Nhàn".

2. "Bài thơ như lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với tự nhiên, giữ cốt cách thanh cao, vượt lên trên danh lợi" (phần *Ghi nhớ* bài thơ *Nhàn*). Ý kiến của anh (chị)?

http://tieulun.hopto.org

3. Phân tích bài thơ *Đọc "Tiểu Thanh kí"*.

4. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

Rằng: Hồng nhan tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?

Từ đoạn thơ trên, anh (chị) hãy phát biểu về chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du trong bài thơ *Đọc "Tiểu Thanh kí"*.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	c	a	b	b	a	e	e	b

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	c	c	a	d	c	d	d	c	c	b

ĐỀ 10

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. A: là tác giả của bài thơ *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng?*

a. Lý Bạch
b. Đỗ Phủ
c. Thôi Hiệu
d. Vương Duy

2. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.
b. Thất ngôn bát cú.
c. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
d. Thất ngôn trường thiên.

3. Tên riêng nào không xuất hiện trong bài thơ?

a. Lầu Hoàng Hạc
b. Quảng Lăng
c. Vũ Xương
d. Dương Châu
e. Trường Giang

http://tieulun.hopto.org

4. Cuộc chia tay diễn ra vào thời gian nào?

a. Mùa xuân.

b. Mùa hạ.

c. Mùa thu.

d. Mùa đông.

5. Cảnh trong bài thơ là một khung cảnh:

a. Rực rỡ, tràn đầy sức sống.

b. Lặng lẽ, ảm đạm.

c. Tươi đẹp, huyền ảo.

d. Bình thường.

6. Không gian, thời gian và con người trong hai câu đầu của bài thơ có mối quan hệ với nhau như thế nào?

a. Tương phản

b. Hài hòa

c. Cả hai ý trên.

7. Sông Trường Giang là huyết mạch giao thông chính của miền Nam Trung Quốc, vào mùa xuân hẳn có nhiều thuyền bè xuôi ngược. Tại sao nhà thơ chỉ thấy "cánh buồm lẻ loi" của cố nhân?

a. Vì lúc ấy chỉ có mỗi chiếc thuyền của Mạnh Hạo Nhiên xuôi dòng Trường Giang.

b. Vì tấm lòng nhà thơ đã định hướng cho đôi mắt chỉ dõi theo chiếc thuyền của bạn.

c. Cả hai ý trên.

8. Câu thơ cuối "Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu" diễn tả điều gì?

a. Tả dòng sông Trường Giang rộng lớn.

b. Diễn tả cái nhìn thẫn thờ và tâm trạng cô đơn, lẻ loi của người đưa tiễn.

9. Hình ảnh "cô phàm viễn ảnh bích không tận" được diễn tả trong trạng thái nào?

a. Động

b. Tĩnh

10. Quan hệ giữa hình ảnh "cô phàm" với hình ảnh "bích không tận" và "Trường Giang thiên tế lưu" là quan hệ gì?

a. Tương phản

b. Hài hòa

http://tieulun.hopto.org

11. Câu ca dao nào dưới đây không sử dụng phép ẩn dụ?

a. *Thuyền về có nhớ bến chăng,*
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

b. *Ai đi đâu đấy hỡi ai,*
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.

c. *Ai làm cho bướm lìa hoa,*
Cho chim xanh nỡ bay qua vườn hồng.

d. *Trên trời mây trắng như bông,*
Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây.
Mấy cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thể đội mây về làng.

12. Trong những ẩn dụ dưới đây, trường hợp nào không cùng loại với những trường hợp còm lại?

a. ***Gió lướt thướt kéo mình*** *qua cỏ rối,*
Đêm bâng khuâng *đôi miếng* ***lẩn*** *trong cành.*

(Xuân Diệu)

b. *Này lắng nghe em* ***khúc nhạc thơm,***
Say người như rượu tối tân hôn.

(Xuân Diệu)

c. ***Mây đi vắng, trời xanh buồn*** *rộng rãi.*

(Anh Thơ)

d. ***Giấy đỏ buồn*** *không thắm,*
Mực đọng trong ***nghiên sầu.***

(Vũ Đình Liên)

13. Trường hợp nào dưới đây không sử dụng phép hoán dụ?

a. *Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

(Nguyễn Du)

b. *Áo chàm đưa buổi phân li,*
Cầm tay nhau, biết nói gì hôm nay.

(Tố Hữu)

c. *Sen tàn, cúc lại nở hoa,*
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.

(Nguyễn Du)

d. *Bây giờ mận mới hỏi đào:*
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

(Ca dao)

http://tieulun.hopto.org

14. Câu thơ sau có sử dụng phép tu từ nào:

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Chính Hữu)

a. Ẩn dụ.

b. Hoán dụ.

c. Cả ẩn dụ và hoán dụ.

15. Nối cột A với cột B để có được trình tự đúng của các thao tác chuẩn bị và trình bày một vấn đề:

A	B
a. Bước 1	1. Lập dàn ý cho bài trình bày.
b. Bước 2	2. Chào hỏi và tự giới thiệu.
c. Bước 3	3. Trình bày nội dung chính.
d. Bước 4	4. Chọn vấn đề trình bày.
e. Bước 5	5. Kết thúc và cám ơn.

16. Việc chọn vấn đề trình bày nên căn cứ vào những yếu tố nào?

a. Đề tài chung.

b. Hiểu biết của bản thân và lượng tư liệu thu thập được về vấn đề.

c. Tính hấp dẫn của vấn đề và sự quan tâm của người nghe.

d. Cả ba ý trên.

17. Để trình bày một vấn đề đạt hiệu quả, cần bảo đảm các yêu cầu nào của giao tiếp khẩu ngữ?

a. Nội dung nói.

b. Âm thanh lời nói.

c. Cử chỉ và điệu bộ.

d. Cả ba ý trên.

18. Câu trích sau tương ứng với phần nào trong quá trình trình bày?

Bây giờ chúng ta chuyển sang vấn đề trang phục. Như chúng ta đã biết, nhà trường đã quy định đồng phục của học sinh khi đến trường...

a. Bắt đầu trình bày.

b. Trình bày nội dung chính.

c. Chuyển sang chủ đề khác.

d. Tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày.

http://tieulun.hopto.org

19. Câu trích sau tương ứng với phần nào trong quá trình trình bày?

Bay giờ chúng ta cùng đi vào nội dung chủ yếu của đề tài. Trước tiên, tôi muốn nói...

a. Bắt đầu trình bày.

b. Trình bày nội dung chính.

c. Chuyển sang chủ đề khác.

d. Tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày.

20. Câu trích sau tương ứng với phần nào trong quá trình trình bày?

Chào các bạn. Tôi tên là Nguyễn Văn Nam, bí thư chi đoàn lớp 10A1. Tôi rất hân hạnh được gặp gỡ các bạn để cùng trao đổi về đề tài...

a. Bắt đầu trình bày.

b. Trình bày nội dung chính.

c. Chuyển sang chủ đề khác.

d. Tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

1. Người ta thường cho rằng: Cái hay của thơ Đường là ở chỗ thể hiện được "ý tại ngôn ngoại" (ý ở ngoài lời). Hãy tìm "ý tại ngôn ngoại" của bài thơ *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng.*

2. Các nhà thơ đời Đường rất trân trọng tình bạn. Anh (chị) hãy suy ngẫm về vị trí và ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống ngày nay.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	a	a	c	a	c	b	b	b	a	a

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	d	b	d	c		d	d	c	b	a

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 11

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Ai là tác giả của bài thơ "Cảm xúc mùa thu"?

a. Lý Bạch
b. Đỗ Phủ
c. Thôi Hiệu
d. Vương Duy

2. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

a. Thất ngôn tứ tuyệt.
b. Thất ngôn bát cú.
c. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
d. Thất ngôn trường thiên.

3. Tên riêng nào không xuất hiện trong bài thơ?

a. Vu sơn
b. Vu giáp
c. Tứ Xuyên
d. Thành Bạch Đế

4. Cảm hứng của bài thơ là gì?

a. Tình yêu thiên nhiên.
b. Nỗi nhớ quê hương.
c. Tình yêu đất nước và nhân dân.
d. Hai ý a và b.
e. Hai ý b và c.

5. Cảnh sắc ở hai câu đầu là khung cảnh:

a. Bi thương, tàn tạ.
b. Hoành tráng, dữ dội.
c. Cả a và b đúng.

6. Cảnh sắc ở hai câu thứ ba và thứ tư là khung cảnh:

a. Bi thương, tàn tạ.
b. Hoành tráng, dữ dội.
c. Cả a và b đúng.

7. Hình ảnh rừng phong tiêu điều vì sương móc có ý nghĩa gì?

a. Diễn tả sự độc hại của sương móc.
b. Tả thực cảnh thu u buồn của vùng Vu sơn, Vu giáp.
c. Ngầm diễn tả cảnh đời bị vùi dập đau thương.
d. Hai ý a và b đúng.
e. Hai ý b và c đúng.

http://tieulun.hopto.org

8. Câu thơ nào cho biết nhà thơ xa quê đã hai năm?

a. *Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng*

b. *Tái thượng phong vân tiếp địa âm*

c. *Tùng các lưỡng khai tha nhật lệ*

d. *Cô chu nhất hệ cố viên tâm*

9. Hình ảnh *khóm cúc* và *con thuyền* diễn tả điều gì?

a. Hình ảnh cuộc sống gần gũi, quen thuộc.

b. Vẻ đẹp của mùa thu.

c. Nỗi buồn nhớ quê hương.

10. Âm thanh tiếng chày đập áo có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

a. Tả âm thanh đặc trưng của mùa thu Trung Quốc.

b. Gợi nỗi buồn da diết cho người xa quê.

c. Cả hai ý trên.

11. Việc lập kế hoạch cá nhân có tác dụng gì?

a. Giúp mọi người biết được công việc của ta.

b. Giúp ta chủ động tiến hành công việc đạt kết quả.

c. Cả hai ý trên.

12. Để lập kế hoạch cá nhân, cần nắm được điều gì?

a. Yêu cầu của công việc.

b. Nội dung công việc.

c. Quỹ thời gian hiện có của bản thân.

d. Cả ba ý trên.

13. Yêu cầu của một bản kế hoạch cá nhân phải như thế nào?

a. Thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành công việc và thời gian để hoàn thành.

b. Lời văn cần ngắn gọn, súc tích dưới dạng các dề mục lớn nhỏ khác nhau.

c. Khi cần thiết có thể kẻ bảng.

d. Cả ba ý trên.

14. Trường hợp nào sau đây cần phải làm kế hoạch cá nhân?

a. Việc tự học hàng tuần.

b. Tham gia một buổi lao động dọn vệ sinh.

c. Đi dự sinh nhật một người bạn.

d. Hai trường hợp a và b.

http://tieulun.hopto.org

15. Câu nào dưới đây nói đúng nhất về ý nghĩa của văn thuyết minh?

a. Văn thuyết minh nhằm trình bày chính xác về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị,... của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên, xã hội và con người.

b. Văn thuyết minh nhằm giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị,... của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên, xã hội và con người.

c. Văn thuyết minh nhằm giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị,... của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên, xã hội và con người và nêu lên ý kiến riêng của người viết.

16. Văn bản nào dưới đây là văn bản thuyết minh?

a. Văn bản giới thiệu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

b. Văn bản tóm tắt *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

c. Văn bản phân tích nhân vật *Thúy Kiều* trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

17. Loại văn bản nào dưới đây là văn bản thuyết minh?

a. Văn bản trình bày, giới thiệu một tác phẩm.

b. Văn bản trình bày, giới thiệu một di tích lịch sử.

c. Văn bản trình bày, giới thiệu một thắng cảnh.

d. Văn bản trình bày, giới thiệu một phương pháp.

e. Văn bản thiên về miêu tả sự vật, hiện tượng với những hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng.

f. Tất cả các loại văn bản trên.

18. Kết cấu của văn bản là gì?

a. Là quan hệ giữa các đoạn trong văn bản.

b. Là sự tổ chức, sắp xếp các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.

c. Là sự tổ chức, sắp xếp các thành tố của văn bản theo chủ đề chung của văn bản.

19. Dòng nào dưới đây không khái quát được những hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh?

a. Kết cấu theo trình tự thời gian.

b. Kết cấu theo trình tự không gian.

c. Kết cấu theo trình tự nguyên nhân – kết quả.

http://tieulun.hopto.org

d. Kết cấu theo trình tự lôgic.

e. Kết cấu theo trình tự hỗn hợp.

20. Nối cột A và cột B để có được các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh:

A	B
a. Kết cấu theo trình tự thời gian.	1. Trình bày sự vật theo các mối quan hệ khác nhau.
b. Kết cấu theo trình tự không gian.	2. Trình bày sự vật với sự kết hợp nhiều trình tự khác nhau.
c. Kết cấu theo trình tự lôgic	3. Trình bày sự vật theo tổ chức vốn có của nó.
d. Kết cấu theo trình tự hỗn hợp.	4. Trình bày sự vật theo theo quá trình hình thành, vận động và phát triển.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phân tích bài thơ "Cảm xúc mùa thu".

2. Cảm nhận của anh (chị) về bức tranh thu trong bài thơ "Cảm xúc mùa thu".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	b	b	c	e	a	b	e	c	c	c

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	d	d	d	b	a	[illegible]	b	c	

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 12

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu làm theo thể:

a. Phú Đường luật
b. Phú cổ thể
c. Phú lưu thủy
d. Cả b và c đều đúng

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết.
Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều.
Mà lòng tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết .
Bèn giữa dòng chừ buông chèo,
Học Tử Trường chừ thú tiêu dao.

Hãy cho biết mục đích dạo chơi phong cảnh thiên nhiên của khách là gì?

a. Thỏa mãn thú ngao du sơn thủy.
b. Thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên.
c. Nghiên cứu cảnh trí đất nước, bồi bổ tri thức .
d. Cả b và c đều đúng.

3. Có hai loại địa danh khách đã đi qua và dừng lại. Loại địa danh thứ nhất lấy trong điển cố Trung Quốc. Loại địa danh thứ hai là loại địa danh của đất Việt. Điều đó đúng hay sai?

a. Đúng
b. Sai

4. Trong những địa danh sau, địa danh nào không lấy từ trong điển cố Trung Quốc?

a. Cửu giang
b. Cửa Đại Than
c. Tam Ngô
d. Ngũ Hồ

5. Tử Trường trong bài phú là tên chữ của:

a. Gia Cát Lượng
b. Tư Mã Thiên
c. Đào Tiềm
d. Lý Bạch

6. Những cảm xúc gì của khách đã nảy sinh trước cảnh tượng sông Bạch Đằng?

a. Tự hào
b. Vui sướng
c. Buồn đau, nuối tiếc
d. Cả a, b, c đều đúng

http://tieulun.hopto.org

7. Hình tượng các bô lão giữ vai trò gì trong bài phú?

a. Người kể lại các chiến tích trên sông Bạch Đằng.

b. Người bình luận các chiến tích trên sông Bạch Đằng.

c. Người nghe chuyện

d. Cả a và b đều đúng

8. Các bô lão đã kể với khách về chiến tích nào trên sông Bạch Đằng?

a. Trận Xích Bích, quân Tào Tháo tan tác tro bay.

b. Trận Hợp Phì, giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi.

c. Chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã.

d. Cả a, b, c đều đúng.

9. Qua lời bình luận của các bô lão, ta hiểu yếu tố nào trong các yếu tố dưới đây giữ vai trò quan trọng nhất làm nên chiến thắng Bạch Đằng?

a. Thiên thời

b. Địa lợi

c. Nhân hòa

d. Nhân tài

10. "Hai vị thánh quân" được nói trong bài "Bạch Đằng giang phú" là:

a. Trần Thánh Tông

b. Trần Nhân Tông

c. Trần Quốc Tuấn

d. Cả a và b đều đúng

11. Nguyễn Trãi có hiệu là gì?

a. Thanh Hiên

b. Ức Trai

c. Yên Đổ

d. Bạch Vân

12. Nguyễn Trãi cùng cha ra làm quan dưới triều đại nào?

a. Nhà Lý

b. Nhà Trần

c. Nhà Hồ

d. Nhà Nguyễn

13. Trong các tác phẩm dưới đây của Nguyễn Trãi, tác phẩm nào thuộc loại văn chính luận?

a. Ức Trai thi tập.

b. Bình Ngô đại cáo.

c. Quân trung từ mệnh tập.

d. Cả b, c đều đúng.

14. ***Bui một tấc lòng ưu ái cũ,***

Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông.

Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào dưới đây?

a. *Thuật hứng* – bài 2

b. *Tự thán* – bài 40

c. *Bảo kính cảnh giới* – bài 42

d. *Tự thuật* – bài 9

http://tieulun.hopto.org

15. Trong thơ văn Nguyễn Trãi, tác phẩm nào được gọi là áng "thiên cổ hùng văn"?

a. *Lam sơn thực lục* b. *Dư địa chí*

c. *Quân trung từ mệnh tập* d. *Bình Ngô đại cáo*

16. Nguyễn Trãi thừa lệnh của ai để viết bài "Bình Ngô đại cáo"?

a. Lê Thái Tổ b. Lê Thái Tông

c. Lê Lợi d. Cả a và c đều đúng.

17. Nhan đề 'Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi mang ý nghĩa: Bản bá cáo trọng đại của quốc gia, được công bố rộng khắp về việc dẹp yên giặc Ngô. Giải thích như vậy đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

18. Trong bài 'Bình Ngô đại cáo", "nhân nghĩa" của Nguyễn Trãi là:

a. Mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người trên cơ sở tình thương và đạo lí.

b. Tiêu trừ tham tàn bạo ngược, bảo đảm cuộc sống yên ổn cho dân.

c. Tiêu trừ bọn cướp nước, bán nước, mang lại cuộc sống bình yên hạnh phúc cho nhân dân

d. Cả a, b, c đều đúng.

19. Trong "Nam quốc sơn hà" của Lý Thường Kiệt, độc lập dân tộc được xác định chủ yếu trên hai yếu tố: lãnh thổ và chủ quyền. Đến 'Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi bổ sung yếu tố nào?

a. Văn hiến b. Phong tục tập quán

c. Lịch sử d. Cả 3 yếu tố trên

20. Trong những tội ác của giặc Minh dưới đây, tội ác nào là man rợ nhất?

a. *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn.*

b. *Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ.*

c. *Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

d. Cả a và c đều đúng.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Phân tích hình tượng nhân vật "khách" trong bài "Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu.

http://tieulun.hopto.org

2. Phân tích, so sánh lời ca của "khách" kết thúc bài "Phú sông Bạch Đằng" với bài thơ "Sông Bạch Đằng" (Bạch Đằng giang) của Nguyễn Sưởng (bản dịch):

Mồ thù như núi, cỏ cây tươi,
Sóng biển gầm vang, đá ngất trời.
Sự nghiệp Trùng Hưng ai dễ biết,
Nửa do sông núi, nửa do người.

3. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua một số câu thơ mà anh (chị) cảm nhận sâu sắc nhất.

4. "Xuất hiện ở nửa đầu thế kỉ XV, thiên tài văn học của Nguyễn Trãi trở thành một hiện tượng văn học kết tinh truyền thống văn học Lý – Trần, đồng thời cho cả một giai đoạn phát triển mới" (*Ngữ văn 10*, tập hai). Ý kiến của anh (chị)?

5. *Đại cáo bình Ngô* được coi là bản tuyên ngôn độc lập, tác phẩm có mang ý nghĩa tuyên ngôn về quyền sống của con người hay không? Hãy lí giải.

6. *Đại cáo bình Ngô* có sự kết hợp hài hòa yếu tố chính luận và yếu tố văn chương. Anh (chị) hãy phân tích để làm sáng tỏ đặc điểm ấy.

7. Anh (chị) hãy chứng minh rằng:

"Bằng một nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lời lẽ thiết tha, bài *Tựa Trích diễm thi tập* thể hiện niềm tự hào, sự trân trọng và ý thức bảo tồn di sản văn học dân tộc".

8. Trong bài "Đại cáo Bình Ngô", Nguyễn Trãi viết:

Nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn hiến đã lâu.

Từ câu văn trên, anh (chị) hãy bàn về tình cảm của Hoàng Đức Lương trong bài *Tựa Trích diễm thi tập*.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	d	a	b	b	d	d	c	d	d

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	c	d	a	d	d	a	c	d	d

http://tieulun.hopto.org

ĐỀ 13

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

1. Tác giả "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên" là ai?

a. Nguyễn Bỉnh Khiêm

b. Nguyễn Trãi

c. Nguyễn Dữ

d. Nguyễn Trường Tộ

2. "Truyền kì mạn lục" là tác phẩm ra đời vào thế kỉ:

a. XIII b. XIV

c. XV d. XVI

3. Tên tác phẩm "Truyền kì mạn lục" có nghĩa là:

a. Tập sách ghi chép những chuyện hoang đường.

b. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ.

c. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ được lưu truyền.

d. Tập sách ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền.

4. Ngô Tử Văn được giới thiệu là một người "khẳng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương phương". Trong truyện, tính cách này không được thể hiện qua chi tiết nào dưới đây?

a. Sự tức giận trước việc tác quái của tên hung thần và hành động đốt đền trừ hại cho dân.

b. Thái độ khiếp sợ trước những lời đe dọa của bọn quỷ Dạ Xoa nanh á

c. Thái độ bất khuất cứng cỏi trước Diêm Vương đầy quyền lực.

d. Sự gan dạ trước quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm.

5. Trong các việc làm dưới đây, việc làm nào của Ngô Tử Văn là hành động trừ hại cho dân?

a. Đánh bọn quỷ Dạ Xoa.

b. Đốt đền của một tên hung thần vốn là một tướng giặc xâm lược.

c. Chống lại Diêm Vương.

d. Cả a, b, c đều sai.

6. Nét đặc sắc nổi bật nhất về nghệ thuật của "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên" là:

a. Lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

b. Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

http://tieulun.hopto.org

c. Truyện được xây dựng giàu kịch tính, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc.

d. Cốt truyện rõ ràng, giọng văn lôi cuốn.

7. "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn bát cú Đường luật

b. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

c. Trường đoản cú

d. Song thất lục bát

8. Bản dịch "Chinh phụ ngâm" của Đoàn Thị Điểm được viết theo thể thơ nào?

a. Thất ngôn bát cú Đường luật

b. Lục bát

c. Song thất lục bát

d. Lục bát biến thể

9. *Chinh phụ ngâm* nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi vốn ít được thơ văn các thời kì trước chú ý. Đúng hay sai?

a. Đúng b. Sai

10. Qua đoạn trích, tác giả đã vận dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật miêu tả tâm trạng nào?

a. Tả nội tâm qua ngoại hình, qua hành động.

b. Tả ngoại cảnh, miêu tả các hành động.

c. Độc thoại nội tâm, đối thoại.

d. Cả a và b đều đúng.

11. Tên chữ của Nguyễn Du là gì?

a. Thanh Hiên b. Ức Trai

c. Tố Như d. Cả a, b, c đều sai

12. Tác phẩm chữ Hán của Nguyễn Du là:

a. *Thanh Hiên thi tập* b. *Đoạn trường tân thanh*

c. *Văn tế thập loại chúng sinh* d. Cả a, b, c đều đúng

13. Tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Du là:

a. *Nam trung tạp ngâm* b. *Bắc hành tạp lục*

c. *Thanh Hiên thi tập* d. *Đoạn trường tân thanh*

http://tieulun.hopto.org

14. Kỉ vật của Kiều trao cho Vân là:

a. Chiếc thoa
b. Tờ mây
c. Chiếc vành
d. Cả b và c đều đúng.

15. Từ "mệnh bạc" trong câu thơ "Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên" có nghĩa là gì?

a. Không may mắn
b. Số mệnh bất hạnh
c. Người đã chết
d. Cả b, c, đều đúng

16. Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.

Trong đoạn thơ trên, có sự đối lập giữa:

a. Quá khứ và hiện tại của Thúy Kiều
b. Quá khứ và tương lai của Thúy Kiều
c. Hiện tại và tương lai của Thúy Kiều

17. Câu nào nói đúng về các cụm từ *"bướm lả ong lơi"*, *"lá gió cành chim"*, *"sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh"*?

a. Đây là những hình ảnh tả thực, miêu tả tỉ mỉ cuộc sống của Thúy Kiều ở lầu xanh.

b. Đây là những cách nói ước lệ, sử dụng điển cố, điển tích,, diễn tả cuộc sống trăng gió cùng với sự suồng sã, đùa cợt của khách làng chơi ở lầu xanh.

18. Trong câu thơ *"Giật mình, mình lại thương mình xót xa"*, chữ *"mình"* nào chỉ thân phận hiện tại của Thúy Kiều?

a. Chữ *"mình"* thứ nhất
b. Chữ *"mình"* thứ hai
c. Chữ *"mình"* thứ ba

19. Từ "trượng phu" trong câu "Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương" có nghĩa là gì?

a. Người đàn ông tốt bụng
b. Người đàn ông tài cao học rộng
c. Người đàn ông nghĩa hiệp
d. Người đàn ông có tài năng xuất chúng

http://tieulun.hopto.org

20. Cụm từ "mặt phi thường" trong câu thơ "Làm cho rõ mặt phi thường" hàm nghĩa:

a. Ca ngợi tài năng xuất chúng hơn người của Từ Hải.

b. Cách nói thể hiện sự trân trọng kính phục của Nguyễn Du đối với Từ Hải.

c. Cách nói thiếu tôn trọng của Nguyễn Du đối với Từ Hải.

d. Cả a và b đều đúng.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Chọn một trong các đề sau:

1. Hãy phân tích đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" để làm rõ: "Đoạn trích miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, buồn khổ ở người chinh phụ khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi" (*Ngữ văn 10*, tập hai).

2. Chứng minh rằng: "Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX".

3. Anh (chị) hãy làm rõ những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với văn học dân tộc.

4. Bi kịch của Thúy Kiều trong đoạn trích "Trao duyên".

5. Anh (chị) hày viết lại đoạn trích "Trao duyên" bằng văn xuôi.

6. Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích "Nỗi thương mình".

7. Phân tích đoạn trích "Nỗi thương mình" để làm rõ nghệ thuật tả tình của Nguyễn Du trong "Truyện Kiều".

8. Vẻ đẹp của hình tượng Từ Hải trong đoạn "Chí khí anh hùng".

9. Lí tưởng xã hội và tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du qua đoạn "Chí khí anh hùng".

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	c	d	d	b	b	c	c	c	a	d

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	c	a	d	d	d	a	b	c	d	d

http://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

PHẦN I - ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT

- Đề 1 5
- Đề 2 7
- Đề 3 10
- Đề 4 13
- Đề 5 15
- Đề 6 17
- Đề 7 19
- Đề 8 22
- Đề 9 24
- Đề 10 26
- Đề 11 28
- Đề 12 30
- Đề 13 32
- Đề 14 34
- Đề 15 36
- Đề 16 39
- Đề 17 41
- Đề 18 43
- Đề 19 46
- Đề 20 48
- Đề 21 49
- Đề 22 51
- Đề 23 53
- Đề 24 56
- Đề 25 58
- Đề 26 60
- Đề 27 62
- Đề 28 64
- Đề 29 65
- Đề 30 67

http://tieulun.hopto.org

- Đề 31 69
- Đề 32 71
- Đề 33 74
- Đề 34 76
- Đề 35 78
- Đề 36 80
- Đề 37 82
- Đề 38 84

PHẦN II - ĐỀ KIỂM TRA 90 PHÚT

- Đề 1 87
- Đề 2 92
- Đề 3 97
- Đề 4 102
- Đề 5 106
- Đề 6 110
- Đề 7 114
- Đề 8 118
- Đề 9 122
- Đề 10 125
- Đề 11 130
- Đề 12 134
- Đề 13 138

http://tieulun.hopto.org

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715012; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập: NGUYỄN VĂN THẢO
THANH NGA

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

---

50 ĐỀ TRẮC NGHIỆM NGỮ VĂN THPT - 10

Mã số: 2L - 09 ĐH 2006

In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Chi nhánh Công ti Phát triển Công nghệ và Truyền hình - TP. Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 41 - 2006/CXB/ 21 – 282/ ĐHQG HN, ngày 10/01/2006.

Quyết định xuất bản số: 248 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.

http://tieulun.hopto.org